

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
THEO BỘ CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC
CÁC TRƯỜNG SƯ PHẠM (TEIDI)

Nghệ An, 2019

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
THEO BỘ CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC
CÁC TRƯỜNG SƯ PHẠM (TEIDI)

Nghệ An, 2019

MỤC LỤC

	Trang
Phần 1: MỞ ĐẦU	1
1.1. Thông tin tóm tắt về Trường.....	1
1.2. Bối cảnh chung của Nhà trường và bối cảnh tham gia chương trình ETEP.....	4
1.3. Tóm tắt kết quả tự đánh giá	6
Phần 2: TỰ ĐÁNH GIÁ	12
Tiêu chuẩn 1 TẦM NHÌN CHIẾN LƯỢC, QUẢN LÝ VÀ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG	12
Tiêu chí 1: Tầm nhìn chiến lược.....	12
Tiêu chí 2: Quản lý	17
Tiêu chí 3: Hệ thống đảm bảo chất lượng	23
Tiêu chuẩn 2 CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	30
Tiêu chí 4: Phát triển chương trình.....	30
Tiêu chí 5: Nội dung chương trình và tổ chức thực hiện.....	36
Tiêu chuẩn 3 NGHIÊN CỨU, PHÁT TRIỂN VÀ ĐỔI MỚI	43
Tiêu chí 6: Chính sách về nghiên cứu, phát triển và đổi mới	43
Tiêu chí 7: Hỗ trợ nghiên cứu, phát triển và đổi mới	50
Tiêu chuẩn 4 HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI.....	58
Tiêu chí 8: Hợp tác vùng, địa phương	58
Tiêu chí 9: Hợp tác quốc tế	63
Tiêu chí 10: Hợp tác với các tổ chức khác	69
Tiêu chí 11: Thông tin và truyền thông	78
Tiêu chuẩn 5 MÔI TRƯỜNG SỰ PHẠM VÀ CÁC NGUỒN LỰC.....	83
Tiêu chí 12: Môi trường sự phạm.....	83
Tiêu chí 13: Cơ sở vật chất, tài nguyên dạy và học.....	86
Tiêu chí 14: Nguồn tài chính	90
Tiêu chí 15: Nguồn nhân lực	94
Tiêu chuẩn 6 HỖ TRỢ DẠY HỌC	98
Tiêu chí 16: Hỗ trợ, bồi dưỡng giảng viên	98
Tiêu chí 17: Đánh giá và công nhận giảng viên.....	108
Tiêu chuẩn 7 HỖ TRỢ HỌC TẬP	113
Tiêu chí 18: Tuyển sinh và hỗ trợ người học.....	113
Tiêu chí 19: Đánh giá và công nhận kết quả học tập.....	118
Tiêu chí 20: Các hoạt động ngoại khóa	122
Phần 3. TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ	125
Phần 4. KẾT LUẬN	129
PHỤ LỤC	131

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	<u>Đọc thành</u>
BGH	Ban Giám hiệu
CDIO	Hình thành ý tưởng, thiết kế ý tưởng, thực hiện và vận hành (Conceive - Design - Implement - Operate)
CNTT	Công nghệ thông tin
CTĐT	Chương trình đào tạo
ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
ĐU	Đảng ủy
DV, HTSV & QHDN	Dịch vụ, Hỗ trợ SV và quan hệ doanh nghiệp
GD-ĐT	Giáo dục và đào tạo
GS	Giáo sư
GV	Giảng viên
HĐKH&ĐT	Hội đồng Khoa học và Đào tạo Nhà <u>trường</u>
HĐT	Hội đồng trường
HS	Học sinh
HTQT	Hợp tác quốc tế
HV	Học viên
KHCN	Khoa học công nghệ
KHGD	Khoa học giáo dục
KTV	Kỹ thuật viên
NCKH	Nghiên cứu khoa học
NCKH&CGCN	Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ
P. CTCT-HSSV	Phòng Công tác <u>chính trị</u> - học sinh sinh viên
P. KH&HTQT	Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế
P. KHTC	Phòng Kế hoạch Tài chính
P. TCCB	Phòng Tổ chức cán bộ
PGS	Phó giáo sư
PTN	Phòng thí nghiệm
SV	Sinh viên
TDTT	Thể dục, thể thao
THPT	Trung học phổ thông

Phần 1: MỞ ĐẦU

1.1. Thông tin tóm tắt về Trường

Tên trường: **Trường Đại học Vinh** Tên tiếng Anh: **Vinh University**
Trụ sở chính: Số 182, đường Lê Duẩn, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Liên hệ: Điện thoại: (038) 3855452 Fax: (038) 3855269
Website: www.vinhuni.edu.vn Email: vinhuni@vinhuni.edu.vn
Năm bắt đầu đào tạo khóa I: 1959

Trường Đại học Vinh là đơn vị sự nghiệp công lập, trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD-ĐT), có tư cách pháp nhân, có tài khoản, con dấu và biểu tượng riêng; có chức năng, nhiệm vụ: Đào tạo nhân lực có trình độ đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu phát triển của đất nước và một số nước trong khu vực; đào tạo học sinh (HS) trung học phổ thông (THPT) chuyên nhằm bồi dưỡng nhân tài cho đất nước; nghiên cứu khoa học (NCKH) và chuyển giao công nghệ phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của vùng Bắc Trung Bộ và cả nước.

SỨ MẠNG: Trường Đại học Vinh là cơ sở giáo dục đại học đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, nghiên cứu khoa học giáo dục, khoa học cơ bản, ứng dụng và chuyển giao công nghệ hàng đầu của khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước, luôn hướng tới sự thành đạt của người học.

TÂM NHÌN: Trường Đại học Vinh trở thành trường đại học trọng điểm quốc gia, thành viên của Mạng lưới các trường đại học ASEAN.

MỤC TIÊU TỔNG QUÁT: Tạo dựng môi trường học thuật tốt để hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực cá nhân, hướng tới sự thành công.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI:

Trung thực (Honesty)

Trách nhiệm (Accountability)

Say mê (Passion)

Sáng tạo (Creativity)

Hợp tác (Cooperation)

Chính sách chất lượng của Trường là “*không ngừng cải tiến chất lượng đào tạo trên cơ sở đổi mới chương trình đào tạo, nội dung giáo dục, phương pháp dạy học và tạo điều kiện tốt nhất cho người học; nâng cao hiệu quả của hệ thống đảm bảo chất lượng (ĐBCL) và tham gia kiểm định chất lượng định kỳ*”.

Trường có trụ sở chính (cơ sở 1) tại số 182, đường Lê Duẩn, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An với diện tích trên 14 ha và 4 cơ sở khác:

- Cơ sở 2: Hiện tại là nơi đào tạo của khoa Nông - Lâm - Ngư và Trung tâm Giáo dục Quốc phòng - An ninh Vinh; địa chỉ: xã Nghi Ân, thành phố Vinh và xã Nghi Phong, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An; diện tích 112 ha.

- Cơ sở 3: Trung tâm Thực hành nuôi trồng Thủy sản mặn - lợ; địa chỉ: xã Xuân Trường, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh; diện tích trên 9 ha.

- Cơ sở 4: Trung tâm Thực hành nuôi trồng Thủy sản nước ngọt; địa chỉ: khối 4, thị trấn Hưng Nguyên, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An; diện tích gần 5 ha.

- Cơ sở 5: Khu kí túc xá sinh viên; địa chỉ: khối 22, phường Hưng Bình, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An; diện tích gần 0,5 ha.

Trải qua 60 năm xây dựng và phát triển, Trường đã phát triển từ một trường đại học sư phạm thành trường đại học đa ngành. Trường hiện hiện có 6 viện, 7 khoa đào tạo, 12 phòng ban, 12 trung tâm, trạm, 2 văn phòng đại diện với 54 ngành đào tạo đại học; 37 chuyên ngành đào tạo thạc sĩ và 16 chuyên ngành đào tạo tiến sĩ với trên 40.000 sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh. Trường THPT Chuyên trực thuộc Trường Đại học Vinh là 1 trong 20 trường trung THPT có uy tín nhất trong cả nước. Trường Thực hành Sư phạm Đại học Vinh với các cấp học mầm non, tiểu học và trung học cơ sở là một trong những cơ sở giáo dục có uy tín nhất trên địa bàn thành phố Vinh..

Từ khi thành lập đến nay, Nhà trường đã đào tạo và cung cấp cho khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước trên 90.000 cử nhân sư phạm, cử nhân khoa học, kỹ sư; 8.500 thạc sĩ và hàng trăm tiến sĩ. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm chiếm trên 80%. Sinh viên tốt nghiệp từ Trường Đại học Vinh được đào tạo toàn diện về chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng làm việc, kỹ năng mềm... nên khi ra trường sớm khảng định được năng lực chuyên môn, được các nhà tuyển dụng đánh giá cao. Nhiều cựu sinh viên của Trường đã trở thành các nhà khoa học, chuyên gia đầu ngành, cán bộ quản lý tại các cơ sở giáo dục, đào tạo, các viện nghiên cứu, các trung tâm khoa học, công nghệ, kinh tế lớn trong nước và quốc tế.

Cùng với hoạt động đào tạo, Nhà trường luôn quan tâm hoạt động nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế. Đội ngũ giảng viên tích cực tham gia các dự án khoa học - công nghệ của Chính phủ, các đề tài, nhiệm vụ nghiên cứu cấp Bộ, cấp Nhà nước. Nhà trường có quan hệ hợp tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, bồi dưỡng cán bộ với hàng chục cơ sở giáo dục đại học, các tổ chức khoa học quốc tế từ Châu Âu, Châu Á, Châu Mỹ và Châu Úc. Trong những năm gần đây, Nhà trường đã chủ trì tổ chức nhiều hội thảo khoa học khu vực và quốc tế; tạo lập được các nhóm nghiên cứu với các nhà khoa học đầu ngành. Chỉ tính trong 5 năm gần đây, Trường triển khai hàng trăm đề tài

khoa học các cấp; tổ chức trên 100 hội thảo khoa học; có trên 2.000 bài báo của cán bộ được công bố ở các tạp chí khoa học trong và ngoài nước. Trường luôn nằm trong tốp 10 trường đại học có bài công bố quốc tế nhiều nhất ở Việt Nam.

Với phương châm: "Nuôi dưỡng say mê - Khuyến khích sáng tạo - Tôn trọng khác biệt - Thúc đẩy hợp tác", trải qua 60 năm xây dựng và phát triển, từ 17 cán bộ giảng dạy và một số cán bộ hành chính đầu tiên, đến nay Trường có 1.046 cán bộ, viên chức (trong đó có 731 cán bộ giảng dạy), 56 giảng viên cao cấp, 4 giáo sư, 59 phó giáo sư, 256 tiến sĩ, 504 thạc sĩ. Chất lượng đội ngũ cán bộ hiện nay của Nhà trường đáp ứng và vượt mức bình quân chung của cả nước.

Về cơ sở vật chất, với sự quan tâm đầu tư của Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo và sự giúp đỡ của tỉnh Nghệ An, tỉnh Hà Tĩnh, Trường Đại học Vinh hiện nay có hệ thống cơ sở vật chất hiện đại, cơ bản đáp ứng được yêu cầu của Nhà trường trong thời kỳ hội nhập.

Đảng bộ Trường Đại học Vinh là đảng bộ cơ sở trực thuộc Đảng bộ tỉnh Nghệ An. Hiện nay, Đảng bộ có 10 đảng bộ bộ phận, 42 chi bộ (trong đó có 13 chi bộ cán bộ, 10 chi bộ học viên, sinh viên trực thuộc đảng bộ bộ phận, 19 chi bộ trực thuộc Đảng bộ Trường). Toàn Đảng bộ có 923 đảng viên, trong đó có 626 cán bộ, 297 sinh viên, học viên cao học. Đảng bộ Nhà trường nhiều năm liên tục được công nhận là Đảng bộ trong sạch, vững mạnh.

Với những kết quả toàn diện trong 60 năm xây dựng và phát triển, tập thể Nhà trường, các đơn vị và cá nhân trong Trường đã được tặng nhiều phần thưởng cao quý: Danh hiệu Anh hùng Lao động trong thời kỳ đổi mới (năm 2004), Huân chương Độc lập hạng Nhất (năm 2009 và năm 2014), Huân chương Hữu nghị của Nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào (năm 2009, năm 2011 và năm 2017) và nhiều phần thưởng cao quý khác.

Với bề dày truyền thống 60 năm, Nhà trường luôn lấy chất lượng đào tạo giáo viên, chất lượng của một trường sư phạm mẫu mực làm động lực cho sự phát triển. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Trường lần thứ XXXI đã xác định phương hướng phát triển của Nhà trường trong nhiệm kỳ 2015 - 2020 là: "Tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; chủ động hội nhập quốc tế; xây dựng đội ngũ cán bộ đủ về số lượng, đảm bảo chất lượng, đồng bộ về cơ cấu; xây dựng Trường Đại học Vinh thành trường đại học trọng điểm, có một số ngành đạt tiêu chuẩn quốc tế, là thành viên của Mạng lưới các trường đại học ASEAN".

Hiện nay, Nhà trường đang đổi mới căn bản công tác tổ chức và quản lý Nhà trường; đẩy mạnh tái cấu trúc, ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong các

hoạt động; triển khai xây dựng Chiến lược phát triển trường giai đoạn 2018 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030; triển khai thực hiện Chiến lược phát triển Khoa học và Công nghệ Trường Đại học Vinh giai đoạn 2018 - 2025; tiếp tục tổ chức tốt các hoạt động đào tạo; tổ chức triển khai xây dựng và phát triển chương trình đào tạo đại học chính quy tiếp cận CDIO; phối hợp để các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp, các nhà tuyển dụng tham gia vào quá trình đào tạo; nâng cao chất lượng công tác thực hành, thí nghiệm, thực tập nghề nghiệp cho sinh viên, học viên; thực hiện phong trào thi đua "Đổi mới, sáng tạo trong dạy và học"; hướng tới tự chủ đại học.

Trong những năm tới, mặc dầu tình hình kinh tế - xã hội của đất nước, khu vực và trên thế giới còn gặp nhiều khó khăn, nhưng tập thể cán bộ, viên chức và học sinh, sinh viên, học viên Trường Đại học Vinh vẫn luôn tin tưởng, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng và Nhà nước, nhất định đất nước chúng ta sẽ vượt qua mọi thách thức, khó khăn, tiếp tục giành được nhiều thắng lợi trong sự nghiệp cách mạng, phần đầu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Trên bước đường phát triển mạnh mẽ của đất nước, phát huy truyền thống tự lực tự cường, bằng tất cả trí tuệ, sáng tạo và niềm tin, Trường Đại học Vinh muốn được đóng góp nhiều hơn nữa cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và của toàn dân tộc trên vị thế của một trường đại học trọng điểm, trung tâm văn hoá, khoa học, giáo dục của khu vực và cả nước, xứng đáng là "Ngọn cờ hồng trên quê hương Xô Viết".

1.2. Bối cảnh chung của Nhà trường và bối cảnh tham gia chương trình ETEP

1.2.1. Đội ngũ giảng viên

Hiện tại, Trường có 1.046 cán bộ, viên chức (trong đó có 731 cán bộ giảng dạy), 56 giảng viên cao cấp, 4 giáo sư, 59 phó giáo sư, 256 tiến sĩ, 504 thạc sĩ. Bên cạnh đội ngũ GV cơ hữu, còn có hàng trăm nhà khoa học trong nước và ngoài nước (từ Anh, Hoa Kỳ, Ba Lan...) tham gia đào tạo đại học và sau đại học tại Trường.

1.2.2. Chương trình đào tạo

Trường có đầy đủ chương trình đào tạo (CTĐT) cho tất cả các ngành đào tạo, ở tất cả các bậc học, bao gồm: 14 ngành đào tạo giáo viên THPT, giáo dục tiểu học, giáo dục mầm non trình độ đại học; 28 chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ, 15 chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ.

CTĐT của Trường được định kì bổ sung, điều chỉnh trên cơ sở tham khảo các chương trình tiên tiến quốc tế (POHE, CDIO), các ý kiến phản hồi của các bên liên quan; có sự hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm trong phát triển CTĐT của các trường đại học tiên tiến trên thế giới.

Nội dung của CTĐT các ngành Sư phạm được thiết kế hợp lý giữa đào tạo kiến thức với đào tạo kỹ năng nghiệp vụ, thái độ và phẩm chất của người giáo viên. Các học phần thực hành, thực tế, thực tập được chú trọng và bố trí hợp lý trong chương trình. Hằng năm, Nhà trường đều tổ chức tháng Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm và Hội thi Nghiệp vụ sư phạm nhằm nâng cao kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên (SV) các ngành đào tạo giáo viên.

1.2.3. Về Tài liệu phục vụ đào tạo, bồi dưỡng

Thư viện của Nhà trường có đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài đáp ứng yêu cầu sử dụng của cán bộ, GV và người học. Tính đến tháng 8/2019, Trường có khoảng gần 30.000 tên giáo trình và tài liệu các loại với khoảng 200.000 bản, 150 loại báo và tạp chí, 20.500 luận án và luận văn. Nguồn tài liệu được bổ sung cập nhật hằng năm. Các đầu sách của Thư viện cơ bản đáp ứng yêu cầu phục vụ cho các ngành đào tạo giáo viên và nghiên cứu khoa học giáo dục. Nguồn tài liệu của thư viện được quản lý bằng phần mềm quản lý thư viện (phần mềm Ilib).

Thư viện Trường đã thực hiện việc phối hợp, liên thông chia sẻ nguồn lực thông tin nhằm nâng cao năng lực phục vụ. Thư viện Trường có hơn 100 máy tính được nối mạng Internet đáp ứng yêu cầu tra cứu, truy cập và sử dụng tài liệu online của người học.

1.2.4. Cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin, quản trị

Nhà trường có đủ số phòng học, giảng đường lớn, phòng thực hành, thí nghiệm đáp ứng nhu cầu của công tác đào tạo và NCKH. Trường có 4 nhà kí túc xá 5 tầng tại cơ sở 1, 3 kí túc xá tại cơ sở 2 và 1 kí túc xá tại cơ sở Hưng Bình, thành phố Vinh.

Để phục vụ nhu cầu hoạt động văn hóa, văn nghệ và thể dục - thể thao (TDTT), Trường có 6 sân bóng chuyền, 6 sân bóng đá mini, 1 sân bóng đá lớn và nhiều sân thể thao phục vụ cho cán bộ, SV.

Hệ thống mạng Internet và Wifi được sử dụng miễn phí trong toàn trường phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của GV và người học. Cán bộ GV toàn trường được cung cấp địa chỉ email mang tên miền riêng ...@vinhuni.edu.vn.

Nhà trường trang bị đầy đủ các thiết bị tin học để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động quản lý của Trường. Công tác quản lý của Trường thực hiện thông qua hệ thống eOffice, CMC, các lĩnh vực đều sử dụng các phần mềm quản lý.

1.2.5. Về nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế

Nhà trường có kế hoạch và chủ động đẩy mạnh hoạt động NCKH và phát triển công nghệ trên cả ba bình diện: khoa học cơ bản, khoa học giáo dục, triển khai ứng dụng và chuyển giao công nghệ. Hoạt động NCKH và phát triển công nghệ gắn kết với quá trình đào tạo của Nhà trường. Hầu hết GV chủ trì hoặc tham gia các đề tài NCKH

các cấp, 100% đề tài hoàn thành đúng thời hạn, trong đó có nhiều đề tài có chất lượng tốt. Kết quả nghiên cứu của cán bộ, GV trong Trường đã được công bố trên nhiều tạp chí khoa học có uy tín trong nước và quốc tế. Thông qua hoạt động NCKH và phát triển công nghệ, cơ sở vật chất (CSVC) của Trường được tăng cường, năng lực của cán bộ, GV được nâng cao.

Nhà trường đã kí lại và kí mới thoả thuận hợp tác với nhiều trường đại học và viện nghiên cứu ở nhiều nước trên thế giới. Nhà trường luôn thực hiện nghiêm túc các quy định về hợp tác quốc tế (HTQT) đôi với các đoàn ra, đoàn vào; tăng cường liên kết đào tạo quốc tế theo hình thức du học bán phần và toàn phần. Hoạt động HTQT trong NCKH và chuyển giao công nghệ được đẩy mạnh.

Trường Đại học Vinh là thành viên của Hiệp Hội CDIO quốc tế và là thành viên liên kết của mạng lưới các trường đại học Đông Nam Á (AUN-QA)

1.3. Tóm tắt kết quả tự đánh giá

Tiêu chuẩn 1

TẦM NHÌN CHIẾN LƯỢC, QUẢN LÝ VÀ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

1.1. Điểm mạnh

Tầm nhìn và kế hoạch chiến lược của Nhà trường được xây dựng phù hợp với sứ mạng của Trường và được định kì sửa đổi, bổ sung, công bố công khai.

Trường có đầy đủ chính sách, qui trình, qui định, công cụ để thực hiện sứ mạng, triển khai kế hoạch chiến lược đã đề ra.

Năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của 100% nhân sự được tuyển dụng đáp ứng vai trò, chức năng của từng vị trí công việc và thực hiện đầy đủ các quy định về trách nhiệm giải trình định kì.

Trường có đơn vị chuyên trách công tác ĐBCL, có chính sách và kế hoạch ĐBCL, đã được kiểm định chất lượng bởi tổ chức kiểm định chất lượng độc lập. Trường đã tự đánh giá 12/14 chương trình đào tạo GV THPT. Đã tự đánh giá 02 Chương trình đào tạo theo Thông tư 04 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và 01 Chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn AUN-QA.

Nhà trường đã biên soạn Sổ tay ĐBCL và tiến hành khảo sát ý kiến của cán bộ và GV.

1.2. Điểm tồn tại

Trong quá trình rà soát, bổ sung tầm nhìn, sứ mạng, Trường chưa thu thập một cách rộng rãi ý kiến các bên liên quan.

Nhà trường mới bắt đầu áp dụng qui trình quản lí chất lượng tiên tiến vào việc quản lí các hoạt động và chưa xây dựng được chỉ số đo lường hiệu quả công việc.

1.3. Kế hoạch hành động

Tổ chức truyền thông rộng rãi cho các bên liên quan về sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường và thu thập ý kiến một cách hệ thống để cập nhật và điều chỉnh.

Xây dựng và ban hành, đưa vào sử dụng mô hình quản lý chất lượng ISO 9001:2015 và bộ chỉ số KPI.

Đánh giá ngoài 02 chương trình sư phạm theo tiêu chuẩn trong nước và 01 chương trình sư phạm theo AUN-QA.

1.4. Tự đánh giá tiêu chuẩn: 4.00

Tiêu chuẩn 2: CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Điểm mạnh

Nhà trường triển khai xây dựng và phát triển CTĐT tiếp cận CDIO. CT được thiết kế đáp ứng các tiêu chuẩn nghề nghiệp giáo viên, được định kỳ rà soát, chỉnh sửa, bổ sung và có sự tham gia của các bên liên quan.

CTĐT có mục tiêu rõ ràng, cụ thể, cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách hệ thống. Đội ngũ GV cơ hữu đủ về số lượng, có trình độ chuyên môn cao đáp ứng yêu cầu giảng dạy và NCKH.

Việc thực hiện chương trình bồi dưỡng đảm bảo tính linh hoạt và đáp ứng nhu cầu và mối quan tâm của giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục phổ thông.

2.2. Điểm tồn tại

CTĐT của hệ VHVL chưa được chuẩn hóa đồng bộ, việc lấy ý kiến phản hồi chưa được thường xuyên, sự tham gia của các bên liên quan phát triển CTĐT giáo viên của Nhà trường còn chưa nhiều.

Sự tham gia của các nhà tuyển dụng, đại diện của các cơ quan quản lý giáo dục vào phát triển CTĐT giáo viên của Nhà trường còn chưa nhiều. Việc lấy ý kiến phản hồi của người học sau tốt nghiệp và các tổ chức, các nhà tuyển dụng về việc điều chỉnh CTĐT chưa được thường xuyên.

Chương trình cần linh hoạt hơn nữa trong thời gian tới và nhất là cần có những chương trình bồi dưỡng đặc thù cho sinh viên ngành sư phạm để tiếp cận với chương trình phổ thông mới.

2.3. Kế hoạch hành động

Rà soát qui định về tổ chức đào tạo giáo viên hệ VLVH, lấy ý kiến khảo sát của giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục phổ thông, tăng cường phối hợp với các bên liên quan.

Tăng cường lấy ý kiến của các nhà tuyển dụng, đại diện của các cơ quan quản lý giáo dục vào phát triển CTĐT giáo viên của Nhà trường, lấy ý kiến phản hồi của người học sau tốt nghiệp và các tổ chức, các nhà tuyển dụng về việc điều chỉnh CTĐT

Xây dựng chương trình bồi dưỡng thường xuyên đáp ứng chương trình phổ thông mới.

2.4. Tự đánh giá tiêu chuẩn: 4.00

Tiêu chuẩn 3: NGHIÊN CỨU, PHÁT TRIỂN VÀ ĐỔI MỚI

3.1. Điểm mạnh

Trường đã Ban hành Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2018-2015 và Kế hoạch triển khai thực hiện chiến lược.

Trường đã có những chính sách ưu tiên đầu tư kinh phí cho NCKH&CGCN. Những kết quả nghiên cứu của cán bộ, GV của Nhà trường được ứng dụng trong giáo dục, đào tạo

Trường có nhiều chính sách cụ thể hỗ trợ và tạo điều kiện về mặt tổ chức cho cán bộ, GV tham gia NCKH&CGCN. Công tác quản lý và thực hiện các đề tài nghiên cứu công khai, minh bạch.

Trường có chính sách chiến lược, ban hành chính sách cụ thể hỗ trợ GV thực hiện các đề tài NCKH&CGCN.

3.2. Điểm tồn tại

Chưa có nhiều nhóm nghiên cứu mạnh về KHGD. Số lượng công bố quốc tế về KHGD chiếm tỷ lệ thấp trong tổng số công bố quốc tế của Trường.

Hỗ trợ kinh phí cho các hoạt động NCKH về lĩnh vực KHGD còn hạn chế. Một số trang thiết bị hiện có của Nhà trường được trang bị khá lâu, hiện đã lạc hậu hoặc hư hỏng.

3.3. Kế hoạch hành động

Xây dựng các nhóm nghiên cứu mạnh về KHGD. Tăng số lượng công bố quốc tế trong nghiên cứu cơ bản và KHGD ứng dụng vào thực tiễn giáo dục và đào tạo.

Tìm kiếm các nguồn kinh phí ngoài Trường cho các hoạt động nghiên cứu KHGD.

3.4. Tự đánh giá tiêu chuẩn: 4.00

Tiêu chuẩn 4: HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI

4.1. Điểm mạnh

Nhà trường đã chủ động có kế hoạch và triển khai hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên. Luôn luôn tổ chức các sự kiện về khoa học giáo dục.

Hoạt động HTQT đã hướng tới khu vực có nền giáo dục đại học phát triển mạnh. Khuyến khích GV và người học tham gia các hội thảo, hội nghị khoa học quốc tế. Thường xuyên tổ chức các khóa bồi dưỡng nâng cao trình độ và đánh giá về năng lực ngoại ngữ cho cán bộ, GV.

Trường đã góp phần cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, tích cực tham gia mạng lưới các trường ĐH, có những chính sách cụ thể hỗ trợ GV và người học tham gia, đóng góp cho các hoạt động chuyên môn trong ngành.

Hoạt động thông tin, truyền thông được Nhà trường tổ chức chuyên nghiệp, có đơn vị và cá nhân phụ trách, chịu trách nhiệm.

Nhà trường có hệ thống phần mềm kiểm tra chống trùng lặp, vi phạm quyền sở hữu trí tuệ, hoàn thành việc xây dựng hệ thống thông tin quản lý Trường Đại học Vinh.

4.2. Điểm tồn tại

Trường chưa có các sự kiện gắn kết công tác đào tạo, chưa xây dựng được cơ chế cho giáo viên phổ thông tham gia vào quá trình đào tạo của nhà trường

HTQT của Nhà trường chưa có chiến lược tổng thể, nhiều GV chưa thành thạo việc giao tiếp bằng tiếng Anh, ngân sách hỗ trợ cho cán bộ tham dự các dự án, các Hội thảo quốc tế còn hạn chế.

Trường chưa tổ chức được các chương trình tiên tiến, học bằng tiếng nước ngoài và các chương trình liên kết với các trường đại học trên thế giới. Trường chưa liên kết để khai thác tối đa nguồn nhân lực, CSVN, trang thiết bị hiện có để tăng thêm nguồn thu cho Nhà trường.

4.3. Kế hoạch hành động

Tổ chức có chất lượng các sự kiện về khoa học giáo dục với các trường đại học trong và ngoài nước, với các đơn vị và địa phương trong nước,

Xây dựng cơ chế cho giáo viên phổ thông tham gia vào quá trình đào tạo của nhà trường.

Xây dựng và thực hiện chiến lược tổng thể về HTQT của Nhà trường để phát triển và nâng cao chất lượng toàn diện của hoạt động này. Xây dựng và thực hiện cơ chế, chính sách bắt buộc và lộ trình nâng cao trình độ ngoại ngữ của GV. Bổ sung Ngân sách hỗ trợ cho cán bộ tham dự các hoạt động HTQT.

Triển khai đào tạo đại học hệ chất lượng cao. Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện liên kết để tăng thêm nguồn thu cho Nhà trường.

4.4. Tự đánh giá tiêu chuẩn: 4.08

Tiêu chuẩn 5: MÔI TRƯỜNG SỰ PHẠM VÀ CÁC NGUỒN LỰC

5.1. Điểm mạnh

Trường có phòng học, giảng đường lớn, phòng thực hành, thí nghiệm, máy tính và trang thiết bị, phục vụ cho việc giảng dạy và NCKH. Thư viện điện tử được nối mạng. Các hoạt động giảng dạy, NCKH được tin học hóa.

Trường có nguồn thu hợp pháp bao gồm nguồn kinh phí Nhà nước cấp hằng năm, nguồn thu từ học phí và lệ phí, dịch vụ và các dự án.

Nhà trường có chiến lược về công tác cán bộ, có quy trình, tiêu chuẩn và tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên. Có chính sách hỗ trợ, động viên, khuyến khích đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ở trong và ngoài nước.

5.2. Điểm tồn tại

Ký túc xá chưa có đủ chỗ ở đáp ứng nhu cầu của người học. Chưa khảo sát lấy ý kiến của người dạy về mức độ hài lòng của môi trường cảnh quan Nhà trường.

Một số thiết bị thí nghiệm đã cũ, chưa cập nhật chương trình thí nghiệm theo chương trình giáo dục phổ thông. Số phòng học tiếng nước ngoài còn ít. Nguồn tài liệu phục vụ cho công tác đào tạo sau đại học còn hạn chế.

Nguồn thu từ hoạt động Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế còn chưa được tương xứng.

Việc quy hoạch chức danh nghề nghiệp cho cán bộ ở các đơn vị đang được triển khai thực hiện. Việc trao đổi học thuật trong đào tạo và NCKH với nước ngoài chưa được mở rộng do nhiều cán bộ, giảng viên còn hạn chế về ngoại ngữ.

5.3. Kế hoạch hành động

Xây dựng thêm nhà Ký túc xá cho người học, triển khai các đợt khảo sát ý kiến.

Đầu tư các phòng thí nghiệm và phòng học tiếng nước ngoài

Xây dựng cơ chế chính sách phù hợp để thúc đẩy hoạt động nghiên cứu, đa dạng hóa lĩnh vực nhằm phát triển và mở rộng nguồn thu.

Tiến hành quy hoạch, chuẩn hóa chức danh nghề nghiệp của từng đơn vị trong trường. Tăng cường chính sách hỗ trợ tích cực đối với những giảng viên tự học, tự nghiên cứu nâng cao trình độ ngoại ngữ.

5.4. Tự đánh giá tiêu chuẩn: 4.25

Tiêu chuẩn 6: HỖ TRỢ DẠY HỌC

6.1. Điểm mạnh

Có các chính sách cho giảng viên tập sự và giảng viên mới, có các hình thức tạo phong trào thi đua trong giảng viên. Nhà trường đã có một đội ngũ giảng viên đáp ứng đầy đủ các điều kiện, tiêu chuẩn chức danh của ngạch giảng viên, có trình độ chuyên môn đáp ứng nhu cầu đào tạo.

Trường có chính sách công nhận, đãi ngộ, khuyến khích thành tích trong giảng dạy và NCKH; Nhà trường chú trọng việc qui hoạch và bổ nhiệm cán bộ có năng lực đảm nhận các vị trí quản lý, lãnh đạo chủ chốt.

6.2. Điểm tồn tại

Nhà trường vẫn chưa có nhiều chính sách hỗ trợ cho giảng viên tập sự, chưa có nhiều chính sách để thu hút nhân tài và nâng cao trình độ ngoại ngữ của cán bộ.

Nhà trường chưa có qui trình đánh giá cụ thể và hệ thống theo dõi sự cải tiến của GV sau đánh giá.

6.3. Kế hoạch hành động

Thực hiện và hoàn thiện các chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng để phát triển đội ngũ giảng viên. Có chính sách nâng cao trình độ ngoại ngữ cho giảng viên.

Xây dựng hệ thống theo dõi sự cải tiến của GV sau đánh giá.

6.4. Tự đánh giá tiêu chuẩn: 4.00

Tiêu chuẩn 7: HỖ TRỢ HỌC TẬP

7.1. Điểm mạnh

Nhà trường tuyển sinh đảm bảo công khai minh bạch, khách quan. Công tác hỗ trợ người học được Nhà trường đặc biệt quan tâm.

Chuẩn đầu ra của các ngành đào tạo được công bố rộng rãi. Các qui định về tổ chức thi học phần, đánh giá kết quả học tập, ngân hàng đề thi được nhà trường ban hành kịp thời, đúng qui định và tổ chức thực hiện nghiêm túc. Hoạt động lấy ý kiến người học về đánh giá kết quả học tập đã được Nhà trường tăng cường thực hiện và được người học ủng hộ, đánh giá cao.

Nhà trường có nhiều chính sách để động viên, khuyến khích người học tham gia các hoạt động văn hóa, xã hội, TDTT.

7.2. Điểm tồn tại

Công tác tư vấn, hướng nghiệp và hỗ trợ việc làm cho người học chưa đạt được hiệu quả.

Chưa thường xuyên khảo sát để bổ sung, điều chỉnh bộ ngân hàng đề thi.

Công tác cựu SV chưa được triển khai một cách thường xuyên, bài bản, rộng rãi.

7.3. Kế hoạch hành động

Tổ chức hoạt động hỗ trợ người học của các ngành sư phạm tiếp cận tốt với thế giới việc làm, tổ chức hoạt động kết nối, hỗ trợ cựu người học.

Bổ sung Ngân hàng đề thi, đa dạng hóa các hình thức kiểm tra, đánh giá đối với người học.

Tăng cường hoạt động của BLL lạc Cựu SV các ngành sư phạm cấp viên/khoa.

7.4. Tự đánh giá tiêu chuẩn: 3.83

Phần 2: TỰ ĐÁNH GIÁ

Tiêu chuẩn 1

TÂM NHÌN CHIẾN LƯỢC, QUẢN LÝ VÀ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

Tiêu chí 1: Tâm nhìn chiến lược

1. Mô tả

Chỉ số 1.1.1: Tâm nhìn và kế hoạch chiến lược phù hợp với sứ mạng của Trường

Trường Đại học Vinh là một trong những trường đại học có truyền thống và thương hiệu đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục hàng đầu trong hệ thống giáo dục đại học của Việt Nam. Trong quá trình xây dựng và phát triển, Trường Đại học Vinh đã tuyên bố sứ mạng, tầm nhìn để định hướng cho mọi hoạt động của Nhà trường. Đến nay, Nhà trường đã có một số lần rà soát, sửa đổi, bổ sung điều chỉnh tầm nhìn, sứ mạng và kế hoạch chiến lược cho phù hợp với thực tiễn phát triển của Nhà trường qua từng giai đoạn.

Năm 2011, khi được Thủ tướng Chính phủ đưa vào danh sách xây dựng thành trường đại học trọng điểm quốc gia, Nhà trường đã rà soát, sửa đổi tuyên bố sứ mạng và điều chỉnh tầm nhìn để phù hợp với chức năng, nhiệm vụ mới. Kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường giai đoạn 2011 - 2020 đã xác định sứ mạng: "Trường Đại học Vinh là cơ sở đào tạo đại học đa ngành, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao và thích ứng nhANH với thế giới việc làm; là trung tâm nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyên giao công nghệ, phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước" [H1.01.01.01].

Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Trường lần thứ XXXI ngày 09/5/2015 đã đề ra kế hoạch chiến lược thực hiện sứ mạng Nhà trường: "Tập trung phát triển một số ngành, chuyên ngành mũi nhọn để đạt chuẩn quốc tế; lấy chất lượng sư phạm làm nòng cốt để nâng cao chất lượng đào tạo các ngành ngoài sư phạm", điều này cho thấy sự quan tâm, định hướng đầu tư có trọng điểm của Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường đối với công tác đào tạo các ngành sư phạm [H1.01.01.02].

Năm 2017, Trường Đại học Vinh được cấp Giấy chứng nhận công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục; được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ký quyết định thành lập Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục. Trường Đại học Vinh đã thực hiện Đề án tái cấu trúc Nhà trường. Năm 2017, Trường Đại học Vinh chính thức đào tạo trình độ đại học hệ chính quy theo Chương trình tiếp cận CDIO, đánh dấu một bước phát triển mới trong quá trình nâng cao chất lượng đào tạo, đổi mới và phát triển

của Nhà trường. Đặc biệt năm 2017, Trường Đại học Vinh là một trong 08 trường đại học có đào tạo ngành sư phạm được Bộ Giáo dục và Đào tạo chọn triển khai Chương trình phát triển các trường sư phạm để nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông (ETEP). Trước bối cảnh đó, Đảng ủy, Hội đồng trường đã thông qua chủ trương xây dựng, rà soát, điều chỉnh sứ mạng, tầm nhìn và kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2018 - 2025 và tầm nhìn đến 2030 [H1.01.01.03].

Ban Giám hiệu Nhà trường đã giao Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế chủ trì xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển [H1.01.01.04]. Sau khi xây dựng xong dự thảo Kế hoạch chiến lược phát triển, trong đó có tuyên bố sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu tổng quát và giá trị cốt lõi, Nhà trường đã xin ý kiến của các bên liên quan gồm: Đảng ủy, Hội đồng Trường, Ban Giám hiệu, các đoàn thể cấp Trường, các cơ quan, đơn vị, trường học, cựu sinh viên... và toàn thể cán bộ giáo viên, nhân viên. Tháng 1/2018, HĐT đã thông qua tuyên bố sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu tổng quát và giá trị cốt lõi của Trường Đại học Vinh. Ngày 28/12/2018, Hiệu trưởng Nhà trường đã ký Quyết định số 1278/QĐ-ĐHV ban hành Kế hoạch Chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2018 - 2025, tầm nhìn 2030. Đảng ủy, Ban Giám hiệu, Hội đồng Trường đã thảo luận và thống nhất điều chỉnh, bổ sung sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu tổng quát và giá trị cốt lõi cho phù hợp với mục tiêu phát triển của Trường trong giai đoạn mới. Sứ mạng hiện nay của Trường: "Trường Đại học Vinh là cơ sở giáo dục đại học đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, nghiên cứu khoa học giáo dục, khoa học cơ bản, ứng dụng và chuyển giao công nghệ hàng đầu của khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước, luôn hướng tới sự thành đạt của người học". Tầm nhìn hiện nay của Trường là: "Trường Đại học Vinh trở thành trường đại học trọng điểm quốc gia, thành viên của Mạng lưới các trường đại học ASEAN." Mục tiêu tổng quát hiện nay của Trường là: "Tạo dựng môi trường học thuật tốt để hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực cá nhân, hướng tới sự thành công". Giá trị cốt lõi hiện nay của Trường là: "Trung thực (Honesty); Trách nhiệm (Accountability); Say mê (Passion); Sáng tạo (Creativity); Hợp tác (Collaboration)" [H1.01.01.05].

Hàng năm, Nhà trường đã tổ chức đánh giá việc thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển, sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu tổng quát và giá trị cốt lõi của Nhà trường thông qua hội nghị tổng kết công tác xây dựng Đảng của Đảng ủy, hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ Trường mở rộng giữa nhiệm kỳ 2015 - 2020; hội nghị giao ban cơ quan hàng tháng, hội nghị tổng kết năm học, hội nghị cán bộ, viên chức của Ban Giám hiệu Nhà trường; hội nghị định kỳ của Hội đồng Trường [H1.01.01.06].

Như vậy, tầm nhìn và kế hoạch chiến lược mà Nhà trường đã nêu ra là phù hợp với sứ mạng của Trường; được định kỳ rà soát, cập nhật, đánh giá kết quả thực hiện; theo đúng định hướng phát triển ngành sư phạm của Đảng và Nhà nước; phù hợp với Quyết định số 6290/QĐ-BGDĐT ngày 13/12/2011 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT phê duyệt Chương trình phát triển ngành sư phạm và các trường sư phạm từ năm 2011 đến năm 2020.

Tuy nhiên, Trường chưa tổ chức hội nghị chuyên đề đánh giá thực hiện Kế hoạch chiến lược phát triển.

Chỉ số 1.1.2: Tầm nhìn, sứ mạng của trường được công bố công khai và được triển khai trong các hoạt động của trường

Nhà trường luôn quan tâm đến việc tuyên bố sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu tổng quát và giá trị cốt lõi. Để xây dựng sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu tổng quát và giá trị cốt lõi, Nhà trường đã tổ chức lấy ý kiến của các bên liên quan gồm: Đảng ủy, Hội đồng Trường, Ban Giám hiệu, các đoàn thể cấp Trường, các cơ quan, đơn vị, trường học, cựu người học... và toàn thể cán bộ giáo viên, nhân viên, sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh thông qua tổ chức các hội nghị và lấy ý kiến qua website của Nhà trường, phần mềm Văn phòng điện tử Ioffice. Sứ mạng, tầm nhìn và kế hoạch chiến lược của Trường được công bố công khai trên website, trang thông tin điện tử của Trường, phần mềm Văn phòng điện tử Ioffice [H1.01.01.07]. Nhà trường đã kiện toàn Ban Biên tập, Ban Quản trị website Trường [H1.01.01.08], thành lập Bộ phận Truyền thông [H1.01.01.09], thành lập Ban Liên lạc cựu sinh viên của các viện, khoa và Nhà trường [H1.01.01.10] ... để tuyên truyền, quảng bá rộng rãi sứ mạng, tầm nhìn và kế hoạch chiến lược của Trường bằng các hình thức khác nhau như: đăng tải, chia sẻ trên facebook, Youtube, bảng điện tử...; in ấn trên các băng rôn, biển hiệu, pano, áp phích, bảng tin, tờ rơi... [H1.01.01.11]; in trên các tài liệu chính thức của Trường như: các báo cáo của Đảng ủy, Hội đồng trường, Ban Giám hiệu, sách *Cẩm nang học sinh, sinh viên, học viên*; sách *Trường Đại học Vinh 60 năm xây dựng và phát triển (1959 - 2019)*... [H1.01.01.12].

Sứ mạng, tầm nhìn và kế hoạch chiến lược của Trường được chuyển tải thành các nội dung công tác và học tập của cán bộ lãnh đạo quản lý, giảng viên, nhân viên và người học. [H1.01.01.13]. Nhà trường đã gửi Kế hoạch chiến lược phát triển của Trường đến các Sở Giáo dục và Đào tạo trong cả nước, Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thành phố, thị xã, các trường phổ thông trong và ngoài tỉnh. Sứ mạng, tầm nhìn và kế hoạch chiến lược cũng được giới thiệu tại các hội nghị, buổi làm việc, ký thỏa thuận hợp tác của Nhà trường với các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng, cơ quan, đơn vị [H1.01.01.14]. Nhờ vậy, mà các bên liên quan trong và ngoài Trường Đại học Vinh đều biết, hiểu và chấp nhận về sứ mạng, tầm nhìn, kế hoạch chiến lược của Trường

Nhà trường đã cụ thể hóa và triển khai sứ mạng, tầm nhìn và kế hoạch chiến lược trong nhiều hoạt động thiết thực. Được sự đồng ý của Tỉnh ủy Nghệ An, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Nhà trường đã xây dựng và triển khai thực hiện Đề án tái cấu trúc Trường Đại học Vinh. Nhà trường thành lập 6 viện trên cơ sở chia tách, sáp nhập 11 khoa (trong đó có Viện Sư phạm Tự nhiên và Viện Sư phạm Xã hội) [H1.01.01.15]. Nhờ vậy, đã tập hợp được đội ngũ các nhà khoa học có chuyên môn cùng khởi ngành để tăng cường giảng dạy, nghiên cứu chuyên sâu, tăng tính liên thông trong học thuật và sử dụng chung trang thiết bị, cơ sở vật chất. Nhà trường cũng đã thành lập Trung tâm Nghiên cứu - Khởi nghiệp sáng tạo [H1.01.01.16]. Trung tâm Bồi dưỡng Nghiệp vụ Sư phạm [H1.01.01.17], Ban Quản lý Cơ sở 2 [H1.01.01.18]; gia nhập Mạng lưới Đảm bảo chất lượng các trường đại học ASEAN (UN-QA) [H1.01.01.19]. Nhà trường đặc biệt chú trọng công tác phát triển đội ngũ cán bộ giảng viên và người học: nâng mức chi hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ [H1.01.01.20], khuyến khích giảng viên đi làm nghiên cứu sinh nước ngoài, nâng cao tiêu chí tuyển dụng giảng viên... [H1.01.01.21]; mở nhiều lớp bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp và tăng cường đào tạo lý luận chính trị, ngoại ngữ, tin học, cho cán bộ, giảng viên [H1.01.01.22]; đưa trình độ năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 (B1) theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam làm chuẩn đầu ra cho sinh viên từ khóa 54 [H1.01.01.23]; chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy - học [H1.01.01.24]; hằng năm tổ chức hội nghị đối thoại giữa Hiệu trưởng và sinh viên; lấy ý kiến người học đánh giá về Nhà trường và đội ngũ giảng viên; khảo sát, lấy ý kiến người học sau tốt nghiệp [H1.01.01.25]. Nhà trường đã đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ. Trong 5 năm gần đây, cán bộ của Trường đã triển khai 554 đề tài nghiên cứu khoa học các cấp. Nhà trường đã tổ chức 49 hội thảo cấp Trường, quốc gia, quốc tế. Nhà xuất bản Đại học Vinh đã xuất bản trên 200 cuốn sách, gồm giáo trình, sách chuyên khảo, tài liệu tham khảo, sách liên kết xuất bản, sách tái bản, sách nhà nước đặt hàng, lịch. Tổng số bài báo được cán bộ của Trường công bố trên các tạp chí là 1.886 bài, trong đó có trên 300 bài báo quốc tế. Trường Đại học Vinh nhiều năm liền được xếp top 10 các cơ sở giáo dục đại học có số bài báo đăng trên các tạp chí thuộc danh mục ISI/Scopus [H1.01.01.26]. Trường thiết lập được hệ thống các trường phổ thông "vệ tinh" thuộc các tỉnh Ninh Bình, Thanh Hóa, Nghệ An và Hà Tĩnh làm địa điểm thực hành, thực tế và thực tập chuyên môn cho sinh viên sư phạm... Dự án Phát triển giáo viên trung học phổ thông và trung cấp chuyên nghiệp đã giao cho Trường biên soạn 07/13 CTĐT giáo viên các ngành Toán học, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học, Địa lý và Quản lý giáo dục, được Hội đồng nghiệm thu cấp Bộ đánh giá

cao và thống nhất đưa vào sử dụng rộng rãi trong các trường đại học có đào tạo giáo viên trung học phổ thông trên cả nước [H1.01.01.27].

Tuy nhiên, trong thời gian qua việc phổ biến sứ mạng, tầm nhìn của Trường chưa được thực hiện thường xuyên trong cộng đồng xã hội. Quá trình rà soát, bổ sung tầm nhìn, sứ mạng và Kế hoạch chiến lược của Nhà trường chưa thu thập rộng rãi ý kiến của các nhà tuyển dụng, cựu sinh viên.

2. Điểm mạnh

- Tầm nhìn và kế hoạch chiến lược của Nhà trường được xây dựng phù hợp với sứ mạng của Trường.

- Tầm nhìn, sứ mạng và Kế hoạch chiến lược của Nhà trường được công bố công khai, được định kì rà soát, sửa đổi, bổ sung và triển khai trong các hoạt động của Trường, nhất là trong hoạt động phát triển giảng viên và người học.

3. Điểm tồn tại

- Trường chưa tổ chức hội nghị chuyên đề đánh giá thực hiện Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh mà lồng ghép vào hội nghị tổng kết hằng năm của Đảng ủy, Hội đồng Trường và Ban Giám hiệu.

- Nhà trường chưa phổ biến thường xuyên trong cộng đồng xã hội về sứ mạng, tầm nhìn và Kế hoạch chiến lược của Nhà trường.

- Quá trình rà soát, bổ sung tầm nhìn, sứ mạng và Kế hoạch chiến lược của Nhà trường chưa thu thập rộng rãi ý kiến của các nhà tuyển dụng, cựu sinh viên.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục tồn tại	Tổ chức hội nghị đánh giá thực hiện Kế hoạch Chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2018-2025, tầm nhìn 2030	ĐU, HĐT, BGH	Năm học 2019-2020	Năm học 2019-2020
2.		Tổ chức truyền thông rộng rãi cho các bên liên quan về sứ mạng, tầm nhìn và Kế hoạch chiến lược của Nhà trường	Bộ phận Truyền thông	Thường xuyên hằng năm	Thường xuyên hằng năm

3.		Thu thập rộng rãi ý kiến của các nhà tuyển dụng, của cựu sinh viên về sứ mạng, tầm nhìn và Kế hoạch chiến lược của Nhà trường	Bộ phận Truyền thông, Trung tâm Dịch vụ, Hỗ trợ sinh viên và QHDN	Thường xuyên hằng năm	Thường xuyên hằng năm
4.	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát, cập nhật, bổ sung sứ mạng, tầm nhìn và Kế hoạch chiến lược của Nhà trường	ĐU, HĐT, BGH, Các đơn vị trực thuộc	Thường xuyên	Thường xuyên
5.		Truyền thông và tổ chức thực hiện sứ mạng, tầm nhìn và Kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường	ĐU, HĐT, BGH, Các đơn vị trực thuộc	Thường xuyên	Thường xuyên
6.		Định kỳ đánh giá, rà soát, cập nhật, bổ sung Kế hoạch chiến lược của Nhà trường	ĐU, HĐT, BGH, Các đơn vị trực thuộc	Thường xuyên	Thường xuyên

5. Tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 1.1.1				4			
Chỉ số 1.1.2				4			
Điểm tiêu chí 1	4.0						

Tiêu chí 2: Quản lí

1. Mô tả

Chỉ số 1.2.1: Trường có các chính sách, quy trình, quy định, công cụ thích hợp để thực hiện sứ mạng, triển khai kế hoạch chiến lược và khuyến khích đội ngũ phát huy năng lực

Năm 2001, Thủ tướng Chính phủ quyết định đổi tên Trường Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Vinh [H1.01.02.01]. Năm 2011, Trường Đại học Vinh được Thủ tướng Chính phủ bổ sung vào danh sách xây dựng thành trường đại học trọng điểm quốc gia [H1.01.02.02]. Trường đã hình thành cơ cấu tổ chức và mô hình quản lý phù hợp với nguồn lực và điều kiện cơ sở vật chất. Năm 2015, Trường đã ban

hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Vinh phù hợp với Điều lệ trường đại học [H1.01.02.03]. Năm 2018, Trường đã sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động phù hợp với Luật Giáo dục đại học [H1.01.02.04]. Để đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, giảm đầu mối, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, Nhà trường đã xây dựng và triển khai thực hiện Đề án tái cấu trúc Trường Đại học Vinh [H1.01.02.05]. Nhà trường đã thành lập 6 viện trên cơ sở chia tách, sáp nhập 11 khoa, trong đó có Viện Sư phạm Tự nhiên [H1.01.02.06] và Viện Sư phạm Xã hội [H1.01.02.07] để đào tạo giáo viên phổ thông có trình độ đại học. Nhà trường cũng đã thành lập Trường Thực hành Sư phạm trên cơ sở sáp nhập Trường Mầm non Thực hành, Trường Tiểu học Thực hành và trung học phổ thông thực hành [H1.01.02.08]; thành lập Trung tâm Bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm [H1.01.02.09]. Mô hình quản lý của Trường vận hành thống nhất, hiệu quả theo 3 cấp: Trường - Khoa/Viện - Bộ môn. Toàn Trường hiện có 13 viện và khoa đào tạo, 12 phòng ban, 12 trung tâm, trạm, 2 văn phòng đại diện.

Để nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý của Trường, Đảng ủy, Hội đồng Trường, Ban Giám hiệu Nhà trường đã ban hành nhiều chính sách, quy trình, quy định, công cụ quản lý. Nhà trường đã ban hành Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2018 - 2025 và tầm nhìn đến 2030 [H1.01.02.10], Kế hoạch chiến lược phát triển khoa học và công nghệ Trường Đại học Vinh giai đoạn 2018 - 2025 [H1.01.02.11]. Chính sách quản lý của Nhà trường là phân cấp, phân nhiệm đến từng vị trí việc làm. Trường đã ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Vinh [H1.01.02.12]; Quy định chức năng, nhiệm vụ của đơn vị thuộc và trực thuộc Trường [H1.01.02.13]; Quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của các Viện trực thuộc [H1.01.02.14]. Nhà trường đã xây dựng và định kỳ rà soát, bổ sung Đề án vị trí việc làm của các đơn vị [H1.01.02.15], trong đó mô tả chức năng, nhiệm vụ và khung năng lực của từng vị trí việc làm. Nhà trường đã xây dựng và ban hành hệ thống các quy chế, quy định, quy trình, nội quy... để điều hành và quản lý đối với các hoạt động nhằm thực hiện sứ mạng, triển khai kế hoạch chiến lược và khuyến khích đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên, kỹ thuật viên phát huy năng lực của mình [H1.01.02.16]. Định kỳ hàng năm, căn cứ đề nghị của các tổ chức đảng, đơn vị, đoàn thể thuộc và trực thuộc Trường và cán bộ, đảng viên, viên chức Nhà trường tại hội nghị sơ kết, tổng kết năm tài chính, năm học, hội nghị cán bộ, viên chức, hội nghị đối thoại giữa Bí thư Đảng ủy, Hiệu trưởng với đại diện sinh viên, Nhà trường đã tiếp thu các kiến nghị, đề xuất chính đáng để rà soát, điều chỉnh các chính sách, quy trình, quy định của đã ban hành. Đảng ủy, Hội đồng Trường, Ban Giám hiệu Nhà trường cũng đã

xây dựng cơ chế giám sát việc thực hiện các quy định, quy chế, chính sách... của Trường thông qua việc giao cho các ban của Đảng ủy, Phòng Thanh tra - Pháp chế, Ủy ban Kiểm tra Công đoàn Trường, Ban Thanh tra nhân dân... tiến hành kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện.

Công cụ quản lý của Trường là hệ thống văn bản quy chế và quy định, bộ tiêu chí đánh giá, xếp loại cán bộ và đề án vị trí việc làm. Hằng năm, Nhà trường đều rà soát, sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh hệ thống văn bản quản lý, điều hành Nhà trường. Các văn bản đều được lấy ý kiến góp ý rộng rãi của Đảng ủy, Hội đồng Trường, Ban Giám hiệu và toàn thể cán bộ, giảng viên, người lao động [H1.01.02.17]. Năm 2018, Nhà trường đã đổi tên phòng Thanh tra Giáo dục thành phòng Thanh tra - Pháp chế và bổ sung chức năng, nhiệm vụ cho phòng là đề xuất kiến nghị về các biện pháp đảm bảo thi hành pháp luật về giáo dục; tham gia đề xuất sửa đổi, bổ sung: các chính sách và quy định của Nhà nước về giáo dục, các quy chế, quy định của Nhà trường phù hợp với thực tiễn [H1.01.02.18]. Nhà trường cũng đã xây dựng kế hoạch và báo cáo cải tiến chất lượng trường đại học hằng năm [H1.01.02.19]. Trường đã xây dựng và sử dụng bộ tiêu chí thi đua cá nhân [H1.01.02.20] và Quy chế quy định đánh giá, xếp loại cán bộ, viên chức và người lao động [H1.01.02.21]. Cuối mỗi năm học, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Nhà trường xem xét, đánh giá kết quả công tác của cán bộ, viên chức, người lao động toàn Trường và đề nghị Hiệu trưởng ra quyết định xếp loại chính thức [H1.01.02.22] và chi lương tăng thêm theo kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao của mỗi cá nhân [H1.01.02.23]. Kết quả đánh giá cho thấy, đa số đội ngũ cán bộ, giảng viên, viên chức của Trường đã hoàn thành và hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ được giao [H1.01.02.24]. Nhờ đó, Trường đã thực hiện được sứ mạng, kế hoạch chiến lược và khuyến khích đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, giảng viên và người lao động phát huy tối đa năng lực của bản thân.

Tuy đã có nhiều chính sách, quy trình, quy định, công cụ quản lý nhưng Nhà trường vẫn chưa hoàn thành xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiêu chuẩn quốc gia ISO TCVN 9001:2015.

Chỉ số 1.2.2: Năng lực chuyên môn của nhân sự trong trường đáp ứng chức năng, nhiệm vụ của từng vị trí việc làm

Trường Đại học Vinh hiện có đội ngũ cán bộ, giảng viên, người lao động đủ về số lượng, mạnh về chất lượng, đồng bộ về cơ cấu, với 1.045 người, trong đó có 60 giáo sư, phó giáo sư; 280 tiến sĩ, 505 thạc sĩ (tỷ lệ giảng viên có học vị tiến sĩ đạt 46,5%). Đội ngũ nhân sự của Trường được tuyển dụng theo đúng chỉ tiêu và Đề án vị trí việc làm đã được phê duyệt [H1.01.02.25]; đồng thời được phân công nhiệm vụ rõ

ràng, công khai bằng văn bản và đăng tải trên website của Nhà trường [H1.01.02.26]. Hàng năm, Nhà trường đã xây dựng và ban hành kế hoạch tuyển dụng viên chức và lao động hợp đồng cho các đơn vị [H1.01.02.27]. Vị trí việc làm, các điều kiện năng lực chuyên môn nghiệp vụ được thông báo công khai, rộng rãi bằng văn bản trên website, trang thông tin điện tử, phần mềm Văn phòng điện tử Ioffice của Trường [H1.01.02.28]. Việc khảo sát và tuyển dụng được thực hiện chặt chẽ theo qui định của Đảng, Nhà nước và Quy chế về công tác cán bộ của Nhà trường [H1.01.02.29]. Để chấm dứt tình trạng đại học dạy đại học, Nhà trường chỉ tuyển giảng viên là những người có học vị thạc sĩ trở lên (trừ những ngành đặc thù). Đối với khối hành chính, căn cứ nhu cầu công việc đơn vị đề nghị, hoặc do nhu cầu công việc của Trường, Nhà trường thành lập hội đồng khảo sát, nếu đạt yêu cầu Trường sẽ ký hợp đồng thử việc. Định kỳ, Nhà trường tổ chức thi tuyển vào biên chế. Cán bộ giảng dạy đang ký hợp đồng lao động ngắn hạn muốn thi tuyển vào biên chế phải có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/B2 (khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam); hoặc kết quả sát hạch ngoại ngữ hằng năm với trình độ tương đương của Trường Đại học Vinh ở một trong các thứ tiếng Anh, Nga, Trung, Pháp, Đức); đối với giảng viên tiếng Anh thì phải đạt trình độ C1 quốc tế. Nhờ vậy, đến nay Nhà trường đã xây dựng được một đội ngũ cán bộ có cơ cấu hợp lý, đáp ứng các tiêu chí theo quy định. Đội ngũ giảng viên được tuyển dụng từ các cơ sở giáo dục đại học có uy tín trong và ngoài nước [H1.01.02.30].

Đảng ủy, Ban Giám hiệu đã tích cực chỉ đạo, có chế tài động viên, khuyến khích cán bộ đi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới. Nhà trường đã xây dựng và ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng theo từng năm và giai đoạn, đảm bảo tính khoa học, tính kế thừa và phù hợp với tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm theo quy định. Mỗi năm, Nhà trường đã mở nhiều lớp bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp cho giảng viên [H1.01.02.31]; mở nhiều lớp đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị, kiến thức quốc phòng, an ninh, ngoại ngữ, tin học cho hàng trăm lượt cán bộ, viên chức [H1.01.02.32]. Bên cạnh đó, các giảng viên tham gia đào tạo giáo viên hằng năm đều được cử đi thực tế trường phổ thông, thường xuyên tham gia các hoạt động tập huấn với giáo viên phổ thông, cán bộ quản lý giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức. Nhà trường cũng quan tâm, tạo điều kiện cho đội ngũ chuyên viên, kỹ thuật viên đi thực tế ở các cơ quan, đơn vị trong nước. Đội ngũ KTV, nhân viên phục vụ của Trường được đào tạo cơ bản, đúng chuyên môn và được bố trí làm việc ở các phòng thí nghiệm, thực hành và các bộ phận để hỗ trợ và phục vụ cho hoạt động học tập, giảng dạy và NCKH của Nhà trường [H1.01.02.33]. Qua đào tạo, bồi dưỡng, cán bộ, giảng viên, nhân viên, kỹ thuật viên đã vận dụng và phát huy tốt những kiến thức được đào tạo, bồi dưỡng vào công tác chuyên môn. Mỗi

năm, có hàng chục giảng viên bảo vệ thành công luận án tiến sĩ trong và ngoài nước [H1.01.02.34]. Đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên của Trường luôn thực hiện tốt trách nhiệm giải trình và phấn đấu hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ được giao [H1.01.02.35].

Tuy nhiên, Nhà trường chưa xây dựng được chỉ số đo lường hiệu quả công việc (KPI) cho đội ngũ cán bộ, giảng viên của Nhà trường.

Chỉ số 1.2.3: Toàn bộ nhân sự trong trường thực hiện đầy đủ các quy định về trách nhiệm và giải trình theo định kỳ

Để thực hiện đầy đủ trách nhiệm và giải trình, đầu mỗi năm học Nhà trường đều ban hành hướng dẫn tổ chức hội nghị cán bộ, viên chức và kế hoạch năm học của từng đơn vị, từ cấp bộ môn, tổ chuyên môn, tổ công tác, trong đó nhiệm vụ của từng cán bộ, giảng viên, nhân viên được mô tả rõ ràng, mọi người đều được tham gia góp ý xây dựng và được công khai trước khi thực hiện [H1.01.02.36]. Hằng năm, Nhà trường đều ban hành Kế hoạch tổ chức hội nghị cán bộ trẻ, hội nghị trưởng bộ môn, trợ lý đào tạo, cố vấn học tập và hội nghị đối thoại giữa Hiệu trưởng với sinh viên để tuyên truyền, cung cấp thông tin làm cho cán bộ, đảng viên và người học hiểu rõ và đồng thuận trong việc triển khai thực hiện các chủ trương lớn của Đảng, Nhà nước và Nhà trường [H1.01.02.37]. Đảng ủy Trường đã ban hành Hướng dẫn kiểm điểm, xếp loại cán bộ lãnh đạo quản lý và đảng viên hằng năm. Hiệu trưởng đã ban hành Quy chế quy định đánh giá, xếp loại cán bộ, viên chức và người lao động [H1.01.02.38] và bộ tiêu chí thi đua cá nhân để đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên, chuyên viên, kỹ thuật viên và nhân viên phục vụ [H1.01.02.39].

Nhà trường thực hiện trách nhiệm giải trình của đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên tại hội nghị cán bộ, viên chức của các đơn vị và Nhà trường. Đồng thời, tại các hội nghị định kỳ của Đảng ủy, Hội đồng Trường, các hội nghị giao ban cơ quan hằng tháng của Trường; các cuộc họp giao ban công việc tại từng đơn vị hằng tuần, hằng tháng các kế hoạch công tác, sản phẩm và trách nhiệm của từng đơn vị, cá nhân được giải trình công khai, rõ ràng trước tập thể [H1.01.02.40]. Hằng năm, việc kiểm điểm, đánh giá, phân loại cán bộ, giảng viên, nhân viên được thực hiện nghiêm túc, khách quan theo quy trình hướng dẫn cụ thể và dưới sự kiểm soát chặt chẽ từ các cấp như tổ/bộ môn, khoa/viện đào tạo/đơn vị chức năng, Hội đồng thi đua cấp đơn vị và cấp Nhà trường. Đây cũng chính là cơ sở để thực hiện công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sắp xếp, bố trí, sử dụng cán bộ. Đồng thời qua đó cũng giúp cho mỗi cán bộ, giảng viên, nhân viên từng bước khắc phục những khuyết điểm, thiếu sót và tích cực phát huy những ưu điểm để tiếp tục hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ được giao [H1.01.02.41].

2. Điểm mạnh

- Trường có các chính sách, quy trình, quy định, công cụ thích hợp để thực hiện sứ mạng, triển khai kế hoạch chiến lược và khuyến khích đội ngũ cán bộ, viên chức, người lao động phát huy năng lực.

- Năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên của Nhà trường luôn đáp ứng chức năng, nhiệm vụ theo vị trí việc làm.

- Toàn bộ cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên toàn Trường thực hiện đầy đủ các quy định về trách nhiệm giải trình định kỳ theo tuần, theo tháng và theo năm học thông qua báo cáo thực hiện nhiệm vụ của bản thân; thông qua hoạt động đánh giá, tự đánh giá, chấm điểm, xếp loại và tại các hội nghị của đơn vị và Nhà trường.

3. Điểm tồn tại

- Trường chưa áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiêu chuẩn quốc gia ISO TCVN 9001:2015 trong quản lý Nhà trường.

- Trường chưa xây dựng được chỉ số đo lường hiệu quả công việc cho đội ngũ cán bộ, giảng viên (KPI).

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục tồn tại	Triển khai kế hoạch xây dựng hệ thống quản lý chất lượng tiêu chuẩn quốc gia ISO 9001:2015	BGH Phòng HCTH	Quý III /2019	Quý III /2019
2.		Ban hành, sử dụng hệ thống quản lý chất lượng tiêu chuẩn quốc gia	BGH Phòng HCTH	Năm học 2019-2020	Năm học 2019-2020
3.		Lập kế hoạch xây dựng bộ chỉ số KPI	BGH Phòng TCCB	Năm học 2019-2020	Năm học 2019-2020
4.		Xây dựng, ban hành, đưa vào sử dụng bộ chỉ số KPI	BGH Phòng TCCB	Năm học 2019-2020	Năm học 2019-2020
5.	Phát huy điểm mạnh	Định kỳ rà soát, cập nhật, bổ sung hệ thống văn bản lãnh đạo, quản lý, điều hành Nhà trường phù hợp các quy định của Đảng, Nhà nước	BGH Phòng HCTH; Phòng TCCB; Phòng Thanh tra - Pháp chế	Hàng năm	Hàng năm

6.	Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên của Nhà trường	BGH Phòng TCCB Các đơn vị	Hàng năm	Hàng năm
7.	Tăng cường đối thoại, cung cấp thông tin cho đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên của Trường	Đảng ủy, Hội đồng Trường, Ban Giám hiệu, các đơn vị	Hàng năm	Hàng năm

5. Tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	1	2	3	4	5	6	7
Chỉ số 1.2.1				4			
Chỉ số 1.2.2				4			
Chỉ số 1.2.3				4			
Điểm tiêu chí 2	4.0						

Tiêu chí 3: Hệ thống đảm bảo chất lượng

1. Mô tả

Chỉ số 1.3.1: Trường có các chính sách thích hợp, có đơn vị đảm bảo chất lượng và nhân sự có chuyên môn để thực hiện hiệu quả các hoạt động đảm bảo chất lượng bên trong.

Từ năm 2001, sau khi trở thành Trường Đại học đa ngành, Trường Đại học Vinh đã xây dựng nhiều kế hoạch chiến lược cho từng giai đoạn phát triển, xác định sứ mạng, tầm nhìn và mục tiêu trở thành một trong các trường đại học trọng điểm quốc gia, là thành viên hiệp hội các trường Đại học Đông Nam Á [H1.01.03.01].

Một trong những vấn đề được quan tâm trong các kỳ đại hội Đảng bộ, Hội nghị công chức, viên chức hằng năm, trong chương trình công tác tháng là đẩy mạnh công tác đảm bảo chất lượng nhằm đạt được các mục tiêu đề ra [H1.01.03.02]. Nhận thức tầm quan trọng của công tác đảm bảo chất lượng, Đảng ủy trường đã ban hành riêng một Nghị quyết về việc tăng cường hiệu quả hoạt động đảm bảo chất lượng Trường Đại học Vinh, trên cơ sở đó làm căn cứ cho việc ban hành các quy định của nhà trường đối với chương trình đào tạo, nghiên cứu khoa học, cán bộ quản lý, giảng viên, nhân

viên, sinh viên và cơ sở vật chất của trường trong đảm bảo chất lượng [H1.01.03.03]. Qua đó, nhiều kế hoạch được vạch ra, nhiều chương trình được triển khai, nhiều văn bản để hướng dẫn thực hiện mục tiêu tăng cường hiệu quả đảm bảo chất lượng [H1.01.03.04].

Năm 2007, Nhà trường đã thành lập Trung tâm Đảm bảo chất lượng - đơn vị chuyên trách giúp Nhà trường thực hiện hiệu quả các chủ trương, kế hoạch, biện pháp đảm bảo chất lượng, hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục [H1.01.03.05]. Hệ thống Đảm bảo chất lượng của Nhà trường, ngoài đơn vị chuyên trách còn có một mạng lưới gồm các thành viên làm công tác ĐBCL trải đều các cấp, các đơn vị trong trường [H1.01.03.06]. Bên cạnh đó còn có sự hỗ trợ của phòng CTCT-HSSV, Trung tâm dịch vụ HTSV và QHDN trong công tác lấy ý kiến các bên liên quan nhằm không ngừng cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo [H1.01.03.07]. Định kỳ hằng năm, Nhà trường đã tổ chức được nhiều đợt khảo sát ý kiến của các bên liên quan về các hoạt động của Nhà trường; xây dựng và thực hiện kế hoạch cải tiến; có chế độ theo dõi, báo cáo tiến độ góp phần vào việc cải tiến chất lượng [H1.01.03.08]. Hiện nay, Nhà trường đang triển khai xây dựng triết lý giáo dục và đã có những chính sách phù hợp để thúc đẩy phát triển văn hóa chất lượng sâu rộng bên trong Nhà trường [H1.01.03.09].

Hiện nay, đội ngũ làm công tác đảm bảo chất lượng của nhà trường đáp ứng được yêu cầu của công việc [H1.01.03.10]. Hằng năm, đội ngũ nhân sự làm công tác đảm bảo chất lượng được tham gia các lớp đào tạo bồi dưỡng về công tác ĐBCL, kiểm định chất lượng. Có nhiều lượt cán bộ dự tập huấn về công tác ĐBCL và quản trị đại học ở trong và ngoài nước [H1.01.03.11]. Đến nay, Trường đã có đội ngũ cán bộ chuyên trách đủ năng lực để triển khai các hoạt động ĐBCL bên trong, triển khai hoạt động tư vấn, đánh giá ngoài cho các cơ sở giáo dục và chương trình đào tạo của các cơ sở giáo dục trên khắp cả nước [H1.01.03.12].

Chỉ số 1.3.2: Trường đã tiến hành tự đánh giá cấp trường, tự đánh giá cấp chương trình đào tạo nhằm cải thiện chất lượng giáo dục.

Các hoạt động tự đánh giá cấp trường, cấp chương trình được nhà trường rất quan tâm, được xây dựng trong các kế hoạch dài hạn, ngắn hạn, thực hiện thường xuyên và liên tục với mục đích khắc phục các điểm yếu và không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo. [H1.01.03.13].

Năm 2006, Trường đã tiến hành đánh giá ngoài cơ sở đào tạo và được công nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định cấp độ 2, một số chương trình đào tạo đã tiến hành tự đánh giá [H1.01.03.14]. Năm 2008, Trường Đại học Vinh triển khai tự đánh giá chất lượng cơ sở đào tạo chu kì 2 (giai đoạn 2008-2013), sau khi hoàn thành báo cáo tự

đánh giá đã tiến hành đăng kí đánh giá ngoài về Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục ngày 11/02/2015 [H1.01.03.15].

Từ tháng 9/2013 đến tháng 8/2016, Nhà trường đã triển khai tự đánh giá giữa kì và đã hoàn thành Báo cáo tự đánh giá vào ngày 15/11/2016 với số tiêu chí đạt yêu cầu là 58/61 (đạt 95,1%) và số tiêu chí chưa đạt yêu cầu là 03/61 (đạt 4,9 %) [H1.01.03.16].

Năm 2017, Trường đăng ký đánh giá ngoài cơ sở giáo dục với TT KĐCLGD-ĐH QGHN. Đoàn Chuyên gia đánh giá ngoài của Trung tâm Kiểm định – Đại học QGHN đã khảo sát chính thức tại trường Đại học Vinh, dựa trên những tiêu chí đạt được, Trường Đại học Vinh được công nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng vào tháng 11/2017. [H1.01.03.17].

Đối với CTĐT, năm 2009 Trường đã có 12 CTĐT giáo viên hoàn thành công tác tự đánh giá và có 01 CTĐT phổ thông là ngành Sư phạm Toán được đánh giá ngoài đạt chất lượng [H1.01.03.18]. Từ năm 2017 đến năm 2018 có 01 CTĐT tự đánh giá theo tiêu chuẩn AUN-QA là ngành Sư phạm Toán học và dự kiến đánh giá ngoài vào tháng 6/2020 [H1.01.03.19]. Năm 2019, có 02 CTĐT sư phạm là ngành Sư phạm Hóa học và Giáo dục tiểu học đã hoàn thành công tác tự đánh giá và đã đăng ký đánh giá ngoài theo bộ tiêu chuẩn trong nước [H1.01.03.20]. Nhà trường đã ban hành kế hoạch TĐG và ĐGN chương trình đào tạo cho giai đoạn 2019 – 2025 nhằm đạt được mục tiêu đề ra về tăng cường hoạt động đảm bảo chất lượng theo Nghị quyết 03/ĐU [H1.01.03.21].

Kết quả tự đánh giá cho CSGD cũng như CTĐT luôn được nhà trường sử dụng để cải tiến chất lượng thông qua việc nhà trường xây dựng kế hoạch cải tiến hằng năm và cho giai đoạn chu kỳ kiểm định [H1.01.03.22]. Bên cạnh đó, có chính sách theo dõi báo cáo tiến độ thực hiện kế hoạch cải tiến [H1.01.03.23], có văn bản hướng dẫn các đơn vị xây dựng kế hoạch đảm bảo chất lượng lồng ghép trong kế hoạch năm học của đơn vị [H1.01.03.24].

Chỉ số 1.3.3: Trường có một hệ thống thông tin tích hợp để định kỳ thu thập và xử lý dữ liệu về giảng viên và người học

Trường có hệ thống thu thập, xử lý dữ liệu về giảng viên và người học thống nhất trong toàn trường. Trường có trang thông tin chính thức của nhà trường được truy cập tại địa chỉ www.vinhuni.edu.vn [H1.01.03.25]. Đối với giảng viên, trường có hệ thống lưu và cập nhật dữ liệu thông tin tại địa chỉ trực tuyến cổng thông tin cán bộ (canbo.vinhuni.edu) [H1.01.03.26]; phần mềm này lưu trữ và cung cấp mọi thông tin của cán bộ, giảng viên cả về hồ sơ cá nhân, quản lý quá trình học tập của sinh viên các

lớp mà giảng viên giảng dạy, theo dõi các thông tin về hoạt động chuyên môn cũng như NCKH hàng năm của cán bộ, kê khai giờ giảng, giờ nghiên cứu khoa học, giờ sinh hoạt chuyên môn tại địa chỉ này và các đơn vị hành chính có thể thống kê dữ liệu ở đây để báo cáo hoặc thanh toán kinh phí làm thêm giờ (dạy quá giờ chuẩn qui định). Trường có hệ thống phần mềm CMC tích hợp cho quản lý tất cả các hoạt động như quản lý đào tạo; quản lý công tác học sinh, sinh viên, học viên; quản lý thông tin thư viện; phần mềm quản lý điểm [H1.01.03.27]. Đối với hoạt động bồi dưỡng và đào tạo giáo viên nhà trường có phần mềm quản lý bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm và đang từng bước hoàn thiện để nâng cao hiệu quả sử dụng [H1.01.03.28]. Thông tin người học cũng được lưu trên phần mềm quản lý đào tạo; hằng năm, trường xét tốt nghiệp cho người học thông qua phần mềm này; người học đăng kí học và xem thông tin cá nhân như lich học, lich thi, kết quả học tập... tại địa chỉ:

<http://student.vinhuni.edu.vn/cmsoft.iu.web.info/> [H1.01.03.29].

Ngoài phần mềm CMC điều hành toàn bộ hệ thống một cách thống nhất và có qui chế quản lý khai thác hệ thống thông tin điện tử, nhà trường còn có hệ thống quản lý LMS giúp cho giảng viên và người học tương tác, đăng tải tài liệu, nap bài tập, chấm điểm... [H1.01.03.30]; đối với hệ đào tạo sau đại học từ năm học 2018-2019, nhà trường đã triển khai hệ thống giảng dạy trực tuyến e - Learning, thông qua đó theo dõi sát sao quá trình dạy và học góp phần nâng cao chất lượng của nhà trường [H1.01.03.31].

Trường có đơn vị chuyên trách để quản lý đội ngũ giảng viên (Phòng Tổ chức cán bộ) và quản lý người học (Phòng Công tác Chính trị và học sinh, sinh viên), có đơn vị hỗ trợ sinh viên (Trung tâm Dịch vụ, Hỗ trợ SV và quan hệ doanh nghiệp), đơn vị quản lý điểm của người học là Trung tâm Đảm bảo chất lượng [H1.01.03.32]. Do đó công tác thu thập và xử lý dữ liệu về giảng viên và người học được lưu trữ khoa học, dễ truy cập. Nhà trường cũng làm thẻ tích hợp các chức năng thẻ thư viện, thẻ ATM, thẻ sinh viên cho mỗi sinh viên từ năm 2016 [H1.01.03.33]. Hằng năm, sau khi kết thúc mỗi học kỳ, nhà trường thông báo và triển khai lấy ý kiến của sinh viên về quá trình giảng dạy của giảng viên thông qua bảng câu hỏi trực tuyến đã được tích hợp chuyên vào trong trang cá nhân của sinh viên. Kết quả khảo sát sẽ được các bộ phận chuyên trách tổng hợp, báo cáo và gửi đến từng giảng viên, từng trưởng đơn vị, trên cơ sở đó làm căn cứ để xếp loại đơn vị và cá nhân giảng viên [H1.01.03.34].

Chỉ số 1.3.4: Trường có hệ thống thu thập phản hồi từ các bên liên quan về trải nghiệm và tiến bộ học tập; có phương pháp thu thập, phân tích phản hồi và sử dụng kết quả phân tích để cải tiến việc dạy học.

Trường có hệ thống phản hồi các bên liên quan về trải nghiệm và tiến bộ học tập. Đối với người học, nhà trường có hệ thống thu thập và phản hồi trực tuyến, cụ thể như định kỳ cuối mỗi học kì nhà trường triển khai lấy ý kiến của sinh viên về quá trình giảng dạy của giảng viên thông qua bảng câu hỏi trực tuyến đã được tích hợp chuyên vào trong trang cá nhân của sinh viên. Kết quả khảo sát sẽ được các bộ phận chuyên trách tổng hợp, báo cáo và gửi đến từng giảng viên, từng trưởng đơn vị, trên cơ sở đó làm căn cứ để xếp loại đơn vị và cá nhân giảng viên, bên cạnh đó hằng năm nhà trường còn lấy ý kiến đánh giá của sinh viên về các hoạt động của nhà trường [H1.01.03.35]. Đối với cựu sinh viên và nhà sử dụng lao động, hằng năm nhà trường cũng đã tổ chức khảo sát, thu thập thông tin phản hồi về việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp, về khả năng đáp ứng thị trường lao động cũng như các ý kiến đóng góp của nhà tuyển dụng và cựu sinh viên về chương trình đào tạo [H1.01.03.36]. Bên cạnh đó, nhà trường còn có bộ phận truyền thông của Trường cũng là nơi tiếp nhận các thông tin phản hồi của các bên liên quan. Nhà trường có Bộ phận Một cửa để giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của người học, trong đó có khiếu nại về kết quả học tập [H1.01.03.37], các khiếu nại có qui trình thực hiện và được giải đáp trong vòng 30 ngày [H1.01.03.38].

Nhà trường nhận thức rất rõ về tầm quan trọng của các hoạt động thực tập, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm trong chương trình đào tạo giáo viên nên các hoạt động này được thường xuyên định kỳ tổ chức. Sau mỗi hoạt động kiến tập, thực tập và rèn luyện nghiệp vụ sư phạm nhà trường đều tổ chức tổng kết và đánh giá kết quả thực hiện từ các cấp, nhất là hoạt động kiến tập, thực tập (gồm đoàn thực tập tại trường thực tập, tại khoa và hội đồng thực tập cấp trường với đầy đủ các thành phần tham dự) [H1.01.03.39]. Bên cạnh đó, sau mỗi kỳ thi giữa kỳ test online, Nhà trường có thống kê kết quả học tập theo môn học gửi về cho từng giảng viên để nắm được các kết quả học tập của sinh viên cũng như để giảng viên đối chiếu với các mốc chuẩn đầu ra của môn học làm căn cứ rà soát điều chỉnh CDR cho phù hợp [H1.01.03.40]. Hiện nay Nhà trường đang triển khai xây dựng và hoàn thiện hệ thống thông tin tổng thể của Nhà trường để tích hợp tất cả các mảng hoạt động của nhà trường vào phần mềm, theo đó sẽ có hệ thống lấy ý kiến phản hồi của tất cả các bên liên quan cũng như hệ thống xử lý phân tích thông tin thu thập được để làm nguồn dữ liệu cho việc cải tiến các hoạt động của nhà trường [H1.01.03.41].

2. Điểm mạnh

- Trường có các chính sách thích hợp, có đơn vị đảm bảo chất lượng và nhân sự có chuyên môn để thực hiện hiệu quả các hoạt động đảm bảo chất lượng bên trong.

- Trường đã tiến hành tự đánh giá cấp trường, tự đánh giá cấp chương trình đào tạo. **Kết** quả tự đánh giá cấp trường, cấp chương trình được sử dụng để nâng cao chất lượng.

- Trường có hệ thống thu thập và xử lý dữ liệu về giảng viên và người học. Công tác thu thập và xử lý dữ liệu về giảng viên và người học được lưu trữ khoa học, dễ truy cập và sử dụng khá hiệu quả.

- Trường có hệ thống thu thập phản hồi từ các bên liên quan về trải nghiệm và tiến bộ học tập. Có phương pháp thu thập, phản hồi và sử dụng kết quả khảo sát để cải tiến việc dạy học.

3. Tồn tại

- Nhà trường chưa có triết lý giáo dục.
- Số CTĐT tiến hành TĐG và đăng ký ĐGN hằng năm còn hạn chế.
- Phần mềm quản lý bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm mới được đưa vào sử dụng.
- Chưa có phần mềm phân tích số liệu khảo sát.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.		Xây dựng triết lý giáo dục	Hội đồng trường TT.ĐBCL	9/2019	12/2019
2.	Khắc phục tồn tại	Tăng số CTĐT tiến hành TĐG và đăng ký ĐGN hằng năm (Tự đánh giá 5-10 CTĐT/năm; Đánh giá ngoài 02 - 03 CTĐT/năm)	Các Khoa/Viện đào tạo	Hằng năm	Hằng năm
3.		Hoàn thiện phần mềm quản lý bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm	Trung tâm CNTT	10/2019	30/12/2019
4.		Xây dựng và vận hành phần mềm phân tích số liệu khảo sát	Trung tâm CNTT TT. ĐBCL	10/2019	30/6/2020
5.		Triển khai, thực hiện tốt các chính sách ĐBCL	Các đơn vị trong trường	Hằng năm	Hằng năm
6.	Phát huy điểm mạnh	Phát huy vai trò, năng lực của cán bộ trong công tác ĐBCL	Mạng lưới ĐBCL	Hằng năm	Hằng năm

7.	Thực hiện thường xuyên công tác TĐG cấp trường và cấp chương trình	Các đơn vị trong trường	Hàng năm	Hàng năm
8.	Sử dụng kết quả tự đánh giá cấp trường, cấp chương trình để nâng cao chất lượng	Các đơn vị trong trường	Hàng năm	Hàng năm
9.	Tiếp tục bảo trì và nâng cấp hệ thống thu thập và xử lý dữ liệu về giảng viên và người học	Trung tâm CNTT	Hàng năm	Hàng năm
10.	Định kỳ thu thập và xử lý dữ liệu về các bên liên quan và sử dụng kết quả khảo sát để cải tiến việc dạy học	Phòng TCCB P.CTCT&HSSV TT.DVHTSV& QHĐN Các khoa/Viện đào tạo	Hàng năm	Hàng năm

5. Tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 1.3.1				4			
Chỉ số 1.3.2				4			
Chỉ số 1.3.3				4			
Chỉ số 1.3.4				4			
Điểm tiêu chí 3	4.0						

TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHUẨN 1

STT	Tiêu chí	Mức đánh giá
1	Tiêu chí 1	4.0
2	Tiêu chí 2	4.0
3	Tiêu chí 3	4.0
ĐIỂM TIÊU CHUẨN		4.00

Tiêu chuẩn 2

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tiêu chí 4: Phát triển chương trình

1. Mô tả

2.4.1. Các quy trình thiết kế/phát triển, thẩm định, thực hiện, giám sát và điều chỉnh chương trình đào tạo và chương trình bồi dưỡng gắn với sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu chiến lược của trường và nhiệm vụ được giao.

Với Sứ mạng “Trường Đại học Vinh là cơ sở giáo dục đại học đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, nghiên cứu khoa học giáo dục, khoa học cơ bản, ứng dụng và chuyển giao công nghệ hàng đầu của khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước, luôn hướng tới sự thành đạt của người học” [H2.02.04.1.01]. Nhà trường luôn lấy chất lượng đào tạo giáo viên, chất lượng của một trường sư phạm mẫu mực làm động lực cho sự phát triển. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Trường lần thứ XXXI đã xác định phương hướng phát triển của Nhà trường trong nhiệm kỳ 2015 - 2020 là: *“Tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; chủ động hội nhập quốc tế; xây dựng đội ngũ cán bộ đủ về số lượng, đảm bảo chất lượng, đồng bộ về cơ cấu; xây dựng Trường Đại học Vinh thành trường đại học trọng điểm, có một số ngành đạt tiêu chuẩn quốc tế, là thành viên của Mạng lưới các trường đại học ASEAN”* [H2.02.04.1.02].

Trường có 14 ngành đào tạo giáo viên và 1 ngành Quản lý giáo dục, CTĐT có cấu trúc hợp lý, được thiết kế, xây dựng và phát triển theo các qui định của Bộ GD-ĐT, đảm bảo tính khoa học, tính liên thông và đáp ứng các tiêu chuẩn nghề nghiệp của giáo viên phổ thông [H2.02.04.1.03].

Để đảm bảo CTĐT và chương trình bồi dưỡng đáp ứng các mục tiêu chiến lược phát triển của nhà trường, Nhà trường đã có hệ thống văn bản quy định về quy trình xây dựng, phát triển, thẩm định, thực hiện, giám sát và điều chỉnh chương trình đào tạo, chương trình bồi dưỡng giáo viên. [H2.02.04.1.04]. Các CTĐT giáo viên đều được qui định rõ thời gian, khối lượng kiến thức đào tạo toàn khóa, các khối kiến thức, số lượng học phần. Đề cương chi tiết học phần qui định rõ thời lượng, mục tiêu, chuẩn đầu ra, nội dung dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá, các biện pháp giúp người học đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT.

CTĐT của Trường được xây dựng có sự tham khảo CTĐT của các trường đại học có uy tín trong nước và trên thế giới và của các nhà khoa học chuyên ngành, giảng viên, cán bộ quản lý, đại diện của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, nhà tuyển dụng lao động và người đã tốt nghiệp. Việc cập nhật, điều chỉnh, bổ sung CTĐT được Nhà

trường qui định rõ ràng và được thực hiện định kì ít nhất 02 năm một lần, nhằm mục đích đáp ứng được các yêu cầu về nguồn nhân lực trong từng giai đoạn nhất định, bám sát thực tế đổi mới giáo dục phổ thông [H2.02.04.1.05].

Từ năm 2017, Nhà trường đã triển khai xây dựng các CTĐT giáo viên theo định hướng tiếp cận CDIO nhằm đáp ứng được các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và năng lực; đáp ứng được yêu cầu của người học về kiến thức, phẩm chất và năng lực của người giáo viên, phục vụ triển khai chương trình giáo dục phổ thông mới 2018 của Bộ GD - ĐT; đáp ứng Chuẩn nghề nghiệp giáo viên các cơ sở giáo dục phổ thông và mầm non, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn chiến lược của Trường và nhiệm vụ mà Nhà nước giao phó [H2.02.04.1.06].

Căn cứ vào nhu cầu thực tiễn của thị trường lao động, các qui trình xây dựng CTĐT giáo viên của Nhà trường đề cao việc hỗ trợ người học đạt được những năng lực đáp ứng yêu cầu của người giáo viên, giúp Nhà trường hoàn thành sứ mệnh đào tạo đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng được yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục phổ thông, chương trình giáo dục phổ thông mới. Từ năm 2018, Nhà trường đã tăng cường phối hợp với các trường phổ thông, mầm non, các giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục phổ thông, triển khai ký kết thỏa thuận xây dựng mạng lưới vệ tinh với 03 Sở GD&ĐT Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh [H2.02.04.1.07].

Các CTĐT sau khi xây dựng được đánh giá và nghiệm thu cấp khoa/viện và cấp trường được in ấn, đóng quyển và được công bố công khai trên Website của Trường [H2.02.04.1.08].

2.4.2. Các CTĐT và chương trình bồi dưỡng giáo viên được phát triển đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan, thể hiện tính hệ thống và nhất quán.

CTĐT, chương trình bồi dưỡng giáo viên được thiết kế thể hiện tính hệ thống theo đúng quy trình xây dựng CTĐT hiện hành, trong đó nhà trường đặc biệt chú trọng việc khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan [H2.02.04.2.01]. Qua kết quả khảo sát có được, Nhà trường đã xây dựng CDR, khung năng lực, đề cương chi tiết và tiến hành điều chỉnh CTĐT kịp thời nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội [H2.02.04.2.02].

Tính thống nhất và tính nhất quán cao của CTĐT giáo viên của nhà trường được thể hiện ở các điểm sau:

- Các CTĐT giáo viên của Trường được xây dựng theo các qui định hiện hành do Bộ GD - ĐT ban hành, đáp ứng các tiêu chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở các bậc học, cũng như căn cứ vào các ý kiến phản hồi của các nhà tuyển dụng, giáo viên phổ thông và cựu sinh viên, đảm bảo cân đối giữa khối lượng kiến thức giáo dục đại cương, giáo dục chuyên nghiệp; đảm bảo cân đối giữa kiến thức lí thuyết, thực hành,

thảo luận, bài tập. CTĐT của mỗi ngành học đều thiết kế một thời lượng thích đáng cho việc rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp (từ 25 - 30%) [H2.02.04.2.03].

- Các CTĐT giáo viên đều được thiết kế thống nhất với thời lượng 132 tín chỉ (từ năm học 2016-2017 trở về trước) và 125 tín chỉ (từ năm học 2017-2018 trở đi), thời gian đào tạo 4 năm. Cấu trúc CTĐT giáo viên thể hiện được các khối kiến thức đại cương (30%), kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành (70%). Mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra cần đạt được, cũng như phương pháp kiểm tra đánh giá của từng học phần được ghi rõ trong đề cương chi tiết của học phần đó. CTĐT giáo viên của trường đáp ứng linh hoạt nhu cầu nguồn nhân lực giáo viên, được các Sở Giáo dục - Đào tạo, các trường phổ thông, các nhà tuyển dụng và người học sau khi tốt nghiệp đánh giá cao [H2.02.04.2.04].

Các CTĐT của Nhà trường đều được xây dựng theo hướng liên thông giữa các loại hình đào tạo, phương thức đào tạo và giữa các trình độ đào tạo, bao gồm: Liên thông giữa trình độ đào tạo từ cao đẳng lên đại học; liên thông giữa các khối kiến thức của các ngành đào tạo (kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở ngành,...); liên thông với các ngành đào tạo của các trường đại học khác. Có được sự liên thông ở trên là do CTĐT của Trường được xây dựng trên cơ sở chương trình khung của Bộ GD - ĐT và được Bộ GD - ĐT (thông qua Dự án Phát triển giáo viên THPT và TCCN) phê duyệt dùng chung cho các trường đại học sư phạm trong cả nước nên có sự tương thích về CTĐT các ngành giữa các trường. Trường được Bộ GD - ĐT cho phép đào tạo liên thông từ trình độ cao đẳng lên đại học các ngành đào tạo giáo viên [H2.02.04.2.05].

Đối với phương thức đào tạo VL-VH, CTĐT giáo viên các ngành đều được thiết kế, xây dựng dựa trên chương trình khung của Bộ GD - ĐT và CTĐT chính qui của Trường, vì vậy giữa đào tạo chính qui và VL-VH các khối kiến thức được liên thông với nhau ở mức tối đa [H2.02.04.2.06].

Ngoài hệ đào tạo giáo viên trình độ đại học chính qui và VL-VH, để đáp ứng nhu cầu của các địa phương, Nhà trường đã liên kết với các cơ sở giáo dục trong khu vực và một số tỉnh, thành trong cả nước với loại hình đào tạo thường xuyên và giáo dục từ xa, đào tạo và cấp chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm cho giáo viên đại học, đào tạo và cấp chứng chỉ chức danh nhà giáo... [H2.02.04.2.07].

Chương trình bồi dưỡng được Nhà trường xây dựng dựa trên các chương trình của Bộ GD-ĐT, hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học của Sở GD-ĐT đảm bảo chuẩn kiến thức, kỹ năng theo quy định, đáp ứng nhu cầu bồi dưỡng và có tính thống nhất và nhất quán. [H2.02.04.2.08]. Hiện tại, Nhà trường có 13 chương trình bồi

dưỡng được xây dựng thống nhất 240 tiết/CT (106 tiết lý thuyết và 134 tiết thực hành), được thiết kế gồm 3 phần (1. kiến thức về chính trị, quản lý nhà nước và các kỹ năng chung; 2. kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp và đạo đức nghề nghiệp; và 3. tìm hiểu thực tế, thu hoạch). Mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể cũng như phương pháp kiểm tra đánh giá của từng phần được ghi rõ trong đề cương chi tiết của chương trình bồi dưỡng. Chương trình bồi dưỡng giáo viên của trường đáp ứng linh hoạt nhu cầu nguồn nhân lực giáo viên, được các Sở Giáo dục - Đào tạo, các trường phổ thông, các nhà tuyển dụng và người học sau khi tốt nghiệp đánh giá cao [H2.02.04.2.09].

2.4.3. Chương trình đào tạo và chương trình bồi dưỡng giáo viên được định kỳ rà soát, đánh giá, chỉnh sửa và bổ sung với sự tham gia của các bên liên quan.

Nhà trường đã có Nghị quyết về việc đào tạo đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực cho địa phương và xã hội [H2.02.04.3.01]. Hằng năm, Nhà trường có các văn bản qui định về việc rà soát, bổ sung, điều chỉnh CTĐT. Việc điều chỉnh CTĐT đã dựa trên các qui định của Bộ GD - ĐT, các CTĐT tiên tiến quốc tế, các ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng lao động, người tốt nghiệp, các tổ chức giáo dục và các tổ chức khác nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực phát triển kinh tế - xã hội của địa phương hoặc cả nước [H2.02.04.3.02].

Từ năm 2010-2018, Trường đã tiến hành xây dựng và điều chỉnh CTĐT 06 lần [H2.02.04.3.03]. Nội dung thay đổi trong các lần điều chỉnh bao gồm: nâng cao tỉ lệ thực hành, thí nghiệm, thực tập rèn nghề cho sinh viên, tích hợp các nội dung kiến thức tránh sự trùng lặp nội dung giữa các học phần, đưa vào chương trình những kiến thức, kỹ năng mới, hiện đại, nhằm đáp ứng yêu cầu chuẩn nghề nghiệp giáo viên, đồng thời đưa ra khỏi chương trình những nội dung không còn phù hợp [H2.02.04.3.04]. Đặc biệt, CTĐT được Nhà trường chỉ đạo xây dựng theo hướng tăng cường phát triển năng lực của người học tiếp cận CDIO [H2.02.04.3.05]. Ngoài các đợt điều chỉnh CTĐT được Nhà trường triển khai đồng loạt, hằng năm căn cứ vào đề xuất của Hội đồng khoa học - đào tạo và thực tiễn nhu cầu nhân lực, các khoa/viện chủ động đề nghị điều chỉnh chương trình, đề cương chi tiết các học phần. CTĐT năm 2016 được điều chỉnh đào tạo theo nhóm ngành (lần 5), chia thành hai giai đoạn: Giai đoạn I: 1,5 năm, Giai đoạn II: 2,5 năm [H2.02.04.3.06].

- Trường có trường thực hành sư phạm và hệ thống các trường phổ thông, màm non vệ tinh là nơi để sinh viên thực hành nghề nghiệp, rèn luyện tay nghề song song với việc học lý thuyết [H2.02.04.3.07]. Hằng năm, qua công tác sơ kết và tổng kết TTSP đối với các Sở GD - ĐT 4 tỉnh Nghệ An; Hà Tĩnh, Thanh Hóa, Ninh Bình và Phòng giáo dục Thành phố Vinh để điều chỉnh CTĐT phù hợp với đổi mới chương

trình và phương pháp dạy học ở các trường phổ thông [H2.02.04.3.08]. Các ý kiến góp ý của các nhà quản lí, giáo viên hướng dẫn thực tập sư phạm, kiến tập sư phạm là các tư liệu quí để nhà trường chỉ đạo các viện/khoa sư phạm điều chỉnh, bổ sung CTĐT [H2.02.04.3.09].

Các chương trình bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lí được định kì rà soát, đánh giá, chỉnh sửa và bổ sung với sự tham gia của các bên liên quan [H2.02.04.3.10]. Sau khi kết thúc khóa bồi dưỡng, Nhà trường tiến hành khảo sát lấy ý kiến người học để không ngừng cải tiến, nâng cao chất lượng chương trình bồi dưỡng [H2.02.04.3.11]. Để đảm bảo tính linh hoạt và đáp ứng nhu cầu và mối quan tâm của giáo viên và cán bộ quản lí giáo dục phổ thông Nhà trường đã có nhiều hình thức đào tạo khác nhau và trong công tác bồi dưỡng chức danh ngành cho giáo viên và CBQL được mở rộng và tiến hành trên nhiều địa bàn khác nhau các tỉnh Nam Bộ, Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, Tây Bắc trong công tác bồi dưỡng cấp chứng chỉ thăng hạng cho giáo viên, giảng viên... [H2.02.04.3.12].

2. Điểm mạnh

Các CTĐT và BD của Trường được xây dựng theo các qui định hiện hành do Bộ GD - ĐT ban hành; có sự tham khảo CTĐT của các trường đại học có uy tín trong nước và trên thế giới. Các qui trình thiết kế, phát triển, giám sát thực hiện và điều chỉnh chương trình gắn kết với trọng trách mà Nhà nước giao phó, phù hợp với sứ mệnh, tầm nhìn, và mục tiêu của Trường; Nhà trường đang triển khai xây dựng và phát triển CTĐT tiếp cận CDIO nhằm đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực giáo viên cho xã hội.

Các CTĐT của Nhà trường đều được xây dựng theo hướng liên thông giữa các loại hình đào tạo, phương thức đào tạo và giữa các trình độ đào tạo thể hiện tính hệ thống và nhất quán.

Chương trình Bồi dưỡng được xây dựng với các module kiến thức, kĩ năng về thực hiện quy trình phát triển CT nhà trường phù hợp với đặc điểm vùng, địa phương. Chương trình đào tạo và bồi dưỡng giáo viên được định kì rà soát, đánh giá, chỉnh sửa và bổ sung với sự tham gia của các bên liên quan.

3. Điểm tồn tại

- CTĐT của các hệ đào tạo đại học giống nhau nhưng một số khâu trong đào tạo hệ VLVH chưa được chuẩn hóa đồng bộ nên chất lượng đào tạo hệ VLVH chưa đạt hiệu quả cao như hệ chính qui.

- Sự tham gia của các nhà tuyển dụng, đại diện của các cơ quan quản lí giáo dục vào phát triển CTĐT giáo viên của Nhà trường còn chưa nhiều.

- Việc lấy ý kiến phản hồi của người học sau tốt nghiệp và các tổ chức, các nhà tuyển dụng về việc điều chỉnh CTĐT chưa được thường xuyên.

- Chương trình cần linh hoạt hơn nữa trong thời gian tới và nhất là cần có những chương trình bồi dưỡng đặc thù cho sinh viên ngành sư phạm để tiếp cận nhanh hơn với chương trình phổ thông mới.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Chuẩn hóa đồng bộ trong đào tạo hệ VLVH	Phòng ĐT Phòng ĐT SĐH TT BDNVSP TT GDTX Khoa/viện	15/11/2019	Hàng năm
2		Tăng cường lấy ý kiến của các nhà tuyển dụng, đại diện của các cơ quan quản lý giáo dục vào phát triển CTĐT giáo viên của Nhà trường	Phòng ĐT Phòng ĐT SĐH TT HTSV-QHDN TT GDTX Khoa/viện	15/11/2019	Hàng năm
3		Tăng cường lấy ý kiến phản hồi của người học sau tốt nghiệp và các tổ chức, các nhà tuyển dụng về việc điều chỉnh CTĐT	Phòng ĐT Phòng ĐT SĐH TT HTSV-QHDN TT GDTX Khoa/viện	15/11/2019	Hàng năm
4		Xây dựng chương trình bồi dưỡng đặc thù cho sinh viên ngành sư phạm để tiếp cận với chương trình <u>phổ thông mới</u> .	Phòng ĐT TT BDNVSP Khoa/viện	15/10/2017	Hàng năm
1	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục xây dựng và phát triển CTĐT tiếp cận CDIO	Phòng ĐT Khoa/viện	15/11/2019	Hàng năm
2		Tiếp tục điều chỉnh chương trình đào tạo, CT bồi dưỡng <u>đảm</u> bảo tính liên thông giữa các hệ đào tạo	Phòng ĐT TT BDNVSP Khoa/viện	15/11/2019	Hàng năm
3		Chương trình đào tạo và bồi dưỡng giáo viên được định kỳ rà soát, đánh giá, chỉnh sửa và bổ sung với sự tham gia của các bên liên quan.	TT BDNVSP Khoa/viện	15/11/2019	Hàng năm

5. Tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 2.4.1				4			
Chỉ số 2.4.2.				4			
Chỉ số 2.4.3.				4			
Điểm tiêu chí 4	4.0						

Tiêu chí 5: Nội dung chương trình và tổ chức thực hiện

1. Mô tả

2.5.1. Nội dung chương trình đáp ứng chuẩn đầu ra, gắn kết với chuẩn nghề nghiệp, đảm bảo tính khoa học, hiện đại và cập nhật, tích hợp các vấn đề giáo dục phát sinh trong thực tế và những thay đổi trong bối cảnh địa phương, quốc gia và quốc tế.

Trường đã xây dựng và công bố chuẩn đầu ra cho tất cả các ngành đào tạo, trong đó đã xác định rõ mục tiêu của CTĐT cả về kiến thức, kỹ năng và thái độ cho người học sau khi hoàn thành chương trình [H2.02.05.1.01].

Chuẩn đầu ra các CTĐT được xây dựng dựa trên Chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông và mầm non, đảm bảo người học sau khi tốt nghiệp có đủ các phẩm chất và năng lực nghề nghiệp, đáp ứng được yêu cầu của nhà tuyển dụng. Chuẩn đầu ra của CTĐT được cụ thể hóa thành mục tiêu, chuẩn các đầu ra của các học phần. Việc lựa chọn, sắp xếp và bố trí các học phần nhằm mục đích giúp người học đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT [H2.02.05.1.02].

CTĐT được thiết kế dựa trên CDR có sự tham vấn của các bên liên quan, tham khảo các CTĐT tiên tiến trong và ngoài nước đảm bảo tính khoa học, hiện đại và cập nhật, tích hợp được các vấn đề giáo dục phát sinh trong thực tế và những thay đổi trong bối cảnh địa phương, quốc gia và quốc tế [H2.02.05.1.03].

Chương trình bồi dưỡng đã cập nhật, tích hợp các vấn đề giáo dục phát sinh trong thực tế và những thay đổi trong bối cảnh địa phương, quốc gia và quốc tế. Đặc biệt xây dựng chương trình đáp ứng những yêu cầu đặt ra đối với từng đối tượng được bồi dưỡng. Trong đó có mục tiêu, nội dung, phương pháp giáo dục, phương pháp và hình thức đánh giá kết quả giáo dục theo chương trình GDPT mới [H2.02.05.1.04].

2.5.2. Chương trình thể hiện tính hợp lý giữa lý thuyết và thực hành, đảm bảo cho người học có đầy đủ năng lực và phẩm chất để thực hiện hiệu quả các hoạt động dạy học.

Các chương trình đào tạo được xây dựng dựa trên chương trình khung của Bộ GD - ĐT, đảm bảo tính hợp lý và cân đối về kiến thức giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp; giữa lý thuyết, thực hành, thảo luận, bài tập; kiến thức bắt buộc, tự chọn, chuyên ngành hẹp đảm bảo cho sinh viên có đủ kiến thức mở rộng và chuyên sâu, thích ứng linh hoạt với các kỹ năng nghề nghiệp [H2.02.05.2.01].

CTĐT được xây dựng trên cơ sở tăng cường kỹ năng nghề nghiệp như tăng thời lượng thực hành, thực tập và có sự tham gia giảng dạy của các cán bộ có kinh nghiệm trong và ngoài trường. Trong đó khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm chiếm khoảng 25% khối lượng chương trình đào tạo [H2.02.05.2.02].

Các hoạt động rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cũng được Nhà trường chú trọng như: Tổ chức tháng rèn luyện nghiệp vụ sư phạm (NVSP); Hội thi NVSP; Kiến tập và thực tập sư phạm là điều kiện tốt để sinh viên học hỏi, vận dụng những kiến thức, kỹ năng đã học vào giải quyết các tình huống sư phạm thực tế nhằm nâng cao kiến kỹ năng về nghiệp vụ sư phạm và phát triển năng lực chuyên môn một cách toàn diện [H2.02.05.2.03].

Chương trình bồi dưỡng được xây dựng với tham gia của các Sở GD- ĐT, đảm bảo sự cân đối giữa lý thuyết và thực hành thảo luận, bài tập đáp ứng các yêu cầu cần thiết của chương trình bồi dưỡng ngắn hạn. Khi tham gia các khóa bồi dưỡng, học viên đều có đầy đủ tài liệu học tập, nghiên cứu [H2.02.05.2.04].

2.5.3. Việc phân bổ các học phần đảm bảo tính hợp lý, đáp ứng nhu cầu cá nhân và kế hoạch học tập của người học.

Các CTĐT sư phạm đều được thiết kế với khối lượng là 125 tín chỉ được phân bổ thời gian là 4 năm (8 học kì); chương trình đào tạo có tính liên thông giữa các ngành, các khóa để người học chủ động xây dựng kế hoạch học tập, tạo điều kiện cho người học lựa chọn học cùng lúc 2 chương trình; Trong mỗi học kì, nhà trường và các khoa/viện mở đủ cơ số lớp học phần để sinh viên lựa chọn đăng kí học tùy vào năng lực và thời gian của mình [H2.02.05.3.01].

Các học phần được phân bổ hợp lý để sinh viên chủ động trong việc đăng kí học và theo dõi kết quả tích lũy học tập, học cùng lúc 2 chương trình, học vượt, học lại, học cải thiện điểm, học chuyên đổi.... Trong quá trình học tập, sinh viên chủ động thay đổi kế hoạch học tập đều được khoa, viện và Nhà trường tạo điều kiện [H2.02.05.3.02].

Nhà trường phối hợp với các khoa, viện rà soát kế hoạch học tập của sinh viên để xây dựng kế hoạch năm học phù hợp, đặc biệt là kế hoạch rèn luyện NVSP, kiến tập, thực tập sư phạm được triển khai vào các tháng trọng điểm về hoạt động phong trào ở trường phổ thông (tháng 3 và tháng 11 hằng năm) để sinh viên phát huy được tối đa năng lực của mình [H2.02.05.3.03].

Hàng năm, Nhà trường tổ chức xét công nhận tốt nghiệp cho sinh viên 3 đợt, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên tích lũy đạt số tín chỉ được Nhà trường công nhận tốt nghiệp. Do đó, hàng năm đều có sinh viên tốt nghiệp sớm so với kế hoạch đào tạo [H2.02.05.3.04].

2.5.4. Việc tổ chức thực hiện chương trình bao quát, tích hợp được những tình huống học tập đa dạng thường xảy ra trong trường sư phạm và trường phổ thông.

Việc tổ chức thực hiện CTĐT được nhà trường triển khai đảm bảo được tính tích hợp, bao quát được các tình huống sư phạm đa dạng ở trường phổ thông thể hiện qua các môn học nghiên cứu chương trình phổ thông; Phân tích chương trình các môn học, phương pháp giảng dạy phổ thông, các bài thí nghiệm... Các học phần đó được quy định về nội dung, số tiết và thời gian phù hợp đảm bảo cho sinh viên được làm quen, trải nghiệm, nhận biết và bao quát được các tình huống học tập đa dạng thường xảy ra trong trường sư phạm và trường phổ thông [H2.02.05.4.01].

Sinh viên đã được tiếp cận và thực hành trải nghiệm các tình huống sư phạm ngay từ năm học thứ nhất thông qua đề án học phần Nhập môn ngành sư phạm. Bên cạnh đó, sinh viên được rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên, TTSP tại các trường phổ thông và trường THSP [H2.02.05.4.02].

Hàng năm, nhà trường tổ chức Tháng rèn luyện NVSP và Hội thi NVSP cấp Khoa, cấp Trường nhằm thúc đẩy phong trào thi đua "Day tốt, học tốt" trong giảng viên, học sinh, sinh viên và học viên; rèn luyện các kỹ năng thực hành sư phạm, thúc đẩy các hoạt động văn hoá, văn nghệ và tăng cường hiểu biết, giao lưu, học tập kinh nghiệm lẫn nhau, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho sinh viên sư phạm [H2.02.05.4.03].

2.5.5. Trường đảm bảo tính phù hợp của nguồn lực, thời lượng của chương trình, sự phân bổ thời gian và thời khóa biểu cho các hoạt động đào tạo và bồi dưỡng trong suốt quá trình thực hiện chương trình để đáp ứng chuẩn đầu ra.

Nhà trường đã xây dựng chiến lược để phát triển nguồn nhân lực, đội ngũ GV, chuyên viên, KTV... đảm bảo thực hiện được CTĐT và NCKH, đáp ứng được qui mô đào tạo về số lượng SV, số lớp học phần. Bên cạnh đội ngũ GV cơ hữu, còn có hàng trăm nhà khoa học trong nước (từ một số Viện thành viên của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Viện Nghiên cứu cao cấp về Toán; Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường ĐH Sư phạm Hà Nội, v.v...) và ngoài nước (từ Anh, Hoa Kỳ, Ba Lan...) tham gia đào tạo đại học và sau đại học tại Trường [H2.02.05.5.01].

Ngoài nguồn lực con người, hệ thống cơ sở vật chất của nhà trường bao gồm phòng học, phòng thực hành thí nghiệm, sân bãi, cơ sở thực hành, thực tế chuyên môn và trường THSP đã được nhà Trường xây dựng và trang bị đầy đủ, đáp ứng nội dung và yêu cầu của CTĐT. Nhà trường có hệ thống kí túc xá, trạm y tế, thư viện đầy đủ, hiện đại đảm bảo cho SV ổn định, yên tâm học tập [H2.02.05.5.02].

Hàng năm, Nhà trường chỉ đạo các đơn vị trong trường xây dựng Kế hoạch năm học cho đơn vị, trong đó xác định rõ kế hoạch đào tạo, NCKH, công tác tổ chức, cán bộ và các điều kiện về nguồn lực tài chính để đảm bảo việc thực hiện kế hoạch năm học của từng đơn vị và của toàn trường. Trên cơ sở đó, phòng Đào tạo chủ trì việc xây dựng kế hoạch đào tạo, thời khóa biểu cho các hoạt động đào tạo bao gồm học trên lớp và ứng dụng CNTT qua hệ thống LMS của toàn trường đáp ứng chuẩn đầu ra [H2.02.05.03].

Nhà trường căn cứ vào chuẩn CTGD quốc gia, CTGD địa phương để thiết kế, biên soạn chương trình bồi dưỡng phù hợp. Nhà trường đã lựa chọn, sắp xếp nội dung thích hợp với thực tế xã hội, cân đối các yêu cầu theo cả bề rộng lẫn chiều sâu, xây dựng các mục tiêu đa dạng, tính khả thi và thực tiễn, sự phù hợp với nhu cầu và sở thích của người học. bao gồm học trực tiếp và trực tuyến... [H2.02.05.04].

2.5.6. Việc thực hiện chương trình bồi dưỡng đảm bảo tính linh hoạt và đáp ứng nhu cầu và mối quan tâm của giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục phổ thông.

Bên cạnh việc đào tạo giáo viên, Nhà trường cũng rất quan tâm với công tác bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục theo chương trình giáo dục thường xuyên của Bộ Giáo dục và Đào tạo, cũng như nhu cầu của giáo viên và cán bộ quản lý ở các trường phổ thông. Nhà trường triển khai chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp cho cán bộ quản lý, giáo viên các trường mầm non, giáo viên phổ thông và giảng viên các trường ĐH, CĐ trong cả nước. [H2.2.05.6.01]. Tổ chức bồi dưỡng cho hơn 1.200 giáo viên phổ thông làm công tác tư vấn tâm lý cho học sinh của toàn bộ tỉnh Nghệ An [H2.02.05.02].

Song song với Bồi dưỡng giáo viên cốt cán cho 3 tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An và Hà Tĩnh, Trường đã tiến hành bồi dưỡng đại trà cho toàn bộ giáo viên tiểu học day lớp 1 trên địa bản tỉnh Nghệ An [H2.02.05.03].

Theo nhu cầu của Sở GD-ĐT tỉnh Hà Tĩnh, Trường đã tổ chức bồi dưỡng năng lực quản lý và dạy học thực hành thí nghiệm các môn Vật lí, Hóa học, Sinh học cho 40 cán bộ quản lý (Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng), 40 nhân viên thiết bị và 120 giáo viên của 40 trường THPT của tỉnh Hà Tĩnh [H2.02.05.04].

Nhà trường thực hiện chương trình bồi dưỡng linh hoạt dựa vào đặc điểm và nhu cầu của người học và địa phương. Linh hoạt trong các hình thức tổ chức bồi dưỡng: kết hợp trực tuyến và trực tiếp, bố trí giảng viên về tại địa phương, thời gian tổ chức bồi dưỡng thường được tổ chức vào các kỳ hè, cuối tuần để phù hợp với lịch giảng dạy của người học. Hình thức tổ chức bồi dưỡng đa dạng kết hợp lý thuyết với thực hành, thảo luận và làm việc nhóm.... [H2.02.05.05].

2. Điểm mạnh

- Các CTĐT và CTBD có mục tiêu rõ ràng, cụ thể, cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách hệ thống. Nội dung chương trình đáp ứng chuẩn đầu ra, gắn kết với chuẩn nghề nghiệp, đảm bảo tính khoa học, hiện đại và cập nhật, tích hợp các vấn đề giáo dục phát sinh trong thực tế và những thay đổi trong bối cảnh địa phương, quốc gia và quốc tế.

- Các CTĐT đảm bảo tính tích hợp, bao quát được các tình huống sư phạm đa dạng ở trường phổ thông thể hiện qua các môn học và cách thức tổ chức thực hiện chương trình đào tạo và các hoạt động hỗ trợ.

- Việc thực hiện chương trình bồi dưỡng đảm bảo tính linh hoạt và đáp ứng nhu cầu và mối quan tâm của giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục phổ thông.

3. Điểm tồn tại

- Việc đối sánh với các CTĐT nước ngoài chưa được cập nhật thường xuyên.
- Thời gian sinh viên được tiếp cận thực tế tại các trường phổ thông vẫn còn ít.
- Chưa xây dựng chương trình bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng đổi mới chương trình sách giáo khoa ở trường phổ thông.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường đối sánh với các CTĐT tiên tiến của nước ngoài để tiếp tục cải tiến CTĐT	Phòng ĐT Phòng ĐT SDH TT BDNVSP TT GDTX Khoa/viện	15/11/2019	31/9/2021
		Tăng cường thời gian cho SV tiếp cận với các hoạt động của trường phổ thông.	Phòng ĐT Phòng ĐT SDH TT BDNVSP TT GDTX Khoa/viện	31/9/2021	31/9/2021

		Xây dựng chương trình bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng đổi mới chương trình sách giáo khoa ở trường phổ thông.	Phòng ĐT Phòng ĐT SDH TT BDNVSP TT GDTX Khoa/viện	15/11/2019	30/1/2020
1		Tiếp tục phát triển CTĐT các ngành sư phạm theo CDIO	Phòng ĐT Phòng KH & HTQT TT BDNVSP TT GDTX Khoa/viện TT ĐBCL	01/9/2017	31/8/2021
3	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục tăng cường tổ chức các hoạt động rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, phát huy vai trò các trường phổ thông vệ tinh trong việc rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên	Phòng ĐT Phòng ĐT SDH TT BDNVSP TT GDTX Khoa/viện	15/11/2019	31/9/2021
4		Tiếp tục thực hiện chương trình bồi dưỡng đảm bảo tính linh hoạt và đáp ứng nhu cầu và mối quan tâm của giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục phổ thông.	Phòng ĐT Phòng ĐT SDH TT BDNVSP TT GDTX Khoa/viện	15/11/2019	Hằng năm

5. Tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 2.5.1				4			
Chỉ số 2.5.2				4			
Chỉ số 2.5.3				4			
Chỉ số 2.5.4				4			
Chỉ số 2.5.5				4			
Chỉ số 2.5.6				4			
Điểm tiêu chí 5	4.0						

TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHUẨN 2

STT	Tiêu chí	Mức đánh giá
1	Tiêu chí 4	4.0
2	Tiêu chí 5	4.0
ĐIỂM TIÊU CHUẨN		4.00

Tiêu chuẩn 3

NGHIÊN CỨU, PHÁT TRIỂN VÀ ĐỔI MỚI

Tiêu chí 6: Chính sách về nghiên cứu, phát triển và đổi mới

1. Mô tả

3.6.1. Trường có chính sách và kế hoạch dài hạn về nghiên cứu, phát triển và đổi mới phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn, kế hoạch chiến lược của trường và nhiệm vụ được giao.

Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Trường lần thứ XXXI nhiệm kỳ 2015 - 2020 [H3.3.06.1.01] ngày 09/05/2015 nhấn mạnh “Tập trung phát triển một số ngành, chuyên ngành mũi nhọn để đạt chuẩn quốc tế; lấy chất lượng sư phạm làm nòng cốt để nâng cao chất lượng đào tạo các ngành ngoài sư phạm”, điều này cho thấy sự quan tâm, định hướng và quyết tâm đầu tư của Đảng ủy, BGH Nhà trường đối với công tác đào tạo các ngành sư phạm. Các chính sách và kế hoạch về đổi mới và phát triển KHCN của Trường luôn phù hợp với tầm nhìn, kế hoạch chiến lược và nhiệm vụ của Nhà trường.

Năm 2017, Đảng ủy, Hội đồng trường đã thông qua chủ trương xây dựng, rà soát, điều chỉnh sứ mạng, tầm nhìn và kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2018 - 2025 và tầm nhìn đến 2030 [H3.3.06.1.02]. Ban Giám hiệu Nhà trường đã giao Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế chủ trì xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển [H3.3.06.1.03]. Tháng 1/2018, HĐT đã thông qua tuyên bố sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu tổng quát và giá trị cốt lõi của Trường Đại học Vinh [H3.3.06.1.04]. Ngày 28/12/2018, Hiệu trưởng Nhà trường đã ký Quyết định số 1278/QĐ-ĐHV ban hành Kế hoạch Chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2018 - 2025, tầm nhìn 2030. Đảng ủy, Ban Giám hiệu, Hội đồng Trường đã thảo luận và thống nhất điều chỉnh, bổ sung sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu tổng quát và giá trị cốt lõi cho phù hợp với mục tiêu phát triển của Trường trong giai đoạn mới [H3.3.06.1.05].

Để điều hành, quản lý các hoạt động NCKH&CGCN công khai, minh bạch, Nhà trường đã ban hành Quy định về quản lý các hoạt động KHCN của Trường [H3.3.06.1.06]. Quy định nêu rõ phân cấp quản lý, phương thức tổ chức triển khai thực hiện, quyền lợi và nghĩa vụ hoạt động NCKH của GV và người học...

Nhà trường đã ban hành Chiến lược phát triển KH&CN Trường Đại học Vinh giai đoạn 2018-2015 nhằm “Thúc đẩy hoạt động nghiên cứu trong lĩnh vực Khoa học giáo dục nhằm nâng cao uy tín, thương hiệu trong công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo

viên và quản lý giáo dục” [H3.3.06.1.07].

Đề góp phần thực hiện sứ mạng *Trường Đại học Vinh là cơ sở giáo dục đại học đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, nghiên cứu khoa học giáo dục, khoa học cơ bản, ứng dụng và chuyển giao công nghệ hàng đầu của khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước, luôn hướng tới sự thành đạt của người học*, Chiến lược phát triển KH&CN Trường Đại học Vinh giai đoạn 2018-2025 đề ra mục tiêu tổng quát *Phát triển đồng bộ 6 lĩnh vực khoa học và công nghệ: Khoa học tự nhiên, Khoa học kỹ thuật và công nghệ, Khoa học nông nghiệp, Khoa học xã hội, Khoa học nhân văn, Khoa học y - dược nhằm nâng cao vị thế và thương hiệu của Trường Đại học Vinh. Đến năm 2025, Trường Đại học Vinh có 1 đến 2 lĩnh vực nghiên cứu đạt trình độ hiện đại so với khu vực và quốc tế*. Mục tiêu tổng quát được cụ thể hóa bởi 7 mục tiêu cụ thể và 8 giải pháp. Kế hoạch triển khai Chiến lược được ban hành ngày 6/11/2018 và đang được thực hiện một cách bài bản. [H3.3.06.1.08].

Tại phiên họp thứ nhất hằng năm, Hội đồng Khoa học và Đào tạo Nhà trường (HĐKH&ĐT) đều nghiêm túc đánh giá thành quả cũng như những hạn chế, tồn tại của hoạt động KHCN trong năm vừa qua, từ đó đề xuất các biện pháp khắc phục và hướng phát triển cho thời gian tới, trong đó nêu rõ định hướng ưu tiên các nhiệm vụ nghiên cứu thuộc lĩnh vực KHGD [H3.3.06.1.09]. Trên cơ sở đó, Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế (P. KH&HTQT) tham mưu cho Hiệu trưởng Nhà trường ban hành các văn bản hướng dẫn các đơn vị trong toàn Trường xây dựng kế hoạch hoạt động NCKH&CGCN cho năm tiếp theo [H3.3.06.1.10].

Căn cứ công văn hướng dẫn, các đơn vị trong Trường tổng hợp đề xuất các hoạt động KHCN của đơn vị mình (bao gồm đề xuất nhiệm vụ KHCN các cấp của cán bộ, SV; hội nghị - hội thảo khoa học; các hoạt động KHCN khác) cho thời gian tới theo biểu mẫu qui định. Phòng KH&HTQT có trách nhiệm tổng hợp đề xuất kế hoạch hoạt động KHCN của các đơn vị và tham mưu cho Hiệu trưởng Nhà trường thành lập hội đồng xét duyệt và lựa chọn các hoạt động KHCN thiết thực để triển khai [H3.3.06.1.11].

3.6.2. Trường có chính sách ưu tiên về trang thiết bị và ngân sách phục vụ nghiên cứu, phát triển và đổi mới khoa học giáo dục.

Với sứ mạng *“là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, nghiên cứu khoa học giáo dục...”*, mục tiêu phát triển của Nhà trường xác định rõ: *“Hướng hoạt động nghiên cứu khoa học vào nâng cao chất lượng đào tạo. Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học cơ bản, khoa học ứng dụng, khoa học giáo dục...”* [H3.3.06.2.01], Nhà trường đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách ưu tiên về trang thiết bị và ngân sách phục vụ

nghiên cứu, phát triển và đổi mới KHGD.

Hàng năm, căn cứ kết quả hoạt động tài chính trong năm, Nhà trường trích tối đa 10% chênh lệch thu, chi để lập Quỹ khoa học, công nghệ, hợp tác quốc tế và chi cho hoạt động này [H3.3.06.2.02].

Nhà trường thực hiện *thúc đẩy hoạt động nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học giáo dục nhằm nâng cao uy tín, thương hiệu trong công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục* bằng các hoạt động cụ thể như:

Xây dựng đội ngũ các nhà khoa học giáo dục có trình độ chuyên môn, ngoại ngữ tốt để tiếp cận, nghiên cứu các lý thuyết dạy học hiện đại trên thế giới. Qua đó, lựa chọn và đề xuất ứng dụng những tri thức mới phù hợp với điều kiện thực tế Việt Nam hiện nay; [H3.3.06.2.03].

Hình thành và xây dựng các nhóm nghiên cứu chuyên sâu theo các môn học, bám sát chương trình giáo dục phổ thông tổng thể để nghiên cứu xây dựng và biên soạn hệ thống tài liệu hỗ trợ việc dạy và học ở bậc phổ thông thật sự có chất lượng nhằm góp phần khẳng định uy tín, thương hiệu của Trường Đại học Vinh trong công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục [H3.3.06.2.04].

Tăng cường công bố các kết quả nghiên cứu về lĩnh vực khoa học giáo dục trên các tạp chí khoa học có uy tín trong và ngoài nước; [H3.3.06.2.05].

Nghiên cứu lựa chọn để triển khai một số nhiệm vụ khoa học và công nghệ nhằm tăng cường sự ảnh hưởng, vai trò đóng góp của các nhà khoa học Trường Đại học Vinh đối với công cuộc đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Đặc biệt chú trọng các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có tầm ảnh hưởng tích cực đến ngành giáo dục và đào tạo các tỉnh khu vực Bắc Trung bộ và một số tỉnh khác [H3.3.06.2.06].

Từ năm 2017, hàng năm, Nhà trường đầu tư hàng tỷ đồng để triển khai hàng trăm đề tài trọng điểm cấp trường. Hơn 90% đề tài trọng điểm cấp trường thuộc lĩnh vực khoa học giáo dục (KHGD). Tất cả các đề tài về KHGD có sản phẩm trực tiếp phục vụ đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá các học phần, bao gồm: chuẩn đầu ra, đề cương chi tiết, kế hoạch dạy học, ngân hàng đề thi, bản thảo giáo trình, tài liệu tham khảo.... [H3.3.06.2.07]

Nhà trường có chính sách khen thưởng đối với các sản phẩm khoa học, công nghệ chất lượng cao, trong đó sản phẩm khoa học, công nghệ thuộc lĩnh vực khoa học giáo dục được nhân hệ số 1,5 so với sản phẩm khoa học, công nghệ thuộc cùng cấp độ thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên, kỹ thuật [H3.3.06.2.08].

Từ năm 2016, ĐU, BGH và HĐKH&ĐT Nhà trường đã thống nhất chủ trương xây dựng lại CTĐT của tất cả các ngành học theo hướng tiếp cận CDIO (*Conceive-*

Design- Implement-Operate). Năm 2016, Trường Đại học Vinh đã triển khai các đề tài KHCN trọng điểm cấp Trường nhằm nghiên cứu xây dựng chuẩn đầu ra, khung năng lực và khung chương trình của 41 ngành, nhóm ngành đào tạo theo hướng tiếp cận CDIO [H3.3.06.2.09]. Các năm 2017, 2018, 2019, Nhà trường tiếp tục triển khai các đề tài nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá các học phần theo hướng tiếp cận CDIO và triển khai áp dụng đào tạo cho SV khóa 58 (tuyển sinh năm 2017) [H3.3.06.2.10]. Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường đã đầu tư hơn 2 tỷ đồng cho công tác biên soạn và xuất bản giáo trình, sách chuyên khảo, tài liệu tham khảo phục vụ công tác đào tạo giáo viên [H3.3.06.2.11].

CSVC, trang thiết bị phục vụ nghiên cứu, phát triển và đổi mới KHGD đã được Nhà trường quan tâm đầu tư. Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm (TH-TN) hiện có 77 PTN với đầy đủ trang thiết bị phục vụ công tác đào tạo của Nhà trường, trong đó có hơn 50% số PTN phục vụ đào tạo sư phạm. Ngoài các PTN khoa học cơ bản, các ngành sư phạm có phòng thực hành, phòng chuyên đề về phương pháp giảng dạy với hệ thống CSVC đáp ứng tốt các hoạt động đào tạo và nghiên cứu KHGD [H3.3.06.2.12]. Hiện nay, Nhà trường đang tiếp tục đầu tư kinh phí hiện đại hóa các PTN hiện có, nhằm đáp ứng các điều kiện đào tạo theo CDIO cũng như yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông mới.

Cuối mỗi năm học, Nhà trường đều yêu cầu các đơn vị liên quan đánh giá hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị, học liệu và ngân sách, từ đó có cơ sở xây dựng kế hoạch sửa chữa, bổ sung kịp thời nhằm đáp ứng các yêu cầu trong nghiên cứu, phát triển và đổi mới các hoạt động giáo dục, đào tạo cho năm học mới [H3.3.06.2.13].

3.6.3. Kết quả nghiên cứu của trường được tích hợp và ứng dụng vào hoạt động dạy và học.

Hoạt động NCKH luôn gắn kết với quá trình đào tạo của Nhà trường. Trong chiến lược phát triển NCKH&CGCN dài hạn, trung hạn cũng như kế hoạch hằng năm của Nhà trường, các hoạt động nghiên cứu KHGD và nghiên cứu cơ bản nhằm nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường luôn được chú trọng [H3.3.06.3.01].

Nhà trường có chính sách khuyến khích, ưu tiên xét chọn các đề tài nghiên cứu về lĩnh vực KHGD [H3.3.06.3.02]. Từ thực tế nghiên cứu, đối sánh chương trình, nội dung, phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá các học phần của các trường đại học trong và ngoài nước, cán bộ, GV đề xuất và thực hiện những đề tài về KHGD phù hợp với điều kiện thực tiễn của Nhà trường [H3.3.06.3.03]. Các đề tài KHGD đã và đang tập trung giải quyết các vấn đề về đổi mới phương pháp giảng dạy - học tập; đổi mới phương pháp kiểm tra - đánh giá; ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy - học; các biện pháp nâng cao chất lượng giáo dục ở đại học và trường phổ thông [H3.3.06.3.04], do đó,

đã có nhiều đóng góp cho sự phát triển giáo dục tại Nhà trường và trong khu vực.

Theo hướng tiếp cận CDIO, sản phẩm của các đề tài KHGD là chuẩn đầu ra, khung năng lực, khung chương trình, đề cương chi tiết học phần cũng như đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá [H3.3.06.3.05] đang từng bước được áp dụng vào hoạt động đào tạo cho SV khóa 58. Nhiều giáo trình, tài liệu tham khảo, sách chuyên khảo, là sản phẩm của các đề tài KHGD cũng như khoa học cơ bản, đã được xuất bản phục vụ công tác đào tạo của Nhà trường [H3.3.06.3.06].

Hơn 50% công bố khoa học của Trường thuộc về lĩnh vực KHGD, góp phần giải quyết các vấn đề đặt ra trong thực tiễn dạy học, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo [H3.3.06.3.07].

Ngoài ra, các kết quả nghiên cứu của cán bộ, GV của Nhà trường đã góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao. Nhiều nhóm nghiên cứu của Nhà trường về các lĩnh vực KHGD, Quang học - Quang phổ, Khoa học Vật liệu, Các hợp chất thiên nhiên, Xác suất và Thống kê Toán học, Lí thuyết Tôpô... đã và đang hoạt động có hiệu quả, được giới NCKH cùng chuyên ngành trong nước và quốc tế đánh giá cao. Hoạt động của các nhóm nghiên cứu không những góp phần khẳng định vị thế NCKH của Nhà trường, mà còn chú trọng tích hợp, lồng ghép các nội dung hỗ trợ các hoạt động đào tạo của Nhà trường [H3.3.06.3.08].

Ở Trường Đại học Vinh có sự gắn kết chặt chẽ giữa KHGD với khoa học cơ bản và khoa học kĩ thuật do Trường đang đào tạo đa ngành. KHGD kịp thời cập nhật các thành tựu của khoa học cơ bản và khoa học kĩ thuật, đồng thời khoa học cơ bản và khoa học kĩ thuật hỗ trợ đặc lực cho KHGD. Cuối mỗi năm, Nhà trường đều nghiêm túc đánh giá những đóng góp cũng như hạn chế của NCKH nói chung, KHGD nói riêng, từ đó đề xuất kế hoạch thực hiện hoạt động KHCN năm học tới phù hợp với chương trình công tác của Nhà trường. Định hướng trọng tâm công tác NCKH là: *“thực hiện các đề tài phục vụ hoạt động đào tạo của Nhà trường như: nghiên cứu đổi mới nội dung, chương trình đào tạo; đổi mới công tác thi, kiểm tra, đánh giá; biên soạn giáo trình, tài liệu”*... [H3.3.06.3.09].

3.6.4. Kết quả nghiên cứu của trường thúc đẩy sự phát triển, hoạch định chính sách, đổi mới khoa học giáo dục và được phổ biến trong phạm vi quốc gia, khu vực và quốc tế.

Cán bộ, GV của Trường Đại học Vinh đã và đang chủ trì, tham gia các nhiệm vụ khoa học nhằm thúc đẩy sự phát triển, hoạch định chính sách, đổi mới KHGD và được phổ biến trong phạm vi quốc gia, khu vực và quốc tế.

Cán bộ, GV của Nhà trường tham gia đề xuất và triển khai nhiều nhiệm vụ KHGD gắn liền với thực tiễn giáo dục ở Trường Đại học Vinh và các địa phương

trong khu vực Bắc Trung Bộ [H3.3.06.4.01]. Các đề tài KHGD tập trung giải quyết các vấn đề về đổi mới phương pháp dạy học; đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá; ứng dụng CNTT trong dạy học; các biện pháp nâng cao chất lượng giáo dục ở các bậc đại học và phổ thông [H3.3.06.4.02].

Kết quả nghiên cứu khoa học của Trường được phổ biến rộng rãi trong phạm vi quốc gia, khu vực và quốc tế thông qua các hội thảo, hội nghị khoa học và công bố trên các tạp chí khoa học. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Vinh xuất bản mỗi năm 4 số, mỗi số gồm 2 bản, thuộc các lĩnh vực khoa học tự nhiên - kỹ thuật và khoa học xã hội – nhân văn. Khoảng 40% số bài của bản khoa học xã hội – nhân văn thuộc về lĩnh vực KHGD. Cả 3 số 3B-2017, 4B-2017 và 1B-2018 có tất cả 38 bài đều thuộc về lĩnh vực KHGD [H3.3.06.4.03]. Việc ứng dụng sản phẩm các đề tài KHCN này đã góp phần thúc đẩy sự đổi mới cũng như hoạch định chính sách về KHGD phù hợp với thực tiễn và xu thế phát triển của Nhà trường và các địa phương.

Hàng năm, Hội đồng HĐKH&ĐT Nhà trường đều nghiêm túc đánh giá những đóng góp cũng như hạn chế, tồn tại của hoạt động KHCN trong giáo dục và đào tạo cũng như NCKH, từ đó đề xuất các giải pháp khắc phục nhằm đẩy mạnh hơn nữa việc ứng dụng những kết quả nghiên cứu vào việc hoạch định chính sách, thúc đẩy sự phát triển, đổi mới KHGD cho thời gian tới [H3.3.06.4.04].

Nghiên cứu cơ bản trong khoa học tự nhiên và kỹ thuật là một thế mạnh trong NCKH của cán bộ, GV Trường Đại học Vinh. NCKH đã góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ các nhà khoa học, cán bộ, GV, cũng như chất lượng đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao (bậc đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ) của Nhà trường. Hàng năm, nhiều kết quả nghiên cứu của cán bộ, GV của Trường Đại học Vinh được công bố trên các tạp chí khoa học có uy tín trong và ngoài nước [H3.3.06.4.05].

Cuối mỗi năm, Nhà trường đều thực hiện chính sách khen thưởng đối với những cán bộ, GV, người học có công trình khoa học công bố trên các tạp chí quốc tế theo quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ [H3.3.06.4.06]. Hoạt động thường niên này đã khuyến khích cán bộ, GV đẩy mạnh nghiên cứu, viết bài và công bố quốc tế, chất lượng các bài báo cũng được nâng lên, là nguồn tài liệu tham khảo có ý nghĩa phục vụ cho công tác đào tạo, NCKH và phát triển công nghệ cũng như hợp tác quốc tế.

Thông qua việc công bố quốc tế, năng lực nghiên cứu của cán bộ, GV được nâng cao, các kết quả NCKH, trong đó có KHGD, của Trường Đại học Vinh được phổ biến trong phạm vi khu vực và quốc tế.

2. Điểm mạnh

Chiến lược NCKH&CGCN của Nhà trường thể hiện rõ mục tiêu, nội dung và giải pháp thực hiện nhằm nâng cao chất lượng hoạt động nghiên cứu thuộc lĩnh vực KHGD;

Trường đã thành lập nhiều nhóm nghiên cứu, Nhóm nghiên cứu mạnh;

Trường đã có những chính sách ưu tiên đầu tư kinh phí cho NCKH&CGCN, mua sắm trang thiết bị phục vụ nghiên cứu, phát triển và đổi mới KHGD;

Đã có những kết quả nghiên cứu của cán bộ, GV của Nhà trường được ứng dụng trong giáo dục, đào tạo, góp phần nâng cao chất lượng dạy và học. Đồng thời, một số kết quả nghiên cứu đã góp phần hoạch định chính sách, thúc đẩy sự phát triển, đổi mới KHGD và được phổ biến trong phạm vi quốc gia, khu vực và quốc tế.

3. Điểm tồn tại

Nhóm nghiên cứu mạnh về KHGD mới thành lập nên chưa đóng góp nhiều cho công tác nghiên cứu, phát triển và đổi mới KHGD trong phạm vi quốc gia, khu vực và quốc tế.

Số lượng công bố quốc tế về KHGD chiếm tỷ lệ thấp trong tổng số công bố quốc tế của Trường.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục tồn tại	Xây dựng thêm các nhóm nghiên cứu mạnh về KHGD	- Phòng KH&HTQT, - Các khoa, viện đào tạo	10/2019	12/2019
		Có giải pháp hỗ trợ nhằm đẩy mạnh hơn nữa việc công bố quốc tế trong lĩnh vực KHGD	- Phòng KH&HTQT, - Các khoa, viện đào tạo; - Trung tâm Nghiên cứu, sáng tạo và khởi nghiệp	10/2019	12/2020
		Nghiên cứu xây	Phòng	10/2019	12/2020

		dựng chính sách ưu tiên một cách tổng thể nhằm thúc đẩy sự phát triển của nghiên cứu KHGD và ứng dụng	KH&HTQT		
2.	Phát huy điểm mạnh	Nâng số lượng đề tài thuộc chương trình KHGD, các đề tài của các địa phương về KHGD	Phòng KH&HTQT	10/2019	12/2021
		Tăng số lượng công bố quốc tế trong nghiên cứu cơ bản thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên - kỹ thuật, khoa học xã hội - nhân văn nói chung và KHGD nói riêng ứng dụng vào thực tiễn giáo dục và đào tạo.	- Phòng KH&HTQT; - Trung tâm Nghiên cứu, sáng tạo và khởi nghiệp	10/2019	12/2020

5. Tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	1	2	3	4	5	6	7
Chỉ số 3.6.1				4			
Chỉ số 3.6.2				4			
Chỉ số 3.6.3				4			
Chỉ số 3.6.4				4			
Điểm tiêu chí 6	4.0						

Tiêu chí 7: Hỗ trợ nghiên cứu, phát triển và đổi mới

1. Mô tả

3.7.1. Trường hỗ trợ giảng viên về mặt tổ chức để thực hiện các đề tài nghiên cứu và chuyển giao công nghệ

Trường Đại học Vinh đã hỗ trợ chủ nhiệm và thành viên các đề tài trên cả 4 phương diện: tiếp cận thông tin; xây dựng hồ sơ đề xuất; triển khai thực hiện; nghiệm thu và đưa vào ứng dụng. Cụ thể:

a) Hỗ trợ tiếp cận thông tin

Đối với nhiệm vụ KHCN cấp Nhà nước, cấp tỉnh, các cấp bộ ngành tương đương, Phòng KH&HTQT thường xuyên cập nhật, cung cấp đầy đủ các thông tin liên quan để cán bộ, GV trong toàn Trường biết và lựa chọn đề xuất thực hiện [H3.3.07.1.01].

Đối với nhiệm vụ KHCN cấp Trường, hằng năm, sau khi có ý kiến kết luận của Hội đồng KH&ĐT Nhà trường về định hướng hoạt động NCKH&CGCN cho năm tiếp theo, Phòng KH&HTQT tham mưu cho BGH Nhà trường ban hành văn bản hướng xây dựng kế hoạch NCKH&CGCN và công bố rộng rãi trên website và eOffice cho tất cả cán bộ, GV biết để tham gia [H3.3.07.1.02].

b) Hỗ trợ xây dựng hồ sơ đề xuất

Các Hội đồng tư vấn giúp chủ nhiệm và thành viên các đề tài hoàn thiện các ý tưởng cũng như nội dung nghiên cứu của các cá nhân đề xuất ([H3.3.07.1.03].

Nhà trường đã mời các chuyên gia của Bộ KH-CN, Bộ GD-ĐT, các nhà khoa học có uy tín trong Trường tư vấn, hỗ trợ các ứng viên trong quá trình xây dựng hồ sơ đề xuất, đấu thầu. Bên cạnh đó, Phòng KH&HTQT cung cấp đầy đủ thông tin, biểu mẫu, hướng dẫn các ứng viên xây dựng hồ sơ đúng theo qui định của cấp quản lý tương ứng. Đối với công tác tham gia đấu thầu thực hiện các nhiệm vụ NCKH và CGCN ngoài Trường, Phòng KH&HTQT luôn kịp thời hỗ trợ các yêu cầu của các ứng viên [H3.3.07.1.04].

c) Hỗ trợ triển khai thực hiện

Các Hội đồng xét chọn cá nhân chủ trì thực hiện đề tài, Hội đồng có trách nhiệm tư vấn, góp ý thuyết minh các nhiệm vụ KHCN [H3.3.07.1.05], trên cơ sở đó, các cá nhân chủ trì tiếp thu và hoàn thiện thuyết minh đề tài nghiên cứu của mình. Đồng thời, Hội đồng tham mưu cho Nhà trường tuyển chọn cá nhân đủ tiêu chuẩn chủ trì thực hiện nhiệm vụ KHCN.

Phòng KH&HTQT phối hợp Phòng KH - TC hướng dẫn các chủ nhiệm xây dựng dự toán kính phí thực hiện đề tài đúng theo các qui định hiện hành của Nhà nước và qui chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường.

Trong quá trình triển khai, Phòng KH&HTQT thường xuyên theo dõi, giám sát việc

triển khai thực hiện, kịp thời hỗ trợ các chủ nhiệm đề tài khi có các vấn đề phát sinh.

Phòng KH&HTQT là cầu nối giải quyết kịp thời các vấn đề liên quan giữa Nhà trường với các tổ chức, cá nhân ngoài Nhà trường nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các chủ nhiệm đề tài và nhóm nghiên cứu triển khai thực hiện nhiệm vụ [H3.3.07.1.06].

d) Hỗ trợ trong công tác nghiệm thu và đưa vào ứng dụng

Trung tuần tháng 11 hằng năm, Phòng KH&HTQT tham mưu cho BGH Nhà trường ban hành công văn hướng dẫn và kế hoạch nghiệm thu (đối với các nhiệm vụ KHCN hết thời gian triển khai), kiểm tra tiến độ thực hiện (đối với các nhiệm vụ KHCN còn thời gian triển khai) [H3.3.07.1.07] và công bố rộng rãi để chủ nhiệm và các thành viên tham gia thực hiện đề tài biết và chuẩn bị hồ sơ theo yêu cầu.

Việc kiểm tra tiến độ thực hiện hằng năm giúp chủ nhiệm và các thành viên tham gia kịp thời bổ sung, chỉnh sửa kế hoạch triển khai kịp tiến độ theo qui định. Đồng thời, Hội đồng sẽ tư vấn giải quyết các nội dung phát sinh trong thực tế triển khai đề tài.

Để tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, GV trong công tác nghiệm thu, kiểm tra tiến độ và thanh quyết toán kinh phí, Phòng KH&HTQT phối hợp Phòng KH - TC hướng dẫn đầy đủ hồ sơ, biểu mẫu liên quan.

Kết thúc công tác nghiệm thu, hồ sơ nghiệm thu của các nhiệm vụ được lưu trữ tại Phòng KH&HTQT đồng thời các kết quả nghiên cứu được bổ sung vào kho tư liệu nội sinh của Trung tâm Thông tin - Thư viện Nguyễn Thúc Hào để phổ biến rộng rãi đối với các kết quả nghiên cứu được chuyển giao, ứng dụng ngoài Nhà trường.

Cùng với Phòng KH&HTQT, Trung tâm nghiên cứu - Sáng tạo, khởi nghiệp được thành lập mới đây nhằm tăng cường hỗ trợ về mặt tổ chức cho cán bộ, GV trong Trường trong việc thực hiện các nhiệm vụ KHCN [H3.3.07.1.08].

Hằng năm, trong các diễn đàn khác nhau: Hội nghị Cán bộ công chức của Nhà trường và các đơn vị, Hội nghị tổng kết năm học, Hội nghị Cán bộ trẻ, Nhà trường đều có hoạt động thu thập ý kiến của GV về mức độ đáp ứng của Nhà trường trong việc hỗ trợ GV tổ chức để thực hiện các đề tài nghiên cứu và chuyển giao công nghệ được thu thập để điều chỉnh phù hợp, kịp thời nhằm nâng cao chất lượng hoạt động này của Nhà trường [H3.3.07.1.09].

3.7.2. Trường xác định các hoạt động nghiên cứu khác nhau để giảng viên hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu của mình.

Các loại hình hoạt động NCKH và sản phẩm KHCN đa dạng, bao gồm: chương trình, nhiệm vụ NCKH các cấp, bài báo, báo cáo khoa học, sách, giáo trình, hướng dẫn NCS, SV NCKH, seminar... Trường Đại học Vinh qui định cụ thể định mức NCKH

của cán bộ, GV trong Qui định về quản lý các hoạt động KHCN của Nhà trường. Theo đó, định mức NCKH của cán bộ, GV được qui đổi thành giờ chuẩn và được qui định theo hệ số lượng thành 6 mức khác nhau [H3.3.07.2.01, Điều 39], chế độ miễn giảm đã được qui định rõ trong qui chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường [H3.3.07.02]. Các sản phẩm được qui đổi thành giờ NCKH phù hợp đối với các sản phẩm và các loại hình hoạt động KHCN khác.

Kinh phí cho các hoạt động NCKH hằng năm của cán bộ, GV được phân bổ theo các chỉ số: số lượng công trình công bố, chỉ số năng lực đội ngũ, chỉ số năng lực đào tạo tiến sĩ [H3.3.07.2.03]. Qua đó, cán bộ, GV có nhiều cơ hội thực hiện đề tài KHCN cấp Trường để qui đổi thành giờ NCKH. Tạp chí Khoa học của Trường xuất bản định kì mỗi năm 4 số kép (một số dành cho các ngành Khoa học Tự nhiên - Kỹ thuật, một số dành cho các ngành Khoa học Xã hội - Nhân văn) [H3.3.07.2.04], là một địa chỉ để cán bộ, GV của Trường đăng bài, có thêm cơ hội hoàn thành nghĩa vụ NCKH của mình.

Hằng năm, định mức NCKH được kiểm tra và điều chỉnh theo định hướng đánh giá cao các sản phẩm có chất lượng, sự quy đổi thành giờ KHCN phù hợp với điều kiện thực tế của Nhà trường, năng lực nghiên cứu cũng như hoàn cảnh của cán bộ, GV nhằm tạo điều kiện cho cán bộ, GV có cơ hội hoàn thành nghĩa vụ NCKH hằng năm của mình theo qui định [H3.3.07.2.05].

Kết quả hoạt động nghiên cứu của giảng viên được kê khai trên phần mềm quản lý khoa học, công nghệ. Việc kê khai trên phần mềm tạo thuận lợi cho giảng viên và đảm bảo công khai, minh bạch. Nhà trường tạo cơ hội cho giảng viên được bảo lưu kết quả nghiên cứu trong 3 năm [H3.3.07.2.06]

Trường đã ban hành các văn bản qui định và hướng dẫn thực hiện các tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong hoạt động KHCN đối với cán bộ, GV và người học. Nhà trường cũng đã có các tài liệu phổ biến thông tin, hướng dẫn và hỗ trợ cán bộ, GV về việc đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ [H3.3.07.2.07]. Trong những năm qua, Nhà trường không có việc vi phạm tiêu chuẩn đạo đức về NCKH hoặc vi phạm quyền sở hữu trí tuệ.

3.7.3. Danh sách đề tài, phương tiện, thiết bị phục vụ nghiên cứu được cập nhật và công khai trong toàn Trường.

Nhà trường công khai rộng rãi danh mục đề tài KHCN được triển khai trong năm tiếp theo trên website, iOffice để toàn thể cán bộ, GV biết và tham gia xây dựng hồ sơ tuyển chọn thực hiện [H3.3.07.3.01].

Danh mục các đề tài đã thực hiện được Nhà trường cập nhật và phổ biến rộng

rãi nhằm cung cấp thêm thông tin hỗ trợ cho cán bộ, GV trong việc đề xuất và thực hiện các nhiệm vụ KHCN. Trong lĩnh vực KHGD, từ năm 2017 đến nay, đề tài các cấp đã được cán bộ, GV của Nhà trường chủ trì, trong đó có các đề tài CDIO thực hiện năm 2017, 2018, 2019 đã được công bố công khai [H3.3.07.3.02]. Thông tin về sản phẩm của đề tài (bản thảo giáo trình, sách chuyên khảo, tài liệu tham khảo), cũng như ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào quá trình đào tạo cũng được chú trọng cập nhật, phổ biến rộng rãi trong toàn trường [H3.3.07.3.03].

Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm được trang bị khá đầy đủ phương tiện, thiết bị phục vụ đào tạo và nghiên cứu. Danh mục và hiện trạng của hệ thống thiết bị của Trung tâm được công bố rộng rãi tới các đơn vị bằng các văn bản. Hằng năm, Trung tâm đều rà soát cơ sở vật chất, xây dựng kế hoạch bảo dưỡng, mua sắm bổ sung trang thiết bị, dụng cụ trên cơ sở đề xuất của các đơn vị và phù hợp với khả năng tài chính của Trường nhằm đáp ứng tốt các yêu cầu của hoạt động giảng dạy và NCKH ở các phòng thí nghiệm [H3.3.07.3.04]. Trung tâm luôn tạo những điều kiện thuận lợi nhất cho GV và người học được sử dụng các trang thiết bị phục vụ nghiên cứu cũng như các hoạt động dạy và học. Nhà trường thường xuyên thu thập ý kiến của GV và SV về hoạt động của Trung tâm, trên cơ sở đó điều chỉnh hoạt động của Trung tâm [H3.3.07.3.05].

2. Điểm mạnh

Trường đã có nhiều chính sách cụ thể, thiết thực nhằm hỗ trợ và tạo điều kiện về mặt tổ chức cho cán bộ, GV tham gia NCKH&CGCN;

Qui định về quản lý các hoạt động KHCN của Nhà trường được xây dựng phù hợp với thực tiễn, định kỳ rà soát, điều chỉnh nhằm tạo điều kiện cho cán bộ, GV hoàn thành được nhiệm vụ NCKH hằng năm phù hợp với hoàn cảnh của mình;

Công tác quản lý và thực hiện các đề tài nghiên cứu công khai, minh bạch;

Hệ thống thiết bị thí nghiệm cơ bản đáp ứng nhu cầu dạy học. Danh mục thiết bị được công bố rộng rãi tới các đơn vị. Việc bảo dưỡng, mua sắm bổ sung trang thiết bị, dụng cụ được thực hiện tốt trên cơ sở đề xuất của các đơn vị và khả năng tài chính của Trường.

3. Điểm tồn tại

Trường chưa có chính sách mang tính chiến lược, còn thiếu những chính sách đủ mạnh để hỗ trợ GV về mặt tổ chức để thực hiện các đề tài NCKH&CGCN;

Trường cần ưu tiên hỗ trợ thêm kinh phí cho các hoạt động NCKH về lĩnh vực KHGD;

Một số trang thiết bị hiện có của Nhà trường được trang bị khá lâu, hiện đã lạc

hậu hoặc hư hỏng, có những ảnh hưởng nhất định đến các hoạt động dạy, học và nghiên cứu ở các phòng thí nghiệm.

4. Kế hoạch hành động

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng chính sách mang tính chiến lược, ban hành chính sách cụ thể, mạnh mẽ hỗ trợ GV thực hiện các đề tài NCKH&CGCN	Phòng KH&HTQT	10/2019	3/2020
		Tìm các nguồn đầu tư ưu tiên hỗ trợ thêm kinh phí cho các hoạt động NCKH về lĩnh vực KHGD	Phòng KH&HTQT Phòng KH-TC	10/2019	3/2020
		Xây dựng danh mục trang thiết bị cần đầu tư và tìm kiếm các nguồn kinh phí ngoài Trường cho các hoạt động NCKH về KHGD	Trung tâm TH-TN Phòng KH&HTQT	4/2019	3/2020
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ và tạo điều kiện về mặt tổ chức cho cán bộ, GV tham gia và hoàn thành nhiệm vụ NCKH hằng năm phù hợp với hoàn cảnh của mình	- Trung tâm nghiên cứu, sáng tạo và khởi nghiệp - Phòng KH&HTQT	1/2019	7/2020
		Thường xuyên cập nhật và phổ biến công khai, minh bạch và rộng rãi về công tác quản lí và thực hiện các đề tài, phương tiện, thiết bị <u>phục u</u> nghiên cứu	- Trung tâm nghiên cứu, sáng tạo và khởi nghiệp - Phòng KH&HTQT - Trung tâm THTN - Phòng Quản trị-Đầu tư	10/2019	12/2021

5. Tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 3.7.1				4			
Chỉ số 3.7.2				4			
Chỉ số 3.7.3.				4			
Điểm tiêu chí 7	4.0						

TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHUẨN 3

STT	Tiêu chí	Mức đánh giá
1	Tiêu chí 6	4.0
2	Tiêu chí 7	4.0
ĐIỂM TIÊU CHUẨN		4.00

Tiêu chuẩn 4

HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI

Tiêu chí 8: Hợp tác vùng, địa phương

1. Mô tả

4.8.1. Trường lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các khóa đào tạo và bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục phổ thông.

Trường Đại học Vinh hiện nay là một trung tâm đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ lớn. Trường đã tuyên bố Sứ mạng: "*Trường Đại học Vinh là cơ sở giáo dục đại học đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, nghiên cứu khoa học giáo dục, khoa học cơ bản, ứng dụng và chuyển giao công nghệ hàng đầu của khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước, luôn hướng tới sự thành đạt của người học*". Ngoài nhiệm vụ giáo dục và đào tạo (phổ thông, đại học, sau đại học), Nhà trường còn được các cơ quan chức năng giao nhiệm vụ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm; bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp; bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý giáo dục; bồi dưỡng ngoại ngữ, tin học, nghiệp vụ khác... Hiện nay, Trường có nhu cầu hợp tác với cộng đồng địa phương và vùng rất lớn nhằm nâng cao trình độ chuyên môn cho giảng viên, giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục phổ thông và nhu cầu xã hội [H4.08.01.01].

Để thực hiện các nhiệm vụ trên, Trường đã khảo sát, đánh giá nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục phổ thông trong vùng và địa phương; thực hiện các chương trình phối hợp, liên kết đào tạo với nhiều đơn vị trên địa bàn tỉnh Nghệ An và các tỉnh lân cận nhằm nắm bắt kịp thời nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng cho giáo viên và cán bộ quản lý phổ thông [H4.08.01.02]. Từ đó, Nhà trường chủ động phối hợp với các địa phương và các đơn vị ngoài trường xây dựng kế hoạch và triển khai hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên cho giảng viên, giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục thích hợp nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo của từng địa phương và đối tượng được thụ hưởng [H4.08.01.03].

Trên cơ sở kế hoạch, chương trình, nội dung, đối tượng bồi dưỡng thường xuyên đã được xây dựng, Nhà trường triển khai bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên, giảng viên; bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên, giáo viên các trường đại học, cao đẳng tại các địa phương; bồi dưỡng năng lực tư vấn cho giáo viên làm công tác tư vấn tâm lý cho học sinh các trường phổ thông; đào tạo, bồi dưỡng, cấp chứng chỉ các loại hình đào tạo ngắn hạn (ngoại ngữ, tin học...) theo chương trình do Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ ban hành [H4.08.01.04],

[H4.08.01.05]. Tuy nhiên, Trường vẫn chưa xây dựng được cơ chế cho giáo viên phổ thông tham gia vào công việc của Nhà trường và chương trình đào tạo. Đây là một hạn chế của Nhà trường trong việc lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các khóa đào tạo và bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục phổ thông.

4.8.2. Trường thường xuyên phối kết hợp với các trường đại học và các bên có liên quan triển khai các hoạt động và tổ chức các sự kiện về khoa học giáo dục.

Hàng năm, ngay từ đầu năm học Nhà trường đã chủ động xây dựng và ban hành sớm các kế hoạch, chương trình phối hợp với các tổ chức khoa học giáo dục, các trường đại học, cao đẳng tổ chức nhiều hội nghị, hội thảo để bàn các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục. Trong năm học, Nhà trường và các tổ chức khoa học giáo dục, các trường đại học, cao đẳng đã chuẩn bị đầy đủ nội dung, cơ sở vật chất và tổ chức tốt các Hội nghị, Hội thảo, mang lại nhiều hiệu quả thiết thực, được các nhà khoa học, giới chuyên môn đánh giá cao. Tiêu biểu như Hội thảo khoa học quốc gia "Xây dựng tiêu chí chất lượng đội ngũ nhà giáo cán bộ quản lý cơ sở giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục", Hội thảo khoa học quốc tế "Đào tạo bồi dưỡng giáo viên phổ thông, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông và giảng viên sư phạm", Hội thảo khoa học "Đổi mới hoạt động đào tạo và bồi dưỡng giáo viên ngữ văn đáp ứng mô hình giáo dục phát triển năng lực", Hội thảo khoa học "Nghiên cứu và dạy học Toán đáp ứng yêu cầu đổi mới hiện nay", Hội nghị hợp tác đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho các tỉnh của Nước CHDCND Lào, Hội thảo quốc tế "Chương trình giảng dạy tiếng Anh", Hội thảo khoa học quốc tế "Phát triển chương trình, tổ chức đào tạo và bồi dưỡng thường xuyên giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục theo hướng tiếp cận năng lực",... Ngoài ra, để kết nối với giáo viên các trường phổ thông, Trường còn tổ chức nhiều buổi nói chuyện theo chuyên đề của các chủ biên sách giáo khoa phổ thông với giảng viên các ngành sư phạm của Trường, các giáo viên phổ thông của 3 tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An và Hà Tĩnh; tổ chức gặp mặt các trường phổ thông thông qua tổ chức hoạt động trải nghiệm "Một ngày làm sinh viên", chương trình Tư vấn tuyển sinh với Báo Tuổi trẻ, thu hút đông đảo các trường phổ thông ở các tỉnh Bắc Trung Bộ tham gia [H4.08.02.01].

Thông qua các Hội nghị, Hội thảo, các sự kiện về khoa học giáo dục, Nhà trường nhận được nhiều chia sẻ từ các chuyên gia, các học giả và người học qua đó để trường cải thiện tốt hơn môi trường giáo dục, phù hợp với sứ mệnh của Nhà trường và sự phát triển của xã hội. Bên cạnh đó, các diễn đàn đã mở ra cho nhà trường nhiều thỏa thuận hợp tác trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ [H4.08.02.02]. Ngoài ra, Nhà trường cũng rút ra tổng kết, đánh giá, bài học kinh nghiệm để có các điều chỉnh về nội dung, hình thức các hoạt động, sự kiện tiếp theo.

Tuy nhiên, trong việc tổ chức các sự kiện về khoa học giáo dục, Trường chưa có các sự kiện thường xuyên như Hội nghị Hiệu trưởng các Trường THPT; các hội nghị, hội thảo gặp mặt để gắn kết công tác đào tạo giáo viên của Nhà trường với các hoạt động thực tiễn sinh động tại các trường THPT... đòi hỏi Nhà trường cần có giải pháp khắc phục.

Trường cũng thường xuyên hợp tác nghiên cứu và trao đổi giảng viên với các cơ sở giáo dục khác, với các nước có chương trình đào tạo tiên tiến trên thế giới. Các trường đại học ở nước ngoài cử giảng viên đến giảng dạy tại Nhà trường; giảng viên của Nhà trường cũng được đi nước ngoài tham gia nghiên cứu, giảng dạy. Từ đó, sinh viên Nhà trường được tiếp cận hơn với trình độ tiên tiến của thế giới, giảng viên được nâng cao trình độ chuyên môn và góp phần vào việc xây dựng mối quan hệ hợp tác về giáo dục [H4.08.02.03]. Từ năm 2017 đến năm 2019, Trường đã đón nhận 43 giảng viên nước ngoài về Trường giảng dạy; cử 105 lượt giảng viên tham gia chương trình trao đổi giảng dạy và nghiên cứu khoa học trong nước và quốc tế.

Tuy vậy, cán bộ, giảng viên chủ yếu tham gia các chương trình trao đổi giảng viên trong nước mà có ít cán bộ, giảng viên tham gia trao đổi giảng viên với nước ngoài.

2. Điểm mạnh

- Nhà trường đã chủ động phối hợp với các địa phương và các đơn vị ngoài trường có kế hoạch và triển khai hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên cho giảng viên, giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục.

- Nhân lực của Nhà trường sẵn có nên việc triển khai các chương trình bồi dưỡng thường xuyên diễn ra thuận lợi; các địa phương tin tưởng vào uy tín, vị thế của Nhà trường nên hợp tác ngày càng nhiều.

- Trường thường xuyên tổ chức các sự kiện về khoa học giáo dục với các trường đại học trong và ngoài nước, với các đơn vị và địa phương trong nước.

- Trường thường xuyên cử cán bộ, giảng viên tham gia các chương trình trao đổi giảng viên.

3. Điểm tồn tại

- Chưa xây dựng được cơ chế cho giáo viên phổ thông tham gia vào công việc của nhà trường và chương trình đào tạo.

- Trường chưa có các sự kiện thường xuyên (*như Hội nghị Hiệu trưởng các Trường THPT; các hội nghị, hội thảo gặp mặt để gắn kết công tác đào tạo giáo viên của Nhà trường với các hoạt động thực tiễn sinh động tại các trường THPT...*).

- Cán bộ, giảng viên chủ yếu tham gia các chương trình trao đổi giảng viên trong nước, ít cán bộ, giảng viên tham gia trao đổi giảng viên với nước ngoài.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục tồn tại	Xây dựng và thực hiện cơ chế cho giáo viên phổ thông tham gia vào công việc của nhà trường và chương trình đào tạo	- Phòng ĐT - TT GDTX - TT BD NVSP - Các khoa/viện - Phòng KH-TC	2019	2020
2.		Xây dựng chiến lược tổng thể cho giáo viên các trường THPT phục vụ trực tiếp cho việc triển khai chương trình GDPT mới	- Phòng ĐT - TT GDTX - TT BD NVSP - Các khoa/viện - Phòng KH-TC	2019	2022 (hằng năm)
3.		Thường xuyên tổ chức các hội nghị gặp mặt Hiệu trưởng, giáo viên các trường phổ thông; các hội nghị, hội thảo gặp mặt để gắn kết công tác đào tạo giáo viên của Nhà trường với các hoạt động thực tiễn sinh động tại các trường THPT	- Phòng ĐT - Phòng KH&HTQT	2019	2022 (hằng năm)
4.		Tăng cường hợp tác và thực hiện các chương trình trao đổi giảng viên với các trường đại học nước ngoài	- Phòng TCCB - Phòng KH&HTQT	2019	2022 (hằng năm)

1.	Phát huy điểm mạnh	Triển khai có hiệu quả các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên cho giảng viên, giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục	- TT GDTX - TT BD NVSP - Các khoa/viện - Phòng KH-TC	2017	2022 (hàng năm)
2.		Bổ trí hợp lý nhân lực của Nhà trường để triển khai các chương trình bồi dưỡng thường xuyên cho giảng viên, giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục	- Phòng TCCB - Phòng ĐT - TT GDTX - TT BD NVSP - Các khoa/viện	2019	2022 (hàng năm)
3.		Đẩy mạnh tổ chức có chất lượng hơn các sự kiện về khoa học giáo dục với các trường đại học trong và ngoài nước, với các đơn vị và địa phương trong nước	- Phòng ĐT - Phòng KH&HTQT	2019	2022 (hàng năm)
4.		Tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng cán bộ để thường xuyên cử cán bộ, giảng viên tham gia các chương trình trao đổi giảng viên	- Phòng TCCB - Phòng KH&HTQT	2019	2022 (hàng năm)

5. Tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 4.8.1				4			
Chỉ số 4.8.2				4			
Điểm tiêu chí 8	4.0						

Tiêu chí 9: Hợp tác quốc tế

1. Mô tả

4.9.1. Trường có chính sách khuyến khích giảng viên và người học tham gia các mạng lưới quốc tế, các hội thảo, dự án, các chương trình nghiên cứu và xuất bản trong mạng lưới này.

Để phát triển và cải thiện chính sách hợp tác quốc tế, Nhà trường đã khảo sát, đánh giá, đề xuất và cụ thể hóa các mục tiêu, giải pháp hoạt động hợp tác quốc tế trong Kế hoạch chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2018 - 2025, tầm nhìn 2030 [H4.09.01.01].

Ngoài ra, Trường còn khuyến khích giảng viên và người học tham gia trao đổi và hợp tác quốc tế bằng việc hỗ trợ cho cán bộ, giảng viên, học sinh, sinh viên tham gia trao đổi và hợp tác quốc tế [H4.09.01.02].

Nhờ có các chính sách hợp lý của Nhà trường, nhiều cán bộ và giảng viên của Nhà trường đã tích cực tìm kiếm những cơ hội mới cho các thỏa thuận hợp tác quốc tế. Trường đã phối hợp với các trường đại học nước ngoài, các tổ chức quốc tế tổ chức nhiều hội nghị có chất lượng, ký kết nhiều thỏa thuận hợp tác. Trường còn tham gia nhiều diễn đàn, triển lãm giáo dục khác do các trường đại học nước ngoài tổ chức. Hiện nay, Trường cử 4 cán bộ, giảng viên làm Trưởng Văn phòng đại diện tại các nước Nhật Bản, Hàn Quốc, Đức, Úc. Các Văn phòng đại diện đã thực hiện nhiều hoạt động để quảng bá hình ảnh của Nhà trường nhằm mở rộng mối quan hệ hợp tác [H4.09.01.03].

Ngoài ra, Trường cũng có các hình thức quảng bá thương hiệu, hình ảnh Nhà trường trên quốc tế như lập website bằng tiếng Anh, tiếng Lào; phát hành các ấn phẩm quảng bá tuyển sinh bằng tiếng nước ngoài [H4.09.01.04].

Đối với sinh viên, Nhà trường luôn tạo điều kiện để sinh viên tham gia trao đổi văn hóa với các nước trong khu vực và quốc tế như Hoa Kỳ, Lào, Trung Quốc, Thái Lan. Tại Trường, sinh viên được tham gia các hoạt động như: "Ngày hội sắc màu văn hóa", Kỷ niệm Quốc khánh Lào - Thái Lan, Chào mừng Tết Cổ truyền cho Lưu học sinh Lào - Thái Lan, Ngày Văn hóa Israel, hoạt động giao lưu văn hóa với Trường Đại học South Florida (USF)... Ngoài ra, sinh viên còn được đào tạo các lớp tiếng Nhật, tiếng Hàn, tiếng Đức miễn phí; tạo điều kiện và giới thiệu, hỗ trợ đi thực tập sinh tại tại Isarel, đi du học tại Úc [H4.09.01.05].

Tuy nhiên, đến nay Trường vẫn chưa có cơ chế để các bên liên quan tham gia vào việc xây dựng chính sách hợp tác quốc tế; Ngân sách dành cho các hoạt động hợp tác quốc tế còn hạn chế và Nhà trường cũng chưa có cơ chế giám sát và đánh giá liên tục về chính sách hợp tác quốc tế.

4.9.2. Trường hỗ trợ phát triển các chương trình liên kết đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học với các trường đại học và các đối tác nước ngoài; tích hợp các vấn đề toàn cầu về giới tính, môi trường, toàn cầu hóa trong chương trình đào tạo và bồi dưỡng.

Hiện nay, hoạt động hợp tác quốc tế của Nhà trường ngày một đa dạng và bền vững. Để hỗ trợ và phát triển các chương trình liên kết đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học, Nhà trường đã ký thỏa thuận với nhiều trường đại học, viện nghiên cứu trên thế giới, bao gồm các lĩnh vực nghiên cứu về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và khoa học giáo dục [H4.09.02.01].

Trên cơ sở các thỏa thuận đã ký, Trường đã cử nhiều cán bộ tham gia các mạng lưới quốc tế, các hội thảo, dự án, các chương trình nghiên cứu và xuất bản; cử cán bộ, giảng viên tham gia các chương trình trao đổi giảng viên; cử sinh viên đi học tập và thực tập tại Isarel, tu nghiệp sinh tại Úc [H4.09.02.02].

Trong những năm gần đây, Trường hỗ trợ và phát triển các chương trình liên kết đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học bằng cách kết hợp sự phát triển toàn cầu trong xã hội và đào tạo giáo viên vào chương trình đào tạo. Nhờ vậy các chương trình liên kết đào tạo của trường ngày càng đa dạng và phong phú, chương trình được xây dựng đáp ứng được sự đòi hỏi về chuyên môn nghiệp vụ, cân đối về kiến thức, có tính cập nhật cao và phù hợp đối tượng quốc tế [H4.09.02.03].

Từ các trao đổi quốc tế, Nhà trường đã được đánh giá cao và ghi nhận. Tiêu biểu là đã được Chính phủ Nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào 3 lần tặng Huân chương Hữu nghị và 1 lần tặng Huân chương Lao động hạng Ba. Đây là ghi nhận quý báu cho sự cố gắng và phấn đấu của Nhà trường trong việc xây dựng và phát triển thương hiệu, phát triển liên kết đào tạo và hợp tác quốc tế [H4.09.02.04].

Tuy nhiên, hiện nay Nhà trường chưa có đơn vị, bộ phận chuyên trách triển khai các thỏa thuận quốc tế. Một số thỏa thuận hợp tác đã được ký kết, tuy nhiên việc triển khai thực hiện chưa triệt để, tính hiệu quả chưa cao.

Các vấn đề toàn cầu về giới tính, môi trường, toàn cầu hóa đã được Nhà trường lồng ghép trong một số chương trình đào tạo và bồi dưỡng chính khóa của các ngành sư phạm Giáo dục chính trị, Mầm non, Tiểu học, Địa lý, Sinh học... Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên, Trung tâm Dịch vụ, Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp của Nhà trường cũng thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoại khóa về giới tính, sức khỏe sinh sản, bảo vệ môi trường cho sinh viên các ngành sư phạm [H4.09.02.05].

4.9.3. Trường có chính sách và triển khai thực hiện để giảng viên và người học đạt được mức độ thông thạo ngoại ngữ theo quy định.

Để cán bộ, giảng viên và người học đạt được mức độ thông thạo ngoại ngữ theo quy định, từ năm 2014, Nhà trường đã ban hành Đề án nâng cao chất lượng dạy và học

tiếng Anh ở Trường Đại học Vinh. Theo các quy định và Đề án trên, tiêu chuẩn để tuyển dụng vào vị trí giảng viên phải có trình độ ngoại ngữ bậc 4/B2 hoặc tương đương trở lên. Riêng giảng viên của Khoa Sư phạm Ngoại ngữ khi tuyển đầu vào phải có trình độ tiếng Anh bậc 5/C1 quốc tế. Ngoài ra, Trường là một trong những đơn vị được tham gia Đề án Ngoại ngữ Quốc gia. Nhà trường thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng tiếng Anh theo hình thức trực tuyến, tại chỗ; có lộ trình cụ thể để ngày càng nâng cao và chuẩn hóa trình độ ngoại ngữ của cán bộ, đặc biệt là cán bộ trẻ theo thời gian công tác. Hằng năm, thông qua các tổ chức quốc tế và các trường đại học, Trường mời các chuyên gia nước ngoài về trực tiếp dạy ngoại ngữ cho cán bộ và sinh viên. Đối với cán bộ, giảng viên, hàng năm Nhà trường tiến hành kiểm tra đánh giá trình độ ngoại ngữ nghiêm túc và được thông báo công khai, được đem vào xếp loại thi đua cán bộ, viên chức. Đối với sinh viên, học viên cao học thạc sĩ, từ khóa tuyển sinh năm 2013, Nhà trường quy định chuẩn đầu ra tiếng Anh đối với sinh viên và cao học thạc sĩ là bậc 3/B1. Để tạo điều kiện cho sinh viên, học viên đạt chuẩn ngoại ngữ theo quy định, Nhà trường đã tổ chức nhiều mô hình câu lạc bộ tiếng Anh cho sinh viên tham gia. Trường cũng đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép tổ chức đào tạo, thi cấp chứng nhận ngoại ngữ 6 bậc (tương đương Khung tham chiếu Châu Âu) theo đúng các quy định hiện hành [H4.09.03.01].

Nhờ các giải pháp trên, năng lực ngoại ngữ của cán bộ, giảng viên, sinh viên đã được cải thiện. Kết quả khảo sát, đánh giá trình độ ngoại ngữ của giảng viên hằng năm có nhiều tiến bộ; kết quả học ngoại ngữ của sinh viên được chú trọng và đạt được nhiều kết quả tốt [H4.09.03.02].

Trường cũng đã áp dụng đưa trình độ ngoại ngữ của cán bộ, giảng viên làm căn cứ thực hiện chính sách nhân sự và việc làm của Nhà trường. Từ năm 2016, Trường ban hành và áp dụng Quy chế về công tác cán bộ của Trường Đại học Vinh; Quy định về công tác bổ nhiệm cán bộ; Quy định về bổ nhiệm giảng viên chính, các chức danh Giáo sư và Phó giáo sư. Trong đó quy định rất rõ về những vị trí việc làm nào, chức danh nào sẽ cần trình độ ngoại ngữ tương đương để tất cả giảng viên biết và cải thiện năng lực ngoại ngữ của mình, nhằm đáp ứng được yêu cầu của nhà trường và xã hội [H4.09.03.03].

Tuy nhiên, đến nay, nhiều giảng viên vẫn chưa thành thạo việc giao tiếp bằng tiếng Anh, mới chỉ có một số giảng viên có thể tham gia giảng dạy bằng tiếng Anh. Nhà trường vẫn chưa xây dựng chính sách bắt buộc và lộ trình nâng cao năng lực ngoại ngữ cho cán bộ, giảng viên.

2. Điểm mạnh

- Hoạt động hợp tác quốc tế đã được cụ thể hóa trong kế hoạch phát triển Nhà trường.

- Hoạt động hợp tác quốc tế đã hướng tới nhiều trung tâm, khu vực có giáo dục đại học phát triển mạnh, trong đó đặc biệt là phát triển về đào tạo giáo viên và khoa học giáo dục như Hoa Kỳ, EU, các nước Đông Âu.

- Trường đã chủ động thành lập các văn phòng đại diện của trường tại các nước có nền giáo dục phát triển.

- Nhà trường luôn khuyến khích giảng viên và người học tham gia các mạng lưới quốc tế; tham gia các hội thảo, hội nghị quốc tế.

- Nhà trường đã ký thỏa thuận với nhiều trường đại học, viện nghiên cứu trên thế giới, từ đó phát triển hoạt động hợp tác quốc tế ngày một đa dạng và bền vững.

- Các chương trình liên kết đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học với các trường đại học và các đối tác nước ngoài của trường ngày càng phong phú, đa dạng và hiệu quả.

- Nhà trường có chiến lược và quy định về việc nâng cao năng lực ngoại ngữ cho đội ngũ giảng viên.

- Các khóa bồi dưỡng về năng lực ngoại ngữ cho cán bộ, giảng viên đã được Nhà trường tổ chức thường xuyên.

- Trường có chuẩn đầu ra ngoại ngữ bắt buộc cho sinh viên đại học chính quy, học viên cao học.

3. Điểm tồn tại

- Chưa có cơ chế để các bên liên quan tham gia vào việc xây dựng chính sách hợp tác quốc tế.

- Ngân sách dành cho các hoạt động hợp tác quốc tế còn hạn chế.

- Nhà trường chưa có cơ chế giám sát và đánh giá liên tục về chính sách hợp tác quốc tế.

- Nhà trường cũng chưa có đơn vị, bộ phận chuyên trách triển khai các thỏa thuận quốc tế.

- Các thỏa thuận hợp tác đã được ký kết, tuy nhiên việc triển khai thực hiện chưa triệt để, tính hiệu quả chưa cao.

- Nhiều giảng viên chưa thành thạo việc giao tiếp bằng tiếng Anh, mới chỉ có một số giảng viên có thể tham gia giảng dạy bằng tiếng Anh.

- Chưa xây dựng chính sách bắt buộc và lộ trình nâng cao năng lực ngoại ngữ cho cán bộ, giảng viên.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục tồn tại	Xây dựng cơ chế để các bên liên quan tham gia vào việc xây dựng chính sách hợp tác quốc tế	- Phòng KH&HTQT - Phòng TCCB	2019	2022 (hàng năm)
2.		Nghiên cứu bổ sung hỗ trợ cho cán bộ tham dự các hoạt động hợp tác quốc tế trong Quy chế chi tiêu nội bộ	- Phòng KH&HTQT - Phòng KHTC	2019	2022 (hàng năm)
3.		Xây dựng cơ chế giám sát và đánh giá về chính sách hợp tác quốc tế	- Phòng KH&HTQT - Phòng KHTC	2019	2022
4.		Bổ sung nhóm chuyên trách triển khai các thỏa thuận quốc tế	- Phòng KH&HTQT - Phòng TCCB	2019	2022
5.		Thành lập các nhóm công tác, rà soát và phát huy thế mạnh trong việc triển khai các thỏa thuận hợp tác	- Phòng KH&HTQT - Phòng TCCB - Các khoa, viện	2019	2022 (hàng năm)
6.		Khuyến khích cán bộ, viên chức học tập, nâng cao trình độ ngoại ngữ, thường xuyên giao tiếp bằng ngoại ngữ	- Ban Giám hiệu - Các khoa, viện	2019	2022 (hàng năm)
7.		Xây dựng cơ chế, chính sách bắt buộc và lộ trình nâng cao chất lượng ngoại ngữ của cán bộ, giảng viên	- Phòng TCCB - Khoa SP Ngoại ngữ	2019	2022 (hàng năm)

1.	Phát huy điểm mạnh	Thực hiện tốt các nội dung phát triển hoạt động hợp tác quốc tế đã được cụ thể hóa trong kế hoạch phát triển Nhà trường	- Phòng KH&HTQT - Các khoa, viện	2019	2022 (hàng năm)
2.		Đẩy mạnh hoạt động hợp tác quốc tế hướng tới nhiều trung tâm, khu vực có giáo dục đại học phát triển mạnh	- Phòng KH&HTQT - Các khoa, viện	2019	2022 (hàng năm)
3.		Phát huy vai trò các văn phòng đại diện của trường tại các nước, nhằm tìm kiếm các cơ hội hợp tác thiết thực và hiệu quả	- Phòng KH&HTQT - Phòng TCCB - Các khoa, viện	2019	2022 (hàng năm)
4.		Tiếp tục xây dựng kế hoạch tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế về đào tạo giáo viên, khoa học giáo dục đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới	- Phòng KH&HTQT - Các đơn vị	2019	2022 (hàng năm)
5.		Tiếp tục ký thỏa thuận và triển khai hợp tác với nhiều trường đại học, viện nghiên cứu trên thế giới	- Phòng KH&HTQT - Các khoa, viện	2019	2022 (hàng năm)
6.		Nâng cao việc kết hợp sự phát triển toàn cầu trong xã hội và đào tạo giáo viên vào chương trình đào tạo	- Phòng ĐT - Phòng KH&HTQT	2019	2022 (hàng năm)

7.	Tiếp tục thực hiện chiến lược và quy định về việc nâng cao năng lực ngoại ngữ cho đội ngũ giảng viên	- Ban Giám hiệu - Phòng TCCB - Các khoa, viện	2019	2022 (hàng năm)
8.	Thường xuyên mở các lớp bồi dưỡng năng lực ngoại ngữ cho cán bộ, giảng viên	- Phòng TCCB - Khoa SP Ngoại ngữ - Các khoa, viện	2019	2022 (hàng năm)
9.	Siết chặt chuẩn đầu ra ngoại ngữ bắt buộc cho sinh viên, học viên	- Phòng ĐT - Phòng ĐT SDH	2019	2022 (hàng năm)

5. Tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 4.9.1				4			
Chỉ số 4.9.2				4			
Chỉ số 4.9.3					5		
Điểm tiêu chí 9	4.3						

Tiêu chí 10: Hợp tác với các tổ chức khác

1. Mô tả

4.10.1. Trường cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cao cho các trường đại học sư phạm, các trường đại học và các tổ chức khác theo nhiều mục tiêu khác nhau.

Hiện nay, Trường tuyên bố Sứ mạng là "cơ sở giáo dục đại học đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, nghiên cứu khoa học giáo dục, khoa học cơ bản, ứng dụng và chuyển giao công nghệ hàng đầu của khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước" [H4.10.01.01].

Để thực hiện sứ mạng đó, Trường đã được bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận là 1 trong 8 trung tâm đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục; là 1 trong 5 trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục của cả nước; là 1 trong 10 trường tham gia Đề án Ngoại ngữ Quốc gia. Trường được Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội công nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục vào năm 2017 [H4.10.01.02].

Để đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho các trường đại học sư phạm, trường đại học, các tổ chức và địa phương, ngoài đào tạo thạc sĩ tại Trường, từ năm 2000, được sự cho phép của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ban Chỉ đạo Tây Nguyên, Tây Nam Bộ và các địa phương, Trường Đại học Vinh đã tổ chức đào tạo thạc sĩ tại Trường Đại học Tây Nguyên, Trường Đại học Sài Gòn, Trường Đại học Đồng Tháp, Trường Đại học SPKT Vĩnh Long, Trường Đại học KTCN Long An, Trường Đại học Đà Lạt. Với hình thức này, Trường Đại học Vinh đã trực tiếp hỗ trợ đào tạo tại chỗ cho giảng viên, cán bộ quản lý của các trường hiệu quả nhất. Ngoài ra, được sự cho phép của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường cũng đã triển khai đào tạo sinh viên đại học chính quy các ngành chất lượng cao, trong đó có ngành Sư phạm Toán học nhằm cung cấp nguồn giáo viên dạy Toán cho hệ thống giáo dục và đào tạo khu vực và cả nước [H4.10.01.03]. Tuy nhiên, Trường chưa tổ chức được các chương trình tiên tiến, học bằng tiếng nước ngoài cho ngành sư phạm và các chương trình liên kết với các trường đại học uy tín trên thế giới.

Từ khi thành lập đến nay, Nhà trường đã đào tạo và cung cấp cho khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước trên 170.000 cử nhân sư phạm, cử nhân khoa học và kỹ sư, 13.366 thạc sĩ và 244 tiến sĩ; số học sinh tốt nghiệp THPT chuyên là 8.805 em (có 12 em đoạt các giải Toán quốc tế và giải Toán khu vực châu Á - Thái Bình Dương, 236 em đoạt giải quốc gia). Nhiều cựu sinh viên của Trường đã trở thành cán bộ quản lý tại các cơ sở giáo dục, đào tạo, các nhà khoa học, chuyên gia ở các viện nghiên cứu trong nước và quốc tế. Tính riêng từ 2017 đến 2019, Nhà trường cung cấp hơn 7.000 cử nhân, kỹ sư, hơn 3.500 thạc sĩ, 85 tiến sĩ, 1.030 học sinh THPT Chuyên.

Bên cạnh đó, nhiều cán bộ chất lượng cao của Nhà trường cũng được mời, cử và chuyển đến các trường đại học, cao đẳng khác để tham gia giảng dạy, quản lý, góp phần cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cho các trường theo nhiều mục tiêu khác nhau. Ngoài ra, ghi nhận công tác phối hợp đào tạo, nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ, giáo viên cũng như công tác tao nguồn chất lượng cao cho các trường đại học sư phạm, các trường đại học và các tổ chức, Nhà trường đã được Chủ tịch UBND TP.HCM tặng Bằng khen về thành tích xuất sắc trong công tác phối hợp đào tạo, nâng cao trình độ thạc sĩ cho đội ngũ cán bộ, giáo viên TP.HCM liên tục nhiều năm (2008 - 2014) [H4.10.01.04]. Tuy nhiên, việc cán bộ của Trường được các trường đại học, cao đẳng khác mời chuyển công tác làm mất đi nguồn nhân lực có chất lượng của Nhà trường.

4.10.2. Trường tham gia mạng lưới các trường đại học sư phạm, các trường đại học và các tổ chức khác nhằm chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn.

Hiện nay, Trường Đại học Vinh là một đơn vị lớn, có vị thế trong mạng lưới các trường đại học sư phạm. Trường tích cực tham gia mạng lưới các trường đại học sư

phạm, các trường đại học và các tổ chức khác từ đó đã học hỏi và chia sẻ kinh nghiệm từ các đối tác, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo. Trường là 1 trong 8 trung tâm đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục, được tham gia và thụ hưởng Chương trình phát triển các trường sư phạm để nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông (ETEP). Ngoài ra, Trường tham gia Câu lạc bộ Hiệu trưởng các trường đại học sư phạm gồm các trường: Trường ĐHSP Hà Nội, Trường ĐHSP Hà Nội 2, Trường ĐHSP TP. HCM, Trường ĐHSP Huế, Trường ĐHSP - Đại học Thái Nguyên, Trường ĐHSP - Đại học Đà Nẵng, Trường Đại học Vinh và Trường Đại học Đồng Tháp; tham gia Câu lạc bộ Giám đốc Trung tâm GDTX tỉnh, thành phố toàn quốc, có nhiều giải pháp để cùng trao đổi, hợp tác triển khai các hình thức liên kết đào tạo tốt nhất, tạo cơ hội để Nhà trường cũng như các đối tác liên kết cùng phát triển; tham gia Mạng lưới Đảm bảo chất lượng các trường đại học ASEAN (AUN-QA)... [H4.10.02.01]. Các hoạt động của Nhà trường được mạng lưới các trường đại học sư phạm, Câu lạc bộ Hiệu trưởng các trường đại học sư phạm, Câu lạc bộ Giám đốc Trung tâm GDTX tỉnh, thành phố toàn quốc đánh giá cao.

Nhằm thể hiện vai trò, vị trí của trường trong mạng lưới các trường đại học sư phạm, các trường đại học và các tổ chức khác trong việc chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn, đặc biệt là chính sách hợp tác với các trường sư phạm và các trường khác, năm 2019, Trường đã ban hành Kế hoạch chiến lược phát triển lĩnh vực Sư phạm của Trường Đại học Vinh giai đoạn 2018 - 2022, tầm nhìn 2030 [H4.10.02.02].

Thực hiện nhiệm vụ của mình trong mạng lưới các trường đại học sư phạm, các trường đại học và các tổ chức khác, Nhà trường và các đơn vị, cá nhân thuộc Trường đã tích cực tham gia các hoạt động như thực hiện các đề tài, nhiệm vụ trong Chương trình phát triển các trường sư phạm để nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông (ETEP); tham gia các hoạt động chung của Câu lạc bộ và chủ trì tổ chức Hội nghị Hiệu trưởng các trường đại học sư phạm lần thứ V với nhiều kết quả hợp tác tốt đẹp; tham gia các hội nghị của Câu lạc bộ Giám đốc Trung tâm GDTX tỉnh, thành phố toàn quốc; cử cán bộ tham gia các hoạt động Mạng lưới Đảm bảo chất lượng các trường đại học ASEAN (AUN-QA) [H4.10.02.03].

Tuy nhiên, việc tham gia mạng lưới các trường đại học sư phạm mới chỉ có các hoạt động chuyên môn, chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn; chưa có các hoạt động liên kết tuyển sinh, đào tạo sư phạm, trao đổi giảng viên, nghiên cứu khoa học sư phạm... Hoạt động của Câu lạc bộ Hiệu trưởng các trường đại học sư phạm, Câu lạc bộ Giám đốc Trung tâm GDTX tỉnh, thành phố toàn quốc chủ yếu là hội nghị, hội thảo, bàn các giải pháp và đưa ra tiếng nói chung; chưa có các hội nghị chuyên đề góp ý riêng, đề xuất

giải pháp riêng cho từng trường, từng trung tâm để cùng xây dựng và phát triển. Việc tham gia Mạng lưới Đảm bảo chất lượng các trường đại học ASEAN (AUN-QA) mới chỉ có các hoạt động kiểm định chất lượng chương trình đào tạo theo chuẩn AUN-QA.

4.10.3. Trường hỗ trợ giảng viên và người học tham, đóng góp các hoạt động chuyên môn trong ngành.

Là một trường đại học lớn, Trường được Bộ Giáo dục và Đào tạo, các đơn vị liên quan tin tưởng, giao nhiệm vụ, mời tham gia các hoạt động chuyên môn trong ngành. Từ đó, Trường Đại học Vinh đã luôn mặt tham gia và đóng góp cho các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của Ngành Giáo dục và Đào tạo. Nhà trường thường xuyên cử cán bộ và sinh viên tham gia các hoạt động do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức; tham gia biên soạn chương trình Giáo dục phổ thông mới; tham gia giảng dạy, ra đề thi, coi thi các kỳ thi học sinh giỏi quốc gia, thi THPT quốc gia, các kỳ thi tuyển sinh đại học và cao đẳng; nghiên cứu tại Viện Nghiên cứu cao cấp về Toán; tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học trong và ngoài nước... [H4.10.03.01].

Nhà trường cũng đã có các chính sách hỗ trợ giảng viên và người học tham gia, đóng góp các hoạt động chuyên môn được thể hiện trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường; Quy chế đặc thù cho cán bộ làm công tác nghiên cứu khoa học ở Trung tâm Nghiên cứu Khởi nghiệp - Sáng tạo của Nhà trường; Quy chế đặc thù cho các nhóm nghiên cứu và nghiên cứu mạnh... trong đó có quy định về mức chi cho hoạt động hỗ trợ giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ cũng như tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học ở trong và ngoài nước để nâng cao trình độ đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu đổi mới giáo dục. Trường hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng; thanh toán tiền mua tài liệu, thanh toán tiền tàu xe; hỗ trợ thêm tiền ăn cho cán bộ, giảng viên tham gia bồi dưỡng [H4.10.03.02].

Hàng năm, Trường đã thanh toán day vượt giờ chuẩn, hoạt động làm thêm của nhà giáo và người lao động với số tiền chi vượt chuẩn hàng chục tỷ đồng. Trường còn trích quỹ để chi khen thưởng cho các cán bộ, giảng viên có các bài báo, các công trình đăng trên các tạp chí có uy tín ở nước ngoài [H4.10.03.03].

Tuy nhiên, các hoạt động chuyên môn bên ngoài trường chủ yếu là biên soạn chương trình, giảng dạy, ra đề thi, coi thi, tham gia các hội nghị, hội thảo... còn các hoạt động chuyên môn về khoa học và công nghệ chủ yếu thực hiện trong trường. Số lượng cán bộ và giảng viên đi tham gia, học tập, dự hội thảo ở nước ngoài còn ít.

4.10.4. Trường khuyến khích các hoạt động hợp tác về đào tạo, bồi dưỡng nghiên cứu và chuyển giao công nghệ.

Ngoài việc giảng dạy cho sinh viên, học viên của Trường, Nhà trường còn có các chính sách khuyến khích các hoạt động hợp tác về đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu

và chuyển giao công nghệ với các trường đại học sư phạm, các trường đại học và các tổ chức khác. Trường quy định cụ thể trong Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy định về quản lý hoạt động công nghệ, Kế hoạch chiến lược phát triển Khoa học và Công nghệ giai đoạn 2018 - 2025. Giảng viên được khuyến khích và bố trí tham gia giảng dạy các môn chuyên tại Trường THPT Chuyên, giảng dạy đại học hệ vừa làm vừa học; giảng dạy bậc THPT chất lượng cao trực thuộc Trường; giảng dạy một số môn hệ đại học và một số chuyên đề cao học thạc sĩ tại các trường khác; tham gia bồi dưỡng học sinh giỏi THPT các cấp; tham gia nghiên cứu các đề tài khoa học và chuyển giao công nghệ về giáo dục với các bên có liên quan [H4.10.04.01].

Để hỗ trợ cán bộ, giảng viên tham gia các hoạt động hợp tác về đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ, hằng năm Trường ban hành kế hoạch triển khai nhiệm vụ khoa học công nghệ; Phê duyệt chủ trì và kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ; ban hành nhiều quyết định cử cán bộ tham gia vào các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nghiên cứu và chuyển giao công nghệ với các trường đại học sư phạm, các trường đại học và các tổ chức khác [H4.10.04.02]. Tuy nhiên, Trường chưa liên kết được với nhiều cơ sở đào tạo, cơ quan, đơn vị để khai thác tối đa nguồn nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có để tăng thêm nguồn thu cho Nhà trường, tăng thêm thu nhập hợp pháp cho cán bộ và giảng viên.

2. Điểm mạnh

- Hoạt động đào tạo của Trường đã góp phần cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho các trường đại học sư phạm, các trường đại học và các tổ chức khác.

- Nhiều cán bộ chất lượng cao của Nhà trường cũng được mời, cử và chuyển đến các trường đại học, cao đẳng khác để tham gia giảng dạy, quản lý, góp phần cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cho các trường.

- Trường tích cực tham gia mạng lưới các trường đại học sư phạm, các trường đại học và các tổ chức khác từ đó đã học hỏi và chia sẻ kinh nghiệm từ các đối tác, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

- Các hoạt động của Nhà trường được mạng lưới các trường đại học sư phạm, Câu lạc bộ Hiệu trưởng các trường đại học sư phạm, Câu lạc bộ Giám đốc Trung tâm GDTX tỉnh, thành phố toàn quốc đánh giá cao.

- Trường được Bộ Giáo dục và Đào tạo, các đơn vị liên quan tin tưởng, giao nhiệm vụ, mời tham gia các hoạt động chuyên môn trong ngành.

- Trường đã có những chính sách cụ thể hỗ trợ giảng viên và người học của mình tham gia, đóng góp cho các hoạt động chuyên môn trong ngành: Quy chế chi tiêu nội bộ, các quy chế đặc thù...

- Trường đã có những chính sách khuyến khích các hoạt động hợp tác về đào

tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ với các trường đại học sư phạm, các trường đại học và các tổ chức khác.

3. Điểm tồn tại

- Trường chưa tổ chức được các chương trình tiên tiến, học bằng tiếng nước ngoài và các chương trình liên kết với các trường đại học uy tín trên thế giới.

- Cán bộ của Trường được các trường đại học, cao đẳng khác mời chuyển công tác làm mất đi nguồn nhân lực có chất lượng của Nhà trường.

- Việc tham gia mạng lưới các trường đại học sư phạm mới chỉ có các hoạt động chuyên môn, chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn; chưa có các hoạt động liên kết tuyển sinh, đào tạo sư phạm, trao đổi giảng viên, nghiên cứu khoa học sư phạm...

- Hoạt động của Câu lạc bộ Hiệu trưởng các trường đại học sư phạm, Câu lạc bộ Giám đốc Trung tâm GDTX tỉnh, thành phố toàn quốc chủ yếu là hội nghị, hội thảo, bàn các giải pháp và đưa ra tiếng nói chung; chưa có các hội nghị chuyên đề góp ý riêng, đề xuất giải pháp riêng cho từng trường, từng trung tâm để cùng xây dựng và phát triển.

- Việc tham gia Mạng lưới Đảm bảo chất lượng các trường đại học ASEAN (AUN-QA) mới chỉ có các hoạt động kiểm định chất lượng chương trình đào tạo theo chuẩn AUN-QA.

- Các hoạt động chuyên môn bên ngoài trường chủ yếu là biên soạn chương trình, giảng dạy, ra đề thi, coi thi, tham gia các hội nghị, hội thảo... còn các hoạt động chuyên môn về khoa học và công nghệ chủ yếu thực hiện trong trường.

- Số lượng cán bộ và giảng viên đi tham gia, học tập, dự hội thảo ở nước ngoài còn ít.

- Trường chưa liên kết được với nhiều cơ sở đào tạo, cơ quan, đơn vị để khai thác tối đa nguồn nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có để tăng thêm nguồn thu cho Nhà trường, tăng thêm thu nhập hợp pháp cho cán bộ và giảng viên.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục tồn tại	Tổ chức được các chương trình tiên tiến, học bằng tiếng nước ngoài và các chương trình liên kết với các trường đại học uy tín trên thế giới	- Phòng ĐT - Phòng ĐT SDH	2019	2022

2.	Xây dựng các chế tài để giữ cán bộ, giảng viên; hạn chế việc việc cán bộ, giảng viên có trình độ cao chuyển công tác	- Ban Giám hiệu - Phòng TCCB	2019	2020
3.	Đề xuất các hoạt động liên kết tuyển sinh, đào tạo sư phạm, trao đổi giảng viên, nghiên cứu khoa học sư phạm... đối với mạng lưới các trường đại học sư phạm	- Phòng ĐT - Phòng KH&HTQT	2019	2022 (hàng năm)
4.	Đề xuất tổ chức các hội nghị chuyên đề góp ý riêng, đề xuất giải pháp riêng cho từng trường, từng trung tâm GDTX trong hoạt động của Câu lạc bộ Hiệu trưởng các trường đại học sư phạm, Câu lạc bộ Giám đốc Trung tâm GDTX tỉnh, thành phố toàn quốc	- Phòng ĐT - Trung tâm GDTX - Trung tâm BD NVSP	2019	2022 (hàng năm)
5.	Đề xuất và tham gia nhiều hoạt động khác của Mạng lưới Đảm bảo chất lượng các trường đại học ASEAN (AUN-QA)	- Trung tâm ĐBCL - Trung tâm KĐCLGD	2019	2022 (hàng năm)
6.	Đề xuất thêm các hoạt động chuyên môn bên ngoài trường về khoa học và công nghệ để khuyến khích giảng viên và người học tham gia	- Phòng KH&HTQT	2019	2022 (hàng năm)

7.		Xây dựng và thực hiện kế hoạch cử cán bộ và giảng viên đi tham gia trao đổi <u>kinh nghiệp</u> , dự hội nghị, hội thảo ở nước ngoài với các chỉ số thực hiện cụ thể	- Phòng TCCB - Phòng KH&HTQT - Các khoa/viện	2019	2022 (hàng năm)
8.		Tích cực thực hiện liên kết với cơ sở đào tạo, cơ quan, đơn vị để tăng thêm nguồn thu cho Nhà trường, tăng thêm thu nhập hợp pháp cho cán bộ và giảng viên năm sau cao hơn năm trước	- Phòng ĐT - Phòng ĐT SDH - Trung tâm GDTX - Trung tâm BD NVSP - Phòng KH&HTQT - Phòng KHTC - Các khoa/viện	2019	2022 (hàng năm)
1.		Tiếp tục trình Bộ GD&ĐT phê duyệt và triển khai đào tạo đại học hệ chất lượng cao các ngành SP khác (SP Hóa học, SP Ngữ văn, SP Tiếng Anh)	- Ban Giám hiệu - Phòng ĐT	2019	2022
2.	Phát huy điểm mạnh	Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện liên kết với cơ sở đào tạo, cơ quan, đơn vị để tăng thêm nguồn thu cho Nhà trường, tăng thêm thu nhập hợp pháp cho cán bộ và giảng viên năm sau cao hơn năm trước nhằm giữ cán bộ, giảng viên	- Ban Giám hiệu - Phòng ĐT - Phòng ĐT SDH - TT GDTX	2019	2022

3.	Đẩy mạnh các hoạt động tham gia mạng lưới các trường đại học sư phạm, các trường đại học và các tổ chức khác để học hỏi và chia sẻ kinh nghiệm từ các đối tác, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường	- Phòng ĐT - Phòng KH&HTQT - Trung tâm GDTX - Trung tâm BD NVSP	2019	2022 (hàng năm)
4.	Xây dựng và thực hiện các nội dung cụ thể của Kế hoạch chiến lược phát triển lĩnh vực Sư phạm	- Phòng ĐT - Phòng KH&HTQT - BQL ETEP	2019	2022 (hàng năm)
5.	Nâng cao uy tín, vị thế của Nhà trường để tiếp tục được Bộ Giáo dục và Đào tạo, các đơn vị liên quan giao nhiệm vụ, mời tham gia các hoạt động chuyên môn trong ngành	- Ban Giám hiệu - BP Truyền thông	2019	2022 (hàng năm)
6.	Tiếp tục có những chính sách cụ thể hỗ trợ giảng viên và người học của mình tham gia, đóng góp cho các hoạt động chuyên môn trong ngành	- Phòng TCCB - Phòng KH&HTQT - Phòng KHTC - Các khoa/viện	2019	2022 (hàng năm)

5. Tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	1	2	3	4	5	6	7
Chỉ số 4.10.1				4			
Chỉ số 4.10.2				4			
Chỉ số 4.10.3				4			
Chỉ số 4.10.4				4			
Điểm tiêu chí 10	4.0						

Tiêu chí 11: Thông tin và truyền thông

1. Mô tả

4.11.1. Trường đảm bảo việc xuất bản các ấn phẩm chuyên môn tuân thủ các quy định quốc gia và quốc tế về luật bản quyền, sở hữu trí tuệ, chống đạo văn và quyền riêng tư.

Để xây dựng chiến lược thương hiệu và kế hoạch truyền thông nhằm quảng bá hình ảnh và khẳng định vai trò, vị thế của Nhà trường trong tiến trình hội nhập và phát triển, Nhà trường đã ban hành Kế hoạch chiến lược truyền thông giai đoạn 2016 - 2020, thành lập Ban truyền thông (nay là Bộ phận Truyền thông) nhằm đưa ra và thực hiện những chính sách và chiến lược thông tin truyền thông của Nhà trường [H4.11.01.01]. Tuy nhiên, hiện nay, nhân sự cho hoạt động truyền thông còn ít; cơ sở vật chất chuyên dụng cho hoạt động truyền thông để đáp ứng yêu cầu vẫn còn hạn chế.

Để phục vụ công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học, Trường có các ấn phẩm chuyên môn là tài liệu, giáo trình, tạp chí khoa học, các kỷ yếu hội nghị, hội thảo... Năm 2016, Trường đã ban hành và thực hiện Quy trình xuất bản giáo trình, tài liệu và quản lý tài chính trong việc xuất bản giáo trình, tài liệu. Năm 2018, sau khi khảo sát, đánh giá, Trường tiếp tục cập nhật, đổi mới quy trình, quy định bằng Quy định về công tác biên soạn, xuất bản, sử dụng giáo trình, tài liệu học tập và quản lý tài chính trong việc xuất bản giáo trình, tài liệu học tập, sách liên kết [H4.11.01.02].

Thực hiện các quy trình, quy định trên, Nhà trường đã thành lập Nhà Xuất bản Đại học Vinh (năm 2011) phụ trách việc xuất bản tài liệu, giáo trình. Đây là đơn vị sự nghiệp công lập, có tư cách, có con dấu, tài khoản riêng và chịu sự quản lý của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh. Hiện nay, Nhà Xuất bản hoạt động theo Giấy phép số 449/GP-BTTTT ngày 08/9/2015 của Bộ Thông tin và Truyền thông và Quyết định số 3378/QĐ-ĐHV ngày 16/9/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh. Để tổ chức xuất bản Tạp chí Khoa học, Trường thành lập Ban Biên tập Tạp chí Khoa học. Đây là tổ chức báo chí mang tính học thuật trực thuộc Trường, có sứ mệnh công bố các kết quả nghiên cứu mới trong các lĩnh vực về khoa học giáo dục, khoa học cơ bản và ứng dụng của các tác giả trong và ngoài trường. Hiện nay, Tạp chí Khoa học hoạt động theo Quyết định số 1219/QĐ-ĐHV ngày 31/5/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Tạp chí Khoa học. Ngoài ra, để đảm bảo việc xuất bản các ấn phẩm chuyên môn có kế hoạch, nhất là xuất bản tài liệu, giáo trình, sách tham khảo phục vụ đào tạo, Nhà trường đã có Kế hoạch xuất bản giáo trình, tài liệu từng năm (các năm 2016, 2017, 2018, 2019) và Kế hoạch xuất bản giáo trình, tài liệu giai đoạn 2016 - 2020. Đặc biệt, từ năm 2016, Nhà trường đã triển khai các đề

tài nghiên cứu khoa học trọng điểm xây dựng và phát triển chương trình đào tạo tiếp cận CDIO, trong đó quy định chi tiết về nhiệm vụ viết bài giảng, tài liệu, giáo trình phục vụ cho công tác đào tạo tiếp cận CDIO từ khóa tuyển sinh năm 2017 [H4.11.01.03]. - Tuy nhiên, hiện nay công tác xuất bản một số giáo trình còn bị chậm tiến độ, một phần do các đơn vị liên quan chưa thực hiện nghiêm túc kế hoạch xuất bản.

Tuân thủ các quy định quốc gia và quốc tế về luật bản quyền, sở hữu trí tuệ, trong các quy chế, quy định của Nhà trường về xuất bản và phát hành các ấn phẩm chuyên môn, Nhà trường đã quy định rõ và hướng dẫn thực hiện các tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong hoạt động khoa học công nghệ cũng như đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ. Ngoài ra, công tác nghiệm thu, phản biện và phê duyệt tài liệu, giáo trình; việc tiếp nhận bài báo, phản biện, đăng bài trên Tạp chí Khoa học được xây dựng rõ ràng, đảm bảo tính chính xác, khoa học và bảo mật nên các ấn phẩm chuyên môn của Nhà trường có chất lượng cao. Mặt khác, để chống đạo văn và tôn trọng quyền riêng tư, Nhà trường đã có các giải pháp để kiểm tra, rà soát nội dung như áp dụng Hệ thống hỗ trợ nâng cao chất lượng tài liệu doIT. Đây là hệ thống kiểm tra trùng lặp văn bản với dữ liệu của hệ thống bao gồm các giáo trình, tài liệu, luận văn, khoá luận của nhiều trường đại học lớn trong cả nước, cũng như các bài báo, tạp chí và nhiều nguồn tài liệu uy tín khác [H4.11.01.04]. Nhờ có hệ thống hỗ trợ nâng cao chất lượng tài liệu doIT, khóa luận, luận văn, luận án cũng như các bài báo, tạp chí và nhiều tài liệu khác của Nhà trường tránh được sự sao chép, trùng lặp, chất lượng cao hơn.

4.11.2. Trường công khai các thông tin cơ sở, đặc biệt là dữ liệu về đội ngũ giảng viên, sinh viên nhập học, sinh viên tốt nghiệp và tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm.

Nhà trường nhận thức vai trò quan trọng của việc công khai thông tin, đặc biệt là trong giai đoạn Cuộc cách mạng Công nghiệp 4.0 hiện nay. Chủ trương của Nhà trường đối với thông tin truyền thông nhanh, đủ và chính xác. Từ năm 2015, Nhà trường đã thiết kế và đưa vào sử dụng website mới (<http://vinhuni.edu.vn/>), kiện toàn Ban Biên tập, Ban Quản trị website nhiệm kỳ 2015 - 2020, ban hành Quy định tổ chức và quản lý hoạt động của website Trường. Website của Trường Đại học Vinh là một trang thông tin tổng hợp các tin tức của Nhà trường liên quan đến các hoạt động chính trị, xã hội của Trường, các hoạt động tuyển sinh, đào tạo, quản lý sinh viên... của toàn trường cũng như các đơn vị trực thuộc. Trường cũng đã có quy định về việc công bố công khai thông tin, dữ liệu đội ngũ giảng viên, sinh viên (bao gồm dữ liệu về đội ngũ giảng viên, sinh viên nhập học, sinh viên tốt nghiệp và tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm...) [H4.11.02.01].

Nhờ làm tốt công tác tổ chức và quản lý hoạt động của website, Website Trường Đại học Vinh có chất lượng cao, được Cybermetrics Lab đánh giá: Năm 2018, website Trường xếp thứ 16 (lần xếp loại tháng 1) và xếp thứ 13 (lần xếp loại tháng 8) trên bảng xếp hạng của webometric; Năm 2019, website Trường xếp thứ 14 (lần xếp loại tháng 1) và xếp thứ 9 (lần xếp hạng tháng 7) trên bảng xếp hạng của Webometric [H4.11.02.02]. Tuy nhiên, hiện nay một số đơn vị, cá nhân cập nhật thông tin trên website, đặc biệt là thông tin về kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học còn chậm.

Thực hiện các quy định của Trường, của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Nhà trường đã thường xuyên cập nhật và công bố dữ liệu về đội ngũ giảng viên, sinh viên nhập học, sinh viên tốt nghiệp và tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm trên các phương tiện thông tin bao gồm: các báo cáo thường xuyên, website, phần mềm, sổ tay sinh viên... Mỗi năm một lần, Nhà trường công bố công khai cơ sở dữ liệu về đội ngũ giảng viên, sinh viên mới, sinh viên tốt nghiệp qua báo cáo ba công khai theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, báo cáo Tổng kết năm học, báo cáo của Hiệu trưởng tại Hội nghị cán bộ, viên chức hàng năm, dữ liệu trên phần mềm. Ngoài ra, để thu thập số liệu cụ thể sinh viên trong đó có dữ liệu về sinh viên tốt nghiệp, tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm, Trường thành lập bộ phận chuyên trách các hoạt động hỗ trợ sinh viên là Trung tâm Phục vụ Sinh viên. Năm 2015, Trung tâm Phục vụ Sinh viên đổi tên thành Trung tâm Đào tạo liên tục. Năm 2016, Trung tâm Đào tạo liên tục đổi tên thành Trung tâm Dịch vụ, Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp. Theo từng giai đoạn, Trung tâm đã có cập nhật, sửa đổi quy chế tổ chức và hoạt động, chức năng và nhiệm vụ cho phù hợp. Những năm gần đây, Nhà trường đều có báo cáo về tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm. Đặc biệt, từ năm 2017, trước khi sinh viên tốt nghiệp, Nhà trường lấy ý kiến khảo sát và lập hồ sơ, dữ liệu sinh viên tốt nghiệp một cách bài bản, khoa học, cập nhật vào phần mềm để có các thống kê về sinh viên tốt nghiệp toàn diện và khoa học hơn [H4.11.02.03].

2. Điểm mạnh

- Hoạt động thông tin, truyền thông được Nhà trường tổ chức chuyên nghiệp, có đơn vị và cá nhân phụ trách, chịu trách nhiệm.
- Các thông tin được trao đổi, cung cấp đảm bảo nhanh chóng, toàn diện và tin cậy cả trong và ngoài Nhà trường.
- Việc xuất bản và phát hành các ấn phẩm chuyên môn của nhà trường thực hiện đúng các quy trình, quy định phù hợp với các yêu cầu của Nhà nước và có chất lượng.
- Website Trường Đại học Vinh có chất lượng cao, được Cybermetrics Lab đánh giá cao.

- Việc công khai các thông tin qua website, nhất là dữ liệu về sinh viên tốt nghiệp, tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm được thực hiện tốt.

3. Điểm tồn tại

- Nhân sự cho hoạt động truyền thông còn ít; cơ sở vật chất chuyên dụng cho hoạt động truyền thông để đáp ứng yêu cầu vẫn còn hạn chế.

- Công tác xuất bản một số giáo trình còn bị chậm tiến độ, một phần do các đơn vị liên quan chưa thực hiện nghiêm túc kế hoạch xuất bản.

- Một số đơn vị, cá nhân cập nhật thông tin trên website, đặc biệt là thông tin về kết quả, thành tích hoạt động nghiên cứu khoa học còn chậm.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục tồn tại	Bổ sung nhân sự cho hoạt động truyền thông và đầu tư mua sắm cơ sở vật chất chuyên dụng cho hoạt động truyền thông để đáp ứng yêu cầu	- Ban Giám hiệu - Phòng KHTC - BP Truyền thông	2019	2020
2.		Quản triệt thực hiện nghiêm túc kế hoạch xuất bản và các quy định, quy chế về xuất bản và phát hành các ấn phẩm chuyên môn	- Nhà xuất bản - Các khoa/viện	2019	2022 (hàng năm)
3.		Quản triệt các đơn vị, cá nhân cập nhật thông tin trên website, đặc biệt là thông tin về kết quả, thành tích hoạt động nghiên cứu khoa học	- <u>BBT website</u> - Các khoa/viện - Hội đồng TD-KT	2019	2022 (hàng năm)
1.	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục chuyên nghiệp hóa hoạt động của Bộ phận truyền thông	- Ban Giám hiệu - BP Truyền thông	2019	2022

2.	Đẩy mạnh công tác trao đổi, cung cấp thông tin qua website, <u>mạng xã hội</u> đảm bảo nhanh chóng, toàn diện và tin cậy cả trong và ngoài Nhà trường	- BBT website - Các khoa/viện	2019	2022 (hàng năm)
3.	Làm tốt và thực hiện đúng các quy trình, quy định về xuất bản và phát hành các ấn phẩm chuyên môn	- Nhà xuất bản - Các khoa/viện	2019	2022 (hàng năm)
4.	Nâng cao chất lượng của website	- BBT website - Các khoa/viện, đơn vị	2019	2022 (hàng năm)
5.	Nâng cao việc thu thập và công khai thông tin, dữ liệu về sinh viên tốt nghiệp, tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm	- TT HTSV&QHDN - BBT website - Các khoa/viện	2019	2022 (hàng năm)

5. Tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 4.11.1				4			
Chỉ số 4.11.2				4			
Điểm tiêu chí 11	4.0						

TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHUẨN 4

STT	Tiêu chí	Mức đánh giá
1	Tiêu chí 8	4.0
2	Tiêu chí 9	4.3
3	Tiêu chí 10	4.0
4	Tiêu chí 11	4.0
ĐIỂM TIÊU CHUẨN		4.08

Tiêu chuẩn 5

MÔI TRƯỜNG SỰ PHẠM VÀ CÁC NGUỒN LỰC

Tiêu chí 12: Môi trường sự phạm

1. Mô tả

5.12.1. Cảnh quan, môi trường giảng dạy và học tập phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và mục tiêu giáo dục của trường.

Trường có diện tích sử dụng đất đáp ứng quy định của tiêu chuẩn TCVN 3981-85 với diện tích đất tại 05 cơ sở trên địa bàn 2 tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh được giao sử dụng với đầy đủ các giấy tờ hợp pháp theo luật định với diện tích trên 44,2 ha trong tổng thể quy hoạch gần 125 ha. Nhà trường đã có quy hoạch tổng thể về sử dụng và phát triển CSVC trong kế hoạch chiến lược của Trường. Các quy hoạch đã được phê duyệt bởi các cấp thẩm quyền là Bộ GD&ĐT (8/1989), Ủy ban tỉnh Nghệ An (6/2004), (10/2015). Hằng năm, Nhà trường có kế hoạch cải tạo, sửa chữa về môi trường học tập và giảng dạy [H5.5.12.1.01].

Căn cứ theo kế hoạch cải tạo, sửa chữa được phê duyệt, đơn vị chức năng phụ trách là phòng Quản trị - Đầu tư phối hợp với phòng Kế hoạch - Tài chính thực hiện việc sửa chữa, bổ sung và cung cấp cơ sở vật chất đầy đủ. Nhà trường cũng đã hoàn thiện và đưa vào sử dụng các khu vực làm việc riêng cho Trung tâm bồi dưỡng NVSP, Viện SPTN, Viện SPXH, Trung tâm Đảm bảo chất lượng, Trung tâm Kiểm định chất lượng [H5.5.12.1.02].

Căn cứ vào nhu cầu thực tiễn của các đơn vị/các khoa viên, Nhà trường đã bố trí 75 phòng làm việc cho các đơn vị, với diện tích 15.368m², đạt xấp xỉ 15m²/1 cán bộ, GV, nhân viên; các trường đơn vị có phòng làm việc riêng; có hệ thống phòng sinh hoạt bộ môn, phòng làm việc cho GV cao cấp, phó giáo sư, giáo sư. Cơ sở vật chất cho CB, GV và NV cơ hữu được đầu tư đồng bộ, bao gồm thiết bị văn phòng, thiết bị CNTT, thiết bị văn phòng hiện đại và được thống nhất quản lý bởi Phòng Quản trị - Đầu tư. Hiện nay, Nhà trường có 282 phòng học, đáp ứng nhu cầu dạy và học, Nhà trường đã trang bị 192 phòng học có máy chiếu (Projector) cố định. Diện tích bình quân 5.9m²/người học (115,749m²/19.629 người học); có 29 phòng thực hành thí nghiệm dành riêng cho tổ THPT Sự phạm tự nhiên; diện tích bình quân phòng THPTN/người học là 4.48m²/người (34.382m²/7.667 người học) [H5.5.12.1.03].

Hằng năm, căn cứ vào các ý kiến phản hồi trực tiếp từ người ở, Ký túc xá được sửa chữa, bảo dưỡng và bổ sung, thay thế các thiết bị nhằm đảm bảo an toàn cho người ở [H5.5.12.1.04].

Nhà trường thực hiện xây dựng cảnh quan môi trường dạy và học theo quan điểm lấy người học làm trung tâm bằng việc thực hiện quy hoạch, khuôn viên, môi trường tự nhiên của trường với hoạt động đào tạo và bồi dưỡng giáo viên. Trong năm học 2018 - 2019, Nhà trường đã tiến hành bố trí không gian học tập theo hướng tiếp cận CDIO [H5.5.12.1.05].

5.12.2. Khuôn viên, môi trường tự nhiên của trường, được quy hoạch và xây dựng phù hợp với hoạt động đào tạo và bồi dưỡng giáo viên.

Hàng năm, để điều chỉnh cảnh quan, môi trường giảng dạy và học tập phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và mục tiêu giáo dục của trường. Nhà trường đã tiến hành lấy ý kiến phản hồi của người học và phụ huynh về cảnh quan, môi trường dạy và học bằng phiếu khảo sát và báo cáo kết quả khảo sát về mức độ hài lòng từ người học và phụ huynh. Căn cứ vào kết quả khảo sát kiến nghị đề xuất từ các đơn vị quản lý liên quan như phòng Quản trị - Đầu tư, từ các khoa viện về cảnh quan môi trường Nhà trường đều có kế hoạch để cải tiến nâng cao chất lượng cảnh quan môi trường, khuôn viên xung quanh nhằm đáp ứng nhu cầu dạy và học [H5.5.12.2.01].

Nhà trường có hệ thống sân chơi, sân tập, thi đấu TDTT với diện tích gần 35.000m² và nhà thi đấu với sức chứa hơn 1000 chỗ ngồi phục vụ cho các nhu cầu vui chơi giải trí và các hoạt động văn hoá, nghệ thuật, thể dục thể thao của SV. Nhà trường có bố trí các nhà để xe và căng tin phục vụ cho người dạy và học. Trường có cảnh quan và môi trường thông thoáng, xanh - sạch - đẹp. Hệ thống điện đường và cây xanh được đầu tư chăm sóc thường xuyên, đảm bảo cho người dạy và học cảm thấy an toàn, thoải mái trong khuôn viên của trường [H5.5.12.2.02].

2. Điểm mạnh

Trường có đủ phòng làm việc, phòng học, phòng thực hành thí nghiệm đáp ứng đủ nhu cầu cho người dạy, người học và NCKH.

Trường có đầy đủ các phòng chức năng, có ký túc xá cơ bản đáp ứng đủ nhu cầu của sinh viên nội trú ở và sinh hoạt.

Khuôn viên rộng, nhiều cây xanh có đủ sân chơi cho người học. Hành lang, đường đi rộng thoáng, tạo cảm giác thoải mái gần gũi với thiên nhiên cho người dạy và người học. Công tác PCCC luôn được nhà trường quan tâm và thực hiện tốt theo đúng pháp lệnh về PCCC, luôn được đánh giá là đơn vị thực hiện tốt các quy định về PCCC-PCCN.

Nhà trường cơ bản đáp ứng các trang thiết bị và sân bãi cho các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao theo qui định.

Người dạy và người học thực hiện nghiêm túc nếp sống văn hóa nơi công sở và trường học. Tạo môi trường văn minh, lịch sự phù hợp với các chuẩn mực sư phạm.

An ninh, an toàn xã hội trong Trường được đảm bảo, tạo tâm lý yên tâm trong công tác dạy và học.

3. Điểm tồn tại

Chưa hoàn thành việc bố trí, lắp đặt trang thiết bị theo kế hoạch đã đề ra đối với phòng điều hành quan sát việc giảng dạy tại khu vực giảng đường để phục vụ đào tạo và bồi dưỡng giáo viên.

Căng tin phục vụ người dạy và người học ít, quá xa khu vực học tập.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Quy hoạch và xây dựng phòng quan sát giảng dạy tại Trường THSP để phục vụ đào tạo và bồi dưỡng giáo viên	Phòng QTĐT	9/2019	12/2020
2		Phát triển thêm căng tin phục vụ người dạy và người học.	Phòng QTĐT	9/2019	12/2020
3		Triển khai khảo sát ý kiến của người dạy về môi trường và sự đáp ứng của khuôn viên Trường	Phòng TCCB, Phòng HCTH	9/2019	05/2020
1	Phát huy điểm mạnh	Kiểm toàn lại kế hoạch xây dựng CSVC theo định hướng 2025 tầm nhìn 2030	Phòng QTĐT	9/2019	12/2019
2		Xây dựng kế hoạch phát triển các phòng học, phòng làm việc theo thực tế	Phòng QTĐT	9/2019	12/2020
3		Tiếp tục phát huy thực hiện nếp sống văn hóa nơi công sở của người dạy và người học.	Phòng TCCB, Phòng HCTH, Phòng CTCT HSSV	Hằng năm	Hằng năm
4		Tiếp tục phát huy thực hiện môi trường an toàn và đảm bảo an ninh trường học	Phòng TCCB, phòng HCTH	Hằng năm	Hằng năm

5. Tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 5.12.1				4			
Chỉ số 5.12.2				4			
Điểm tiêu chí 12	4.0						

Tiêu chí 13: Cơ sở vật chất, tài nguyên dạy và học

1. Mô tả

5.13.1. Các tòa nhà, giảng đường, thư viện, phòng thí nghiệm, thực hành, hệ thống công nghệ thông tin, thiết bị, tài liệu học tập được trang bị, bảo trì và sử dụng phù hợp với các mục đích giáo dục của trường

Nhà trường đã có quy hoạch tổng thể về sử dụng và phát triển CSVC trong kế hoạch chiến lược của Trường. Các quy hoạch đã được phê duyệt bởi các cấp thẩm quyền là Bộ GD&ĐT (8/1989), Ủy ban tỉnh Nghệ An (6/2004), (10/2015) [H5.05.13.01].

Nhà trường có phòng làm việc cho các đơn vị, với diện tích 15.864m², đạt xấp xỉ 15m²/1 cán bộ, GV, nhân viên; có hệ thống phòng sinh hoạt bộ môn, phòng làm việc cho GV cao cấp, phó giáo sư, giáo sư. Có 282 phòng học, trong đó 180 phòng học dùng cho đào tạo chính quy, trong đó số phòng học có đèn chiếu cố định là 192 phòng. Diện tích bình quân 5,9m²/người học (115,749m²/19.629 người học); có 76 phòng thực hành thí nghiệm được chia thành 8 nhóm ngành cụ thể; diện tích bình quân phòng THPTN/người học là 4,48m²/người (34,382m²/7.667 người học); có thư viện với tổng diện tích gần 9000m², thư viện có đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo Tiếng Việt và tiếng nước ngoài đáp ứng yêu cầu sử dụng của giảng viên, người học. Có thư viện điện tử được nối mạng, phục vụ dạy, học và NCKH có hiệu quả, có hệ thống mượn trả sách tự động 24/7, phần mềm quản lý thư viện hiện đại. Các phòng thực hành, thí nghiệm có nhiều thiết bị thí nghiệm hiện đại, phù hợp với từng chuyên ngành, phục vụ cho việc giảng dạy, đáp ứng yêu cầu đào tạo và NCKH [H5.05.13.02].

Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ làm việc, giảng dạy, nghiên cứu khoa học cho cán bộ, giảng viên được nhà trường quan tâm đầu tư đồng bộ, bao gồm thiết bị văn phòng, thiết bị CNTT, thiết bị văn phòng hiện đại và được thống nhất quản lý bởi Phòng Quản trị - Đầu tư, phòng KH-TC, TT CNTT [H5.05.13.03].

Hàng năm, Nhà trường có thực hiện kế hoạch bảo trì duy tu các tòa nhà, giảng đường, thư viện, phòng thí nghiệm, thực hành, hệ thống công nghệ thông tin, thiết bị, bổ sung tài liệu học tập để đáp ứng tính phù hợp cho việc dạy và học [H5.5.13.1.04].

5.13.2. Các tòa nhà, giảng đường, thư viện, phòng thí nghiệm, thực hành, hệ thống công nghệ thông tin, thiết bị, tài liệu học tập được sử dụng linh hoạt để đáp ứng tính sáng tạo và đổi mới của giảng viên và người học, phù hợp cho từng khóa đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng.

Phần lớn các thiết bị được quản lý theo phương thức dùng chung CSVC giữa các đơn vị trong Nhà trường nên tần suất và hiệu quả sử dụng thiết bị cao, linh hoạt trong giảng dạy và nghiên cứu của giảng viên, học tập hiệu quả của sinh viên, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và phù hợp với các hoạt động đào tạo và bồi dưỡng giáo viên [H5.05.13.2.01].

Nhà trường thực hiện giám sát việc sử dụng cơ sở hạ tầng qua các báo cáo kết quả hoạt động hằng năm, lịch làm việc đăng ký trên Web của các đơn vị, khoa, viện [H5.05.13.2.02].

Nhà trường đã triển khai thực hiện việc lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên trong Trường và tính phù hợp của hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị và tài liệu học tập trong công tác dạy và học [H5.5.13.2.03].

5.13.3. Môi trường trực tuyến của trường đảm bảo các khóa đào tạo, bồi dưỡng trực tuyến được thực hiện có chất lượng với các phương pháp dạy học thích hợp.

Nhà trường đang đưa và áp dụng Công nghệ thông tin dạy và học để đảm bảo tương tác trực tuyến giữa giảng viên và người học như giảng viên đưa bài giảng, bài tập, chia nhóm, nhiệm vụ nhóm/cá nhân... lên phần mềm và người học tự tải về bài giảng, bài tập, nhiệm vụ nhóm/cá nhân, hoàn thành nhiệm vụ và đưa kết quả thực hiện nhiệm vụ nhóm/cá nhân lên để giảng viên đánh giá [H5.05.13.3.01].

Nhà trường rất coi trọng công tác tin học hóa trong các hoạt động của Nhà trường. Nhà trường trang bị đầy đủ các thiết bị tin học, sử dụng các phần mềm quản lý để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động quản lý của trường (quản lý nhân sự, đào tạo, NCKH, tài khoản, tài sản, điểm, học bổng, thu học phí và các nguồn thu khác) và đáp ứng nhu cầu dạy học của giảng viên, sinh viên trong đổi mới phương pháp dạy học. Công tác quản lý của Trường thực hiện thông qua hệ thống eOffice. Nhà trường có bộ phận chuyên trách quản trị mạng (Trung tâm Công nghệ thông tin), đảm bảo hệ thống mạng hoạt động thông suốt [H5.5.13.3.02], đảm bảo các phần mềm quản lý được cập nhật thường xuyên phù hợp với yêu cầu quản lý mới của Nhà trường.

Nhà trường trang bị cơ bản đầy đủ thiết bị tin học để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy học và NCKH. Tất cả hệ thống máy tính trong Nhà trường được nối mạng Internet, mạng Wifi được sử dụng miễn phí trong toàn trường phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của giảng viên và người học. Nhà trường có hệ thống các phòng học

trực tuyến gồm 16 phòng, chia 3 cum có thể đáp ứng cho việc học tập đồng thời cho hơn 1000 người học. Với hệ thống phòng học trực tuyến đảm bảo sự trao đổi giao tiếp tốt giữa người dạy và người học, Nhà trường không chỉ đảm nhận tốt nhiệm vụ đào tạo sinh viên sư phạm và còn có thể thực hiện tốt các nhiệm vụ bồi dưỡng giáo viên hiện nay. Trường hiện có gần 2000 máy tính tại các phòng thực hành CNTT, có 08 phòng máy chuyên dụng đáp ứng tốt cho việc học ngoại ngữ và thi trắc nghiệm. Thư viện trường có hơn 100 máy tính được nối mạng Internet đáp ứng yêu cầu tra cứu, truy cập và sử dụng tài liệu online cho người học [H5.05.13.3.03].

5.13.4. Hệ thống công nghệ thông tin của trường được bảo trì thường xuyên, luôn đáp ứng cho giảng viên và người học sử dụng hiệu quả.

Nhà trường thực hiện việc bảo trì thường xuyên hệ thống công nghệ thông tin nhằm đáp ứng nhu cầu của giảng viên và người học. Các dữ liệu về quản lý nhà trường và quản lý đào tạo được lưu trữ trên hệ thống máy chủ. Nhà trường có bộ phận chuyên trách quản trị mạng, sử dụng các phần mềm CH, CMC, e-Office, được cập nhật thường xuyên để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động của trường, hệ thống phần cứng và phần mềm được Nhà trường luôn được duy trì thường xuyên bằng việc thay thế, cấp mới, trang bị máy tính xách tay cho tất cả GV có trình độ từ tiến sĩ trở lên, cán bộ, trợ lý khoa, bộ môn [H5.5.13.4.01].

Công nghệ thông tin/môi trường trực tuyến được nâng cấp tốc độ hằng năm. Năm học 2018 – 2019, Nhà trường đã tăng thêm 13 phòng thực hành/thi trên máy tính. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng đã triển khai hệ thống Cổng thông tin học tập trực tuyến tại địa chỉ <http://elearning.vinhuni.edu.vn>, và đang nghiên cứu triển khai đề án Xây dựng hệ thống thông tin tổng thể quản trị nhà trường [H5.5.13.4.02].

2. Điểm mạnh

Trường có quy định về việc sử dụng, bảo trì các tòa nhà, giảng đường, thư viện, phòng thí nghiệm, thực hành, hệ thống công nghệ thông tin, thiết bị, tài liệu học tập.

Nhà trường thường xuyên bảo trì duy tu các tòa nhà, giảng đường, thư viện, phòng thí nghiệm, thực hành, hệ thống công nghệ thông tin, thiết bị, bổ sung tài liệu học tập.

Nhà trường thường xuyên kiểm tra, đánh giá việc sử dụng chung CSVC, cơ sở hạ tầng hiệu quả và tiết kiệm.

Các hoạt động giảng dạy, NCKH được tin học hóa sử dụng hệ thống thông tin điện tử và các phần mềm chuyên dụng.

Hệ thống công nghệ thông tin của Nhà trường được bảo trì và nâng cấp thường xuyên.

3. Điểm tồn tại

Việc bảo dưỡng định kỳ một số thiết bị thực hành chưa được thực hiện thường xuyên, do đó ảnh hưởng phần nào đến tuổi thọ và chất lượng sử dụng của trang thiết bị.

Giáo trình cho một số ngành đào tạo mới mở chưa đầy đủ, nguồn tài liệu phục vụ cho công tác đào tạo sau đại học còn hạn chế, chưa được cập nhật thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại tại	Thực hiện đầu tư mua thêm sách chuyên ngành đáp ứng yêu cầu đào tạo theo tiếp cận CDIO, Sau đại học.	Trung tâm TTTV, Phòng KHTC.	9/2019	12/2019
		Thực hiện bảo dưỡng định kỳ một số thiết bị thực hành thí nghiệm theo khuyến cáo của nhà cung cấp.	Trung tâm THPTN; Phòng QTĐT; Phòng KHTC.	9/2019	5/2020
		Triển khai khảo sát ý kiến của người dạy về việc sử dụng CSVN, cơ sở hạ tầng của Nhà trường	Phòng TCCB và QTĐT	9/2019	12/2019
		Xây dựng thêm phòng học trực tuyến hỗ trợ cho người dạy và người học.	Phòng QTĐT	9/2019	12/2019
		Thực hiện triển khai đề án Xây dựng hệ thống thông tin tổng thể quản trị nhà trường.	Trung tâm CNTT	9/2019	12/2019
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phát huy thực hiện quy định về việc sử dụng, bảo trì các tòa nhà, giảng đường, thư viện, phòng thí nghiệm, thực hành, hệ thống công nghệ thông tin, thiết bị, tài liệu học tập.	P. KHTC	9/2019	Hằng năm
		Thực hiện thường xuyên việc bảo trì duy tu các tòa nhà, giảng đường, thư	P. KHTC, P. QT&ĐT	9/2019	12/2019

	viện, phòng thí nghiệm, thực hành, hệ thống công nghệ thông tin, thiết bị, bổ sung tài liệu học tập.			
	Đẩy mạnh công tác giám sát việc sử dụng chung CSVC trong nhà trường hiệu quả và minh bạch.	P. KHTC, P. QT&ĐT, TT THPT, TT Thư viện	9/2019	12/2021
	Luôn duy trì và nâng cấp hệ thống mạng của Nhà trường.	Trung tâm CNTT	9/2019	12/2021

5. Tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 5.13.1				4			
Chỉ số 5.13.2				4			
Chỉ số 5.13.3				4			
Chỉ số 5.13.4				4			
Điểm tiêu chí 13	4.0						

Tiêu chí 14: Nguồn tài chính

1. Mô tả

5.14.1. Trường có nguồn thu đa dạng và hợp pháp từ các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và kế hoạch chiến lược của Trường.

Trường là đơn vị dự toán cấp 3, trực thuộc Bộ GD - ĐT. Trường có các giải pháp và kế hoạch tự chủ về tài chính, tạo được các nguồn thu hợp pháp bao gồm nguồn kinh phí Nhà nước cấp hằng năm, nguồn thu từ học phí và lệ phí, nguồn thu từ hoạt động NCKH, dịch vụ và các dự án. Phòng Kế hoạch - Tài chính đã tham mưu cho lãnh đạo nhà trường để xây dựng các văn bản, quy trình quản lý về tài chính phù hợp, nhờ đó, Nhà trường đã thực hiện việc quản lý, phân bổ và sử dụng tài chính một cách hợp lý cho các lĩnh vực hoạt động và đạt hiệu quả tốt. Hệ thống quản lý tài chính của Trường chặt chẽ, công khai, minh bạch, được tin học hóa và chuẩn hóa. Điều này đã được kiểm toán Nhà nước, Thủ tướng Chính phủ công nhận là đơn vị quản lý tốt công tác tài chính qua các đợt kiểm toán tại Trường [H5.05.14.1.01].

Trường Đại học Vinh, với quy mô lớn về số lượng ngành nghề đào tạo và lĩnh vực hoạt động: 6 Viện, 7 Khoa đào tạo, 2 trường trực thuộc (Trường Trung học phổ thông Chuyên và Trường Thực hành Sư phạm), 1 nhà xuất bản, 22 phòng, trung tâm, trạm và 2 văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Thanh Hóa. Để xây dựng và phát triển Nhà trường dài hạn, Nhà trường đã xây dựng chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2018 - 2025, tầm nhìn 2030. Trên cơ sở đó, hằng năm, Nhà trường xây dựng kế hoạch ngân sách cho năm sau và giai đoạn 3 năm kế tiếp; có báo cáo đánh giá kết quả thực hiện cuối năm học và năm tài chính.

Bên cạnh các nguồn thu về đào tạo, hoạt động nghiên cứu khoa học của Nhà trường ngày càng được chú trọng. Phòng Khoa học và hợp tác quốc tế, tư vấn cho Nhà trường nhiều hoạt động khoa học phù hợp, đáp ứng nhu cầu và sự phát triển thực tiễn của Nhà trường. Nhà trường đã thực hiện quy định của nhà nước về việc trích lập quỹ khoa học công nghệ, căn cứ chênh lệch thu chi năm tài chính để có nguồn kinh phí ổn định phục vụ công tác nghiên cứu khoa học [H5.05.14.1.02, H5.05.14.1.03]. Mặt khác, cán bộ giảng viên đã rất tích cực, chủ động trong việc tìm tòi, hợp tác với các cơ sở hoạt động khoa học công nghệ trong cả nước, để phối hợp thực hiện các nhiệm vụ khoa học, làm đa dạng các lĩnh vực nghiên cứu của nhà trường, mở rộng hơn nữa tên tuổi và hình ảnh của nhà trường, đội ngũ cán bộ giảng viên của nhà trường tham gia và chủ trì nhiều đề tài khoa học cấp Bộ, cấp tỉnh và cấp trường được áp dụng tốt vào đổi mới chương trình đào tạo... [H5.05.14.1.04].

Để đảm bảo nguồn thu ổn định trong dài hạn, nhà trường không ngừng đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, quảng bá, thu hút người học để nâng cao số lượng tuyển sinh hàng năm [H5.05.14.1.05, H5.05.14.1.06]. Đồng thời, Nhà trường chủ động nghiên cứu các văn bản, cập nhật chế độ để ban hành các văn bản về nội dung thu, định mức thu theo đúng quy định của Nhà nước ban hành [H5.05.14.1.07] về tất cả các lĩnh vực hoạt động trong Nhà trường. Nguồn thu của Nhà trường trong những năm gần đây được tương đối ổn định. Chênh lệch thu chi hàng năm được trích lập các quỹ theo quy định và được sử dụng để chi khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân có nhiều thành tích trong các hoạt động khoa học công nghệ hoặc các bài báo được đăng trên các tạp chí trong và ngoài nước [H5.05.14.1.08].

5.14.2. Nguồn thu từ các hoạt động quan hệ, hợp tác quốc tế được sử dụng nhằm tăng cường năng lực của Trường.

Hằng năm, Trường Đại học Vinh đào tạo hàng trăm sinh viên, học viên thuộc bậc đại học và sau đại học cho Lưu học sinh các nước Lào, Thái Lan. Lưu học sinh Lào gồm có diện tự do và diện do tỉnh Nghệ An giao chỉ tiêu đào tạo. Lưu học sinh Thái

Lan gồm các đối tượng dự do. Nguồn thu từ các đối tượng đào tạo này bao gồm học phí và tiền ở ký túc xá [H5.05.14.2.01].

Hoạt động quan hệ và hợp tác quốc tế trong nhà trường được duy trì nhiều năm qua đang ngày càng được quan tâm và mở rộng. Nhà trường có nhiều chương trình làm việc với các nước như: Lào, Thái Lan, ... để đưa ra các chương trình liên kết đào tạo, giao lưu văn hóa nhằm đẩy mạnh các mối quan hệ hợp tác quốc tế, tạo ra các cơ hội trong việc đào tạo và nghiên cứu quốc tế [H5.05.14.2.02].

Nhà trường sử dụng kinh phí thu được từ đào tạo lưu học sinh để tổ chức các hoạt động nâng cao chất lượng dạy học, bao gồm: chi biên soạn tài liệu giáo trình phục vụ học tập, chi thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học, chi sửa chữa, xây mới phòng học, đầu tư mua sắm cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, chi trả tiền đay vượt giờ cho giảng viên, ... nhằm đáp ứng nhu cầu dạy và học cho giảng viên và Lưu học sinh [H5.05.14.2.03].

2. Điểm mạnh

Nguồn thu của nhà trường rất đa dạng trên nhiều hoạt động.

Các nguồn thu từ bồi dưỡng các lớp ngắn hạn và dịch vụ khác tương đối ổn định.

Các khoản thu từ các hoạt động đào tạo bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học được hạch toán đầy đủ, rõ ràng trong báo cáo tài chính.

Nguồn thu từ đào tạo Lưu học sinh các năm tương đối ổn định, có xu hướng tăng nhe qua các năm gần đây.

Các nguồn thu của Nhà trường được tập trung về một đầu mối. Sau khi cân đối thu chi, phần kinh phí chênh lệch được trích lập vào các quỹ. Nhà trường sử dụng nguồn kinh phí này để đầu tư xây dựng giáo trình, chi thực hiện các nhiệm vụ khoa học công nghệ và chi xây dựng cơ sở vật chất, tài sản phục vụ dạy và học của Nhà trường.

3. Điểm tồn tại

Kết quả tuyển sinh trong những năm gần đây sut giảm nhiều so với trước vì nhiều nguyên nhân: xu thế học đại học thay đổi trên toàn quốc, việc định hướng nghề nghiệp của sinh viên thay đổi nhiều và mức cạnh tranh trong tuyển sinh giữa các trường trong và ngoài nước rất lớn, do đó, việc xây dựng kế hoạch hoạt động của nhà trường gặp khó khăn trong việc xác định nguồn thu từ học phí.

Các khoản thu từ hoạt động nghiên cứu khoa học chưa cao, nguồn thu từ hoạt động chuyển giao công nghệ chưa có và chưa có chiều hướng cải thiện.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục tồn tại	Thực hiện tốt hơn nữa các hình thức quảng bá tuyển sinh để nâng cao số lượng tuyển sinh.	Đảng ủy; Hội đồng trường; Ban giám hiệu P. KHTC; P. HCTH và các phòng, ban trung tâm phụ trách công tác đào tạo.	01/9/2019	Hằng năm
		Xây dựng các nhóm nghiên cứu, nghiên cứu mạnh để nâng cao hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và từ đó nâng cao nguồn thu từ khoa học và công nghệ.	Đảng ủy; Hội đồng trường; Ban giám hiệu P. KHTC; P. KH&HTQT.	01/9/2019	Hằng năm
		Xây dựng các chính sách linh hoạt, các chương trình đặc thù trong đào tạo lưu học sinh để bù đắp <u>mặt</u> tồn tại về khí hậu, nhằm thu hút lưu học sinh.	Đảng ủy; Hội đồng trường; Ban giám hiệu P. KHTC; P. KH&HTQT.	01/9/2019	Hằng năm
2.	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phát huy và duy trì các điểm mạnh đã có	Đảng ủy; Hội đồng trường; Ban giám hiệu P. KHTC.	01/9/2019	Hằng năm
		Dựa vào lợi thế về mặt địa lý; Tiếp tục tăng cường giao lưu, xây dựng mối quan hệ tốt đẹp với nước bạn Lào để thu hút lưu học sinh.	Đảng ủy; Hội đồng trường; Ban giám hiệu P. KHTC; P. KH&HTQT.	01/9/2019	Hằng năm
		Tiếp tục sử dụng các quỹ để đầu tư về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy và học để tăng cường năng lực nghiên cứu cho giảng viên và lưu học sinh.	Đảng ủy; Hội đồng trường; Ban giám hiệu P. KHTC; P. KH&HTQT.	01/9/2019	Hằng năm

5. Tự đánh giá:

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 5.14.1					5		
Chỉ số 5.14.2					5		
Điểm tiêu chí 14	5.0						

Tiêu chí 15: Nguồn nhân lực

1. Mô tả

5.15.1. Chính sách tuyển dụng, phát triển nguồn nhân lực và khen thưởng, kỷ luật gắn kết với sứ mạng, tầm nhìn và kế hoạch chiến lược.

Trường Đại học Vinh xác định công tác tuyển dụng, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên, quy hoạch bổ nhiệm cán bộ quản lý là nhiệm vụ vô cùng quan trọng, có ảnh hưởng đến việc thực hiện thành công sứ mạng và mục tiêu phát triển của Nhà trường. Xây dựng chiến lược phát triển đội ngũ gắn liền với Chiến lược phát triển Trường, từ chiến lược này để xây dựng các kế hoạch phát triển dài hạn, trung hạn và chỉ tiêu nhiệm vụ cụ thể hàng năm [H5.5.15.1.01].

Việc tuyển dụng cán bộ đều xuất phát từ nhu cầu của các đơn vị; kế hoạch tuyển dụng được đơn vị đề xuất thông qua Chi bộ, Đảng bộ, sau đó đề nghị Nhà trường phê duyệt. Quy trình tuyển dụng được tổ chức chặt chẽ, do vậy, Nhà trường không chỉ tuyển được những sinh viên tốt nghiệp loại khá, giỏi, xuất sắc do Trường đào tạo mà còn tuyển được những sinh viên tốt nghiệp loại khá, giỏi, xuất sắc do các trường khác đào tạo như Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Kinh tế Quốc dân, Đại học Nông nghiệp, Đại học Sư phạm Hà Nội... Việc sắp xếp, bố trí cán bộ mới được tuyển dụng đều theo đúng chuyên môn, chuyên ngành được đào tạo [H5.5.15.1.02].

Nhà trường đã ban hành và triển khai thực hiện tốt Quy định tiêu chuẩn tuyển chọn cán bộ, công chức, viên chức vào công tác tại Trường. Quy định này đảm bảo cho quá trình tuyển dụng được thực hiện chặt chẽ, minh bạch, dân chủ, công khai [H5.5.15.1.03].

5.15.2. Trường có chiến lược và kế hoạch tuyển dụng, sử dụng đội ngũ minh bạch, cạnh tranh và hiệu quả để phát triển các nhà giáo dục xuất sắc.

Nhà trường luôn tạo điều kiện thuận lợi và đã ban hành các chính sách, biện pháp cụ thể nhằm khuyến khích đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ trong và ngoài nước. Ngoài ra, Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường quy định rõ về hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, thanh toán, hỗ trợ cán bộ, giảng viên tham gia các đợt tập huấn, bồi dưỡng nâng cao trình độ, chuyên

môn, nghiệp vụ. Nhà trường cũng có chính sách động viên, tạo điều kiện cho giảng viên tìm kiếm tài trợ cho việc phát triển năng lực chuyên môn của mình, ví dụ như quy định về việc khen thưởng các công trình khoa học tiêu biểu, khen thưởng những cán bộ, viên chức của Trường có các công bố khoa học quốc tế...[H5.5.15.2.01].

Trình độ, năng lực của nguồn nhân lực của trường được cải thiện liên tục và được Nhà trường thể hiện qua Quy chế về công tác cán bộ công khai trong toàn trường. Nhà trường đã ban hành và triển khai thực hiện tốt Quy định tiêu chuẩn tuyển chọn cán bộ, công chức, viên chức vào công tác tại Trường. Quy định này đảm bảo cho quá trình tuyển dụng được thực hiện chặt chẽ, minh bạch, dân chủ, công khai [H5.5.15.2.02].

Nhà trường còn có các hình thức khen thưởng nhằm phát triển các nhà giáo dục xuất sắc thể hiện trong Quy chế chi tiêu nội bộ được ban hành và điều chỉnh, bổ sung hằng năm cho phù hợp với thực tế. Đối với những cán bộ được cử đi học nâng cao trình độ hoàn thành chương trình đào tạo trước thời hạn từ 3 tháng trở lên được xem xét nâng lương trước thời hạn 1 năm, tạo động lực để cán bộ, giảng viên tích cực học tập, nghiên cứu hoàn thành sớm chương trình học tập để trở về cống hiến cho Nhà trường [H5.5.15.2.03].

5.15.3. Trường có chính sách và kế hoạch đảm bảo chất lượng trong cơ chế tuyển dụng và sử dụng giảng viên thỉnh giảng.

Trường hiện có 2 viện, 3 khoa, 1 phòng và 2 trường trực thuộc (Trường Trung học phổ thông Chuyên và Trường Thực hành Sư phạm) đào tạo học sinh, sinh viên, học viên và nghiên cứu sinh các ngành sư phạm, 01 Trung tâm Bồi dưỡng NVSP. Trong đó, tất cả các hệ đào tạo của Nhà trường đều có nhu cầu sử dụng giảng viên thỉnh giảng. Việc mời giảng viên thỉnh giảng được Nhà trường giao cho các tổ bộ môn chuyên ngành khi xây dựng đề cương môn học [H5.5.15.3.01].

Hằng năm, Ban chấp hành, Ban thường vụ Đảng ủy trường thực đều xây dựng, phê duyệt Quy hoạch chức danh lãnh đạo, quản lý các tổ chức đảng, đoàn thể, lãnh đạo quản lý các cấp. Nhà trường có chiến lược về công tác cán bộ, có quy trình, tiêu chuẩn và tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên rõ ràng, minh bạch để thực hiện kế hoạch phát triển đội ngũ hiệu quả. Hiệu quả của chiến lược phát triển đội ngũ và kế hoạch thường niên về công tác cán bộ được đánh giá đầy đủ, thường xuyên [H5.5.15.3.02].

Nhà trường đã tiến hành quy hoạch chức danh nghề nghiệp cho cán bộ ở các đơn vị [H5.5.15.3.03].

Nhà trường đã tổ chức các lớp học nâng cao trình độ ngoại ngữ cho cán bộ theo đề án 2020 và chương trình đề án nâng cao năng lực của ETEP [H5.5.15.3.04].

Ngoài ra, Nhà trường còn có những quy định cụ thể để xử lý các trường hợp vi phạm do không hoàn thành nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng do Nhà trường cử đi. [H5.5.15.3.05].

Nhà trường đã có chính sách và biện pháp cụ thể về thời gian, kinh phí để hỗ trợ, động viên, khuyến khích đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ở trong và ngoài nước [H5.5.15.3.06].

Nhà trường cũng đã tổ chức lấy ý kiến của các bên liên quan đánh giá về chất lượng của các giảng viên theo các ngành đào tạo [H5.5.15.3.07].

Nhà trường có những chính sách rõ ràng để động viên, khuyến khích cán bộ, giảng viên tham gia nghiên cứu khoa học, cụ thể có cơ chế, chính sách khen thưởng đối với những cán bộ giảng viên có các bài báo, công trình nghiên cứu đăng trên các tạp chí uy tín trong nước và quốc tế. Có chính sách khen thưởng đối với những giảng viên hoàn thành các chương trình đào tạo Thạc sĩ, Tiến sĩ thứ hai [H5.5.15.3.08].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã có chính sách và biện pháp cụ thể về thời gian, kinh phí để hỗ trợ, động viên, khuyến khích đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ở trong và ngoài nước.

Nhà trường cũng đã tổ chức lấy ý kiến của các bên liên quan đánh giá về chất lượng của các giảng viên theo các ngành đào tạo.

3. Điểm tồn tại

Chưa đưa ngoại ngữ là một tiêu chí xét thi đua hằng năm để tăng thêm động lực cho cán bộ, giảng viên học ngoại ngữ.

Việc trao đổi học thuật trong đào tạo và NCKH với nước ngoài chưa được mở rộng do nhiều cán bộ, giảng viên còn hạn chế về ngoại ngữ.

Nhà trường chưa có chính sách và kế hoạch đảm bảo chất lượng trong cơ chế tuyển dụng mà chỉ mời giảng viên thỉnh giảng, do đó chưa thực sự có tính ràng buộc về mặt pháp lý, nên đôi khi sẽ bị phụ thuộc về mặt thời gian với giảng viên thỉnh giảng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục tồn tại	Nâng cao trình độ ngoại ngữ của cán bộ, mở rộng hợp tác khoa học với nước ngoài	P. TCCB	9/2019	Hằng năm

		Đưa kết quả đánh giá năng lực ngoại ngữ là một tiêu chí xét thi đua hằng năm để tăng thêm động lực cho cán bộ, giảng viên học ngoại ngữ	P. TCCB	9/2019	Hằng năm
		Tiến hành triển khai thực hiện cải tiến chất lượng sau khảo sát	P. TCCB	9/2019	9/2020
		Xây dựng chính sách về tuyển dụng và sử dụng giảng viên thỉnh giảng	P. TCCB; Phòng ĐT Sau đại học	9/2019	03/2020
2.	Phát huy điểm mạnh	Đẩy mạnh chính sách và các biện pháp hỗ trợ CB, GV trong công tác chuyên môn, nghiệp vụ.	Đảng ủy; Hội đồng trường; Ban giám hiệu P. KHTC.	01/9/2019	Hằng năm

5. Tự đánh giá:

Chỉ số	Thang đánh giá						
	1	2	3	4	5	6	7
Chỉ số 5.15.1				4			
Chỉ số 5.15.2				4			
Chỉ số 5.15.3				4			
Điểm tiêu chí 15	4.0						

TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHUẨN 5

STT	Tiêu chí	Mức đánh giá
1	Tiêu chí 12	4.0
2	Tiêu chí 13	4.0
3	Tiêu chí 14	5.0
4	Tiêu chí 15	4.0
ĐIỂM TIÊU CHUẨN		4.25

Tiêu chuẩn 6

HỖ TRỢ DẠY HỌC

Tiêu chí 16: Hỗ trợ, bồi dưỡng giảng viên

1. Mô tả

6.16.1. Trường có hệ thống hỗ trợ giảng viên tập sự và giảng viên mới.

Hàng năm, căn cứ vào Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2017 - 2025, tầm nhìn đến 2035, các đơn vị trong toàn Trường xây dựng kế hoạch năm học, trong đó nêu cụ thể nhu cầu tuyển dụng nhân sự. Trên cơ sở tổng hợp nhu cầu tuyển dụng của các đơn vị, đối chiếu với chiến lược phát triển cán bộ của từng giai đoạn, Nhà trường xây dựng Kế hoạch tuyển dụng cán bộ một cách cụ thể, rõ ràng và phù hợp với nhu cầu thực tế của Nhà trường, đáp ứng các yêu cầu về trình độ, chuyên môn [H6.16.1.01, H6.16.1.02].

Nhà trường cũng đã có chính sách tuyển thẳng những sinh viên tốt nghiệp loại xuất sắc ở lại làm việc tại Trường [H6.16.1.03] [H6.16.1.04]

Nhà trường có quy định cụ thể nhiệm vụ, yêu cầu, các chế độ, quyền lợi được hưởng trong thời gian tập sự trong Quy chế công tác cán bộ [H6.16.1.05]. Cụ thể, Giảng viên tập sự được hướng dẫn bởi viên chức có chức danh nghề nghiệp bằng hoặc cao hơn, có năng lực, kinh nghiệm về chuyên môn, nghiệp vụ và khả năng hướng dẫn người tập sự. Giảng viên tập sự được giao cho bộ môn hướng dẫn một cách chi tiết, bài bản giúp trau dồi kiến thức và rèn luyện năng lực, kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ. Trong thời gian tập sự, giảng viên có ít nhất 03 lần dự giờ đánh giá của bộ môn, khoa/viện và Nhà trường và được miễn giảm 50% định mức giờ chuẩn [H6.16.1.06] [H6.16.1.07]. Ngoài ra, đối với giảng viên có thời gian công tác và đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc đúng ngành cần tuyển tại các cơ sở giáo dục đại học có uy tín từ 12 tháng trở lên sẽ được miễn chế độ tập sự [H6.16.1.08]. Trong thời gian tập sự, Nhà trường ưu tiên cử giảng viên tập sự đi bồi dưỡng các chứng chỉ Nghiệp vụ sư phạm, ngoại ngữ, tin học... giúp giảng viên tập sự nâng cao trình độ chuyên môn, đồng thời tích lũy đủ các điều kiện của chức danh nghề nghiệp theo đúng quy định [H6.16.1.09]. Trường hợp Giảng viên tập sự đi học trình độ Tiến sĩ hoặc đi học theo diện học bổng, Nhà trường có chế độ hỗ trợ trong thời gian đào tạo như những giảng viên chính thức [H6.16.1.10].

Đối với giảng viên mới, Nhà trường luôn khuyến khích và tạo điều kiện để giảng viên học tập, nâng cao trình độ. Giảng viên mới cũng được hưởng các chính sách lương, thưởng, hỗ trợ về đào tạo, bồi dưỡng như một giảng viên chính thức, được

quy định cụ thể tại Điều 29 Quy chế chi tiêu nội bộ như: các khoản phúc lợi, hỗ trợ học phí, hỗ trợ hàng tháng, phí đi lại, miễn giảm giờ dạy, thưởng khi bảo vệ thành công luận án thạc sĩ, tiến sĩ, ... [H6.16.1.11].

Sau khi được tuyển dụng, Giảng viên tập sự và giảng viên mới được sử dụng các cơ sở vật chất như: phòng làm việc, giảng đường, thư viện,...như một giảng viên chính thức [H6.16.12]. Giảng viên mới có trình độ tiến sĩ được nhà trường cấp máy tính xách tay phục vụ công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học bình đẳng như những giảng viên có thời gian công tác lâu năm tại trường [H6.16.1.13].

Hàng năm, Nhà trường đều tổ chức các cuộc thi như “Giảng viên trẻ dạy giỏi”, “Nghịệp vụ sư phạm”... và được các giảng viên hưởng ứng và tham gia rất tích cực, góp phần tạo nên phong trào thi đua dạy và học trong giảng viên, giúp giảng viên không ngừng phấn đấu trau dồi năng lực, trình độ [H6.16.1.14]. Giải thưởng của các Hội thi được quy định cụ thể tại Phần V, Phụ lục IV của Quy chế chi tiêu nội bộ.[H6.16.1.15]. Đặc biệt, Hội nghị cán bộ trẻ được tổ chức hàng năm là nơi để Giảng viên mới và Giảng viên tập sự được trao đổi, học tập kinh nghiệm và được trực tiếp đối thoại với lãnh đạo Nhà trường, được lãnh đạo Nhà trường lắng nghe, trả lời những ý kiến trao đổi trong các mặt chuyên môn, đào tạo, bồi dưỡng cũng như chế độ chính sách [H6.16.1.16].

Bằng nhiều giải pháp tích cực, giảng viên được giới thiệu và được định hướng phát triển nghề nghiệp tại trường, cho cả giảng viên tập sự, giảng viên mới và giảng viên lâu năm. Kế hoạch tuyển dụng viên chức hàng năm của Nhà trường xác định rõ các vị trí việc làm và yêu cầu, điều kiện tiêu chuẩn rõ ràng đối với chức danh giảng viên. Kế hoạch tuyển dụng, thông báo tuyển dụng được xem là việc giới thiệu và định hướng phát triển nghề nghiệp đầu tiên cho giảng viên [H6.16.1.17]. Khi giảng viên lựa chọn trường Đại học Vinh để làm việc. Giảng viên được bố trí việc làm phù hợp với trình độ, với chuyên ngành đào tạo và được Nhà trường tao mọi điều kiện thuận lợi về vật chất, trang thiết bị dạy học, môi trường...để phát nghề nghiệp [H6.16.1.18]. Trong quá trình công tác, giảng viên được Nhà trường hỗ trợ về đào tạo, bồi dưỡng nhằm bồi dưỡng năng lực chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, hành vi, thái độ, trình độ... giúp giảng viên tích lũy đủ các điều kiện để tham gia xét (thi) thăng hạng chức danh nghề nghiệp cao hơn hoặc được bổ nhiệm chức danh Giáo sư, Phó Giáo sư theo đúng quy định của Bộ, ngành và quy định của Nhà trường [H6.16.1.19].

Giảng viên tập sự và Giảng viên mới luôn là đối tượng được Nhà trường quan tâm, bồi dưỡng. Đó là nguồn nhân lực quan trọng trong việc phát triển Nhà trường trong tương lai.

6.16.2. Giảng viên được khuyến khích và thực hiện vai trò là người hướng dẫn một cách hiệu quả.

Nhà trường tạo mọi điều kiện về chính sách nhằm động viên và khuyến khích giảng viên thực hiện là người hướng dẫn hiệu quả.

Nhà trường từng bước xây dựng, bổ sung và hoàn thiện chương trình đào tạo phù hợp với vai trò hướng dẫn của giảng viên. Trên cơ sở chương trình đào tạo mới, Nhà trường tăng cường các phương pháp dạy học tích cực theo hướng tiếp cận năng lực (dạy học theo đề án) trong đó cốt lõi là giảng viên hướng dẫn sinh viên thực hiện các thao tác tự chiếm lĩnh tri thức, xây dựng chương trình dạy học theo đề án, theo hướng tiếp cận CDIO. [H6.16.2.01].

Nhà trường thường xuyên đầu tư nâng cấp, bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học như: phòng học, phòng thực hành, thực tập, thư viện, phòng đọc, sân chơi ... phù hợp với vai trò hướng dẫn của giảng viên. Giúp giảng viên linh hoạt, chủ động trong vai trò là người hướng dẫn [H6.16.2.02]. Nhà trường cũng xây dựng được hệ thống chính sách, chế độ khen thưởng nhằm khuyến khích giảng viên trong quá trình cải tiến và sử dụng phương pháp dạy học hiệu quả [H6.16.2.03]. Đồng thời, không ngừng cải tiến các phương thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên một cách công bằng, khách quan và chính xác. Sử dụng kết quả đánh giá sinh viên làm căn cứ quan trọng trong đánh giá phương pháp dạy học của giảng viên [H6.16.2.04].

Để giảng viên thực hiện tốt vai trò là người hướng dẫn hiệu quả, Nhà trường thường xuyên tổ chức các cuộc tập huấn, hội thảo về đổi mới, cải tiến phương pháp dạy học [H6.16.2.05]; thành lập Ban CDIO và mời chuyên gia đến từ Mỹ, mời chuyên gia của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về đào tạo theo hướng tiếp cận CDIO, xây dựng kế hoạch và thực hiện chuỗi kế hoạch làm việc với GS Mỹ về tập huấn cho giảng viên dạy học theo tiếp cận CDIO [H6.16.2.06].

Nhà trường cử giảng viên tham gia các hội nghị, hội thảo trong ngoài nước, ưu tiên các giảng viên có bài tham luận tại các hội thảo [H6.16.2.07]; khuyến khích giảng viên đăng ký thao giảng cấp trường, đặc biệt là các giờ dạy theo tiếp cận CDIO, tổ chức sinh hoạt seminar nhằm trao đổi, góp ý cho giảng viên... thông qua các hoạt động này giảng viên được huấn luyện để trở thành người hướng dẫn hiệu quả, giúp sinh viên từng bước chiếm lĩnh tri thức một cách chủ động và phát huy được năng lực của bản thân [H6.16.2.08].

6.16.3. Lãnh đạo trường cam kết và triển khai kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên nhằm nâng cao nhận thức và tăng cường năng lực chuyên môn của đội ngũ giảng viên, gắn kết với thực tế trong các trường phổ thông.

Thực hiện chủ trương của Đảng, của Nhà nước, Bộ Giáo dục và Đào tạo về đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục Việt Nam theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã

hội hóa, dân chủ hóa và hội nhập quốc tế, trong đó, đổi mới cơ chế quản lý giáo dục, phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục là khâu then chốt [H6.16.3.01, H6.16.3.02, H6.16.3.03, H6.16.3.04]. Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường luôn quan tâm và có nhiều chủ trương trong việc xây dựng kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên cho giảng viên [H6.16.3.05, H6.16.3.06].

Trên cơ sở chủ trương của Đảng ủy về bồi dưỡng thường xuyên thường xuyên, Nhà trường tổ chức khảo sát nhu cầu bồi dưỡng thường xuyên của giảng viên, xây dựng kế hoạch và chương trình bồi dưỡng phù hợp [H6.16.3.07, H6.16.3.08, H6.16.3.09, H6.16.3.10, H6.16.3.11, H6.16.3.12].

Nhà trường đặc biệt chú trọng nâng cao nhận thức và tăng cường năng lực chuyên môn của đội ngũ giảng viên, gắn kết với thực tế trường phổ thông qua các hoạt động như: thường xuyên mở các lớp Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm [H6.16.3.13; điều động giảng viên tham gia giảng dạy tại các trường phổ thông [H6.16.3.14]; khuyến khích giảng viên xuống trường phổ thông dự giờ, trao đổi kinh nghiệm; cử giảng viên đi thực tế, hướng dẫn sinh viên đi thực tập, thực tế phổ thông [H6.16.3.15, H6.16.3.16].

Thông qua tổ chức tăng cường dự giờ giảng của những Giảng viên giỏi, Nhà trường đã nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của việc bồi dưỡng năng lực sư phạm cho đội ngũ giảng viên, giúp các giảng viên khác có cơ hội được trao đổi, học hỏi kinh nghiệm dạy học và nghiên cứu. Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng, tự đào tạo và đào tạo lại đối với đội ngũ giảng viên nhằm nâng cao chất lượng của giảng viên cả về năng lực chuyên môn lẫn kiến thức, nghiệp vụ sư phạm. Trường Đại học Vinh có điểm thuận lợi là có đủ các cấp học từ mầm non đến đại học. Vì vậy, giảng viên có cơ hội được học tập tại trường và thường xuyên được tiếp xúc, tìm hiểu thực tế và học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau [H6.16.3.17].

Nhà trường đã thực hiện quy định mỗi giảng viên bắt buộc ít nhất 01 giờ thao giảng/học kỳ, kết quả đánh giá giờ thao giảng được đưa vào xem xét thi đua.

Giảng viên thường xuyên được tham gia hội nghị, hội thảo khoa học nhằm trao đổi kinh nghiệm giảng dạy. Nhà trường luôn quan tâm chọn cử giảng viên giỏi tham gia bồi dưỡng, hội nghị, hội thảo, trao đổi chương trình đào tạo, trao đổi chuyên môn, hợp tác khoa học... ở nước ngoài [H6.16.3.18].

Nhà trường có nhiều chính sách nhằm khuyến khích các giảng viên tự học, tự bồi dưỡng thường xuyên nhằm nâng cao năng lực giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Đặc biệt, tăng cường dẩy mạnh công tác bồi dưỡng ngoại ngữ cho giảng viên: đối với những giảng viên học và thi được cấp chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Anh theo tiêu chuẩn quốc tế được thưởng 3.000.000 đồng và có thể được cử đi học nước ngoài nếu có

nguyện vọng [H6.16.3.19]. Đồng thời, liên tục mở các lớp bồi dưỡng ngoại ngữ cho giảng viên [H6.16.3.20, H6.16.3.21]. Kết bồi dưỡng nâng cao năng lực Tiếng Anh được Nhà trường đưa vào tiêu chí xếp loại thi đua cuối năm [H6.16.3.21].

Nhà trường thường xuyên nâng cấp, cải thiện cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, đáp ứng nhu cầu bồi dưỡng và tự bồi dưỡng cho giảng viên [H6.16.3.22]

Nhà trường luôn cập nhật các văn bản của Nhà nước về các yêu cầu, điều kiện, tiêu chuẩn của Giảng viên để từ đó tổ chức các lớp bồi dưỡng nhằm cải tiến trình độ, năng lực và bổ sung hoàn thiện các điều kiện về tiêu chuẩn cho Giảng viên như nghiệp vụ sư phạm, ngoại ngữ, tin học,... Vì vậy, đội ngũ giảng viên của Trường Đại học Vinh luôn đáp ứng được các điều kiện tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, vị trí việc làm [H6.16.3.23].

6.16.4. Trường hỗ trợ giảng viên sử dụng hiệu quả các phương pháp giảng dạy thích hợp cho chương trình bồi dưỡng thường xuyên.

Nhà trường đẩy mạnh tuyên truyền, động viên, khuyến khích giảng viên sử dụng hiệu quả các phương pháp giảng dạy thích hợp cho chương trình bồi dưỡng thường xuyên, đặc biệt là các phương pháp giảng dạy thực nghiệm.

Để phát huy có hiệu quả phương pháp giảng dạy của giảng viên, Nhà trường đã có những hỗ trợ cụ thể như: đổi mới chương trình đào tạo theo hướng tiếp cận CDIO [H6.16.4.01], ban hành Quyết định dạy học theo tiếp cận CDIO và kế hoạch phát triển chương trình đào tạo tiếp cận CDIO 2018 - 2023 [H6.16.4.02].

Bằng nhiều hình thức khác nhau, Nhà trường luôn tạo cơ hội cho giảng viên liên tục cập nhật các phương pháp giảng dạy mới, hiện đại: cử cán bộ tham gia các lớp bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm, phương pháp giảng dạy phù hợp với chương trình giáo dục mới [H6.16.4.03]; khuyến khích giảng viên tham gia các cuộc tập huấn, hội thảo trong và ngoài nước về các mô hình đào tạo theo tiếp cận khoa học và hiện đại; tập huấn và nâng cao năng lực cho giảng viên [H6.16.4.04].

Nhằm tăng cường chuyên môn và hỗ trợ hiệu quả cho giảng viên sử dụng hiệu quả các phương pháp giảng dạy thích hợp cho chương trình bồi dưỡng thường xuyên, nhà trường đã điều động các giảng viên xuống trường Trung học phổ thông chuyên, trường Thực hành sư phạm để sinh hoạt chuyên môn, giảng dạy và nghiên cứu khoa học, gắn kết thực hành với lý thuyết, nhanh chóng chuyển giao phương pháp giảng dạy mới xuống các trường phổ thông [H6.16.4.05].

Nhà trường hỗ trợ giảng viên sử dụng các biện pháp giảng dạy thực nghiệm trong bồi dưỡng thường xuyên bằng cách đầu tư xây dựng và nâng cấp hệ thống phòng

thực hành - thí nghiệm đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo và cũng như nghiên cứu khoa học của cán bộ, giảng viên. Đảm bảo về trang thiết bị phục vụ THPTN, nghiên cứu tại các phòng THPTN. Hiện tại, Trường có 118 phòng thí nghiệm trong đó có 73 phòng thực hành, các phòng thí nghiệm được thiết kế đúng tiêu chuẩn phòng thí nghiệm. Các phòng thí nghiệm, thực hành còn lại đã được bố trí đáp ứng đủ về mặt bằng sử dụng, hệ thống điện nước... 100% phòng thí nghiệm, thực hành là nhà kính, được lắp hệ thống hút khí độc đối với các phòng thí nghiệm Hóa, Sinh; một số phòng cần thiết đã được lắp hệ thống điều hòa không khí. Trong những năm qua, hoạt động NCKH tại các phòng thí nghiệm, thực hành của Trường Đại học Vinh đạt được kết quả tốt và được đánh giá cao [H6.16.4.06].

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch sử dụng có hiệu quả hệ thống phòng thí nghiệm hiện có phục vụ cho NCKH của giảng viên [H6.16.4.07]. Đồng thời, thường xuyên tổ chức tập huấn cho CBVC sử dụng máy móc, thiết bị của phòng THPTN [H6.16.4.08].

Nhà trường cũng khen thưởng kịp thời các giảng viên có thành tích cao trong quá trình dạy học và nghiên cứu khoa học; động viên và tao mọi điều kiện thuận lợi cho giảng viên phát huy tối đa khả năng của bản thân trong việc sử dụng hiệu quả các phương pháp giảng dạy thích hợp cho chương trình bồi dưỡng thường xuyên [H6.16.4.09].

Hàng năm, Nhà trường tổ chức đánh giá, xếp loại giảng viên căn cứ vào kết quả giảng viên có kế hoạch tự cải tiến và hoàn thiện chuyên môn cũng như thái độ [H6.16.4.10]. Đồng thời khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan, trong đó nòng cốt là khảo sát ý kiến sinh viên đánh giá giảng viên [H6.16.4.11].

Thông qua các hoạt động dự giờ, thăm lớp, tổ chức seminar khoa học để ngày càng nâng cao chất lượng dạy học của giảng viên [H6.16.4.12].

Tổ chức rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên, tổ chức các hội thi giảng viên trẻ dạy giỏi nhằm khích lệ, động viên giảng viên trau dồi chuyên môn, nghiệp vụ, cải tiến phương pháp giảng dạy... [H6.16.4.13].

6.16.5. Trường tạo cơ hội chuyên nghiệp hóa cho đội ngũ giảng viên để đáp ứng các nhu cầu đặc biệt, tiếp cận các vấn đề giáo dục và các vấn đề xã hội có tác động đến các hoạt động sư phạm.

Trước yêu cầu “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế” và tự chủ đại học, Trường Đại học Vinh đã tập trung nâng cao trình độ, năng lực của đội ngũ cán bộ, giảng viên, giúp giảng viên có cơ hội

chuyên nghiệp hóa, tiếp cận các vấn đề giáo dục và các vấn đề xã hội có tác động đến các hoạt động sư phạm. Nhà trường đã phát huy mọi nguồn lực, thực hiện tốt các chính sách, chế độ đãi ngộ, bảo đảm điều kiện làm việc và sinh hoạt đối với giảng viên sư phạm cả về thời gian và kinh phí cho giảng viên đi học nâng cao trình độ tin học và ngoại ngữ [H6.6.16.5.01]. Nhà trường chú trọng bồi dưỡng giảng viên về trình độ chuyên môn nghiệp vụ và phương pháp, năng lực sư phạm bằng cách cử cán bộ, giảng viên sư phạm đi đào tạo, bồi dưỡng tại cơ sở của Trường cũng như các cơ sở giáo dục trong và ngoài nước [H6.6.16.5.2]. Nhà trường đã tạo điều kiện mở các lớp bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp “Giảng viên cao cấp, Giảng viên chính” cho các đối tượng giảng viên có kinh nghiệm thời gian công tác trên 10 năm đã được bổ nhiệm chức danh giảng viên hạng I, giảng viên hạng II [H6.6.16.5.03]. Đối với đối tượng tập sự ngoài việc cử cán bộ hướng dẫn Nhà trường đã tạo điều kiện mở các lớp “nghiệp vụ sư phạm cho ngạch giảng viên” [H6.6.16.5.04]. Nhà trường đã tổ chức cho đội ngũ giảng viên sư phạm có kinh nghiệm đi tập huấn, giao lưu học hỏi các chương trình đào tạo tiếp cận CDIO [H6.6.16.05], tổ chức nhiều cuộc hội thảo giữa giảng viên của Trường với các cơ sở giáo dục đại học đang triển khai chương trình đào tạo tiếp cận CDIO [H6.6.16.5.06].

Nhà trường chú trọng các hình thức sinh hoạt chuyên môn ở các bộ môn, tạo cơ hội cho giảng viên phát huy sức sáng tạo, trao đổi, rèn luyện nghiệp vụ, phương pháp sư phạm một cách thường xuyên, chủ động [H6.6.16.5.07]. Nhà trường có kế hoạch cụ thể, tạo điều kiện thuận lợi cho giảng viên trẻ giảng tập, giảng thử, tổ chức dự giờ thăm lớp, bồi dưỡng kỹ năng lên lớp, phát huy kỹ năng mềm trong hoạt động giảng dạy [H6.6.16.08]. Nhằm tiếp cận chương trình giáo dục mới, Nhà trường đã tổ chức cho giảng viên tham gia các cuộc hội thảo do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức hoặc đi học tập kinh nghiệm của các cơ sở giáo dục khác [H6.6.16.5.09].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã có kế hoạch hỗ trợ giảng viên tập sự, giảng viên mới hoàn thiện các chứng chỉ cần thiết trong quá trình tập sự như: chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm, chứng chỉ tin học.

Nhà trường có đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn cao, yêu nghề, tận tâm với công việc, năng động và dám đổi mới; có cơ sở vật chất tốt đáp ứng các yêu cầu về đổi mới phương pháp giảng dạy của giảng viên và cách tiếp cận chương trình của sinh viên trong chiếm lĩnh tri thức. Nhà trường thành lập Ban CDIO để hỗ trợ các giảng viên về đào tạo theo hướng tiếp cận CDIO về phương pháp dạy học mới theo hướng tiếp cận năng lực.

Kế hoạch bồi dưỡng cụ thể, phù hợp với tình hình thực tế của Nhà trường và các quy định của Nhà nước và trên cơ sở khảo sát nhu cầu giảng viên. Trường Đại học Vinh là có điều kiện thực hiện hầu hết các hình thức và chương trình bồi dưỡng giảng viên. Nhà trường quan tâm cử giảng viên tham gia hội thảo, hội nghị trong và ngoài nước để giảng viên được học tập, trao đổi kinh nghiệm và có nhiều chế độ chính sách hỗ trợ giảng viên trong thời gian đào tạo bồi dưỡng.

Có cơ sở vật chất tốt, có hệ thống phòng thí nghiệm hiện đại, không gian học tập mới đáp ứng các yêu cầu về đổi mới phương pháp giảng dạy của giảng viên và cách tiếp cận chương trình của sinh viên trong chiếm lĩnh tri thức, đặc biệt là các giảng viên dạy thực hành thí nghiệm, thực nghiệm. Nhà trường đã xây dựng được kế hoạch sử dụng có hiệu quả hệ thống không gian học tập và hệ thống phòng thí nghiệm hiện phục vụ cho dạy học theo đồ án và từng bước tiếp cận CDIO.

Trường có đủ phòng làm việc với đầy đủ trang thiết bị phục vụ cho giảng viên theo qui định; thường xuyên tổ chức các hội thi nghiệp vụ sư phạm, giảng viên trẻ dạy giỏi tạo phong trào thi đua day tốt trong giảng viên; Nhà trường đã có các chính sách cụ thể hỗ trợ giảng viên mới trong đào tạo, bồi dưỡng; Giảng viên được tạo điều kiện thuận lợi trong việc tham gia các hội thảo, hội nghị trong và ngoài nước để học tập, nâng cao trình độ; đội ngũ giảng viên của Trường luôn được tiếp cận các vấn đề mới của giáo dục và các vấn đề xã hội có tác động đến các hoạt động sư phạm.

3. Điểm tồn tại

Chưa triển khai bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giảng viên hạng III.

Phương pháp dạy học mới theo tiếp cận CDIO còn khá mới mẻ nên chưa đi sâu vào nhận thức của một số giảng viên.

Công tác bồi dưỡng đang hướng tới những vấn đề chung nhất cho các loại hình cán bộ mà chưa tính tới đặc thù của giảng viên sư phạm. Nội dung bồi dưỡng còn nặng về bồi dưỡng thức chuyên môn, nghiệp vụ mà chưa coi trọng việc rèn luyện các kỹ năng. Số giảng viên đủ điều kiện tham gia bồi dưỡng, tập huấn, hội nghị, hội thảo... ở nước ngoài còn thấp.

Các phương pháp dạy học trong bồi dưỡng thường xuyên chưa có sự tiến bộ vượt bậc: nặng về thuyết trình, lý thuyết mà thiếu các hoạt động trải nghiệm, giao lưu, trao đổi giữa các trường đại học sư phạm, thiếu các hoạt động thực tế tại các trường phổ thông.

Chưa có nhiều chính sách đãi ngộ nhân tài. Năng lực ngoại ngữ của nhiều giảng viên còn hạn chế, một số chuyên ngành mới mở khó tuyển dụng cán bộ nên chất lượng giảng viên của những ngành này vẫn còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục hoàn thiện các chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng để phát triển đội ngũ giảng viên	- Công đoàn trường; - Phòng TCCB; - Phòng KHTC;	2017	2019
		Sử dụng có hiệu quả đội ngũ giảng viên; sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất, tiếp tục xây dựng và hoàn thiện chính sách hỗ trợ giảng viên trong giảng dạy	- P. TCCB - Khoa/viện - P.QT&ĐT - P.KH-TC	2019	2021
		Tiếp tục thực hiện các chính sách đào tạo, bồi dưỡng để phát triển đội ngũ giảng viên, đáp ứng các yêu cầu mới của Nhà nước trên cơ sở huy động các nguồn lực phục vụ công tác bồi dưỡng giảng viên; cung cấp nhiều cơ hội hơn nữa để Giảng viên được trao đổi, học tập kinh nghiệm thực tế.	- Phòng TCCB - Phòng Đào tạo - TT BDNVSP	2017	2019
		Tiếp tục hỗ trợ và công nhận các phương pháp giảng dạy của giảng viên trong bồi dưỡng thường xuyên	P. TCCB P.Đào tạo P.KHTC Khoa/viện	2019	2020

		Tiếp tục cung cấp cơ hội chuyên nghiệp hóa đội ngũ giảng viên để đáp ứng các nhu cầu đặc biệt, tiếp cận các vấn đề giáo dục và các vấn đề xã hội có tác động đến các hoạt động sư phạm	Các đơn vị trong Trường liên quan	2019	2020
2	Khắc phục tồn tại	- Triển khai kế hoạch bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giảng viên hạng III	- Công đoàn trường; - Phòng TCCB; - Phòng KHTC; - Các khoa/viện	2017	2019
		Tuyên truyền, vận động giảng viên thay đổi phương pháp dạy học theo tiếp cận CDIO	- Công đoàn - P.TCCB	2019	2021
		Lựa chọn nội dung, cách thức bồi dưỡng phù hợp với giảng viên sư phạm và gắn kết với thực tiễn ở phổ thông; Đổi mới cách thức quản lý các lớp đào tạo, bồi dưỡng trên cơ sở xây dựng các tiêu chí, tiêu chuẩn cụ thể đối với giảng viên sư phạm.	- Khoa/viện - Phòng Đào tạo - Phòng TCCB - TT NVSP	2017	2019
		Tăng cường tập huấn nhằm trang bị kiến thức giúp giảng viên sử dụng hiệu quả các phương pháp dạy học thích hợp trong bồi	P. TCCB P. Đào tạo Ban CDIO	2019	2020

	dưỡng thường xuyên; hỗ trợ giảng viên dạy học theo tiếp cận năng lực, dạy học theo đồ án (Tiếp cận CDIO).			
	Nhà trường cần có nhiều chính sách đãi ngộ nhân tài; tiếp tục làm tốt hơn nữa công tác đào tạo, bồi dưỡng đặc biệt là trình độ ngoại ngữ cho giảng viên. Đối với ngành mới cần tích cực quảng bá để sớm tuyển được đội ngũ giảng viên đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng	TCCB	2019	2020

4. Tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 6.16.1				4			
Chỉ số 6.16.2				4			
Chỉ số 6.16.3				4			
Chỉ số 6.16.4				4			
Chỉ số 6.16.5				4			
Điểm tiêu chí 16	4.0						

Tiêu chí 17: Đánh giá và công nhận giảng viên

1. Mô tả

6.17.1. Trường có chính sách và thực hiện đánh giá giảng viên một cách chính xác, công khai và minh bạch.

Để đạt được mục tiêu của Nhà trường: “Tạo dựng môi trường học thuật tốt để hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực cá nhân, hướng tới sự thành công”, chính sách đánh giá giảng viên một cách chính xác, công khai và minh bạch là một trong những giải pháp rất quan trọng [H6.6.17.01.01].

Nhà trường thường xuyên tiến hành đánh giá giảng viên. Các bộ môn tăng cường dự giờ cả giảng viên tập sự và cả các giảng viên đã có thâm niên công tác để đánh giá và cải tiến chất lượng giảng dạy [H6.6.17.01.02].

Ngoài ra, hằng năm Nhà trường đều tổ chức các đợt lấy ý kiến sinh viên và phụ huynh về hoạt động giảng dạy của GV. Kế hoạch lấy ý kiến SV về hoạt động giảng dạy của GV được phổ biến công khai, rộng rãi đến toàn bộ cán bộ, viên chức, SV toàn trường. Cuối mỗi đợt đều có báo cáo kết quả thông báo đến từng GV và từng đơn vị [H6.6.17.01.03].

Nhà trường tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và kỹ thuật tiên tiến vào quá trình dạy học và kiểm tra đánh giá cán bộ. Trình độ ngoại ngữ của giảng viên cũng thường xuyên được kiểm tra định kỳ hằng năm và đưa vào một trong tiêu chí đánh giá cuối năm [H6.6.17.04].

Nội dung và tiêu chí đánh giá được Nhà trường công bố rộng rãi, đảm bảo tính chính xác, minh bạch. Việc đánh giá được đưa vào xếp loại hàng tháng và làm căn cứ để chi trả thu nhập tăng thêm. Các tiêu chí đánh giá và mức hưởng cụ thể đã được điều chỉnh để phù hợp với tình hình thực tế [H6.6.17.01.05] [H6.6.17.06]. Hằng năm, Nhà trường đều có báo cáo thống kê kết quả đánh giá cán bộ và đưa ra các phân tích về thuận lợi, khó khăn trong quá trình đánh giá cán bộ, từ đó rút ra bài học kinh nghiệm cho các năm sau [H.6.6.17.01.07]. Trên cơ sở kết quả đánh giá, Nhà trường đề ra kế hoạch bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn một cách phù hợp, phục vụ chiến lược phát triển lâu dài [H6.6.17.01.08].

Quy trình đánh giá cán bộ đã được hoàn thiện và cải tiến theo hướng cụ thể hóa các tiêu chí và các bước thực hiện [H6.6.17.01.09]. Kết quả đánh giá xếp loại giảng viên hàng tháng được đưa vào một trong các tiêu chí xếp loại danh hiệu thi đua của năm học, kết quả này được Nhà trường đưa vào để tính phúc lợi cuối năm cho giảng viên theo mức chi cụ thể [H6.6.17.01.10].

6.17.2. Trường có chính sách và cơ chế công nhận thành tích, đãi ngộ giảng viên nhằm nâng cao năng lực giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

Nhằm khuyến khích, tạo động lực và cơ hội để giảng viên phát huy vai trò của mình trong hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khoa học, Nhà trường đã có các chính sách hỗ trợ giảng viên học tập, bồi dưỡng nâng cao năng lực, trình độ và các chính sách, chế độ công nhận và đãi ngộ thành tích của giảng viên [H6.6.17.02.01]

Bên cạnh các chính sách hỗ trợ theo quy định, Nhà trường đã ban hành các chính sách cán bộ như: Giảng viên bảo vệ tiền sĩ trước hạn từ 3 tháng trở lên được Nhà trường xét nâng lương trước hạn 1 năm [H6.6.17.02.02]; chính sách cấp máy tính xách tay cho giảng viên [H6.6.17.02.03]; chính sách hỗ trợ giảng viên khi tự bồi dưỡng đạt

yêu cầu, tiêu chuẩn đề ra, cụ thể: khen thưởng giảng viên tự học, tự bồi dưỡng đạt trình độ TOEFL 550 hoặc IELTS 6.0 hoặc TOEIC 800 [H6.6.17.02.04], khen thưởng giảng viên có thành tích tốt trong công tác tuyển sinh [H6.6.17.02.05]; khen thưởng giáo viên, giảng viên có học sinh, sinh viên đạt thành tích xuất sắc trong các kì thi cấp quốc gia, quốc tế ...[H6.6.17.06]...

Mặc dù nguồn kinh phí của Trường còn hạn chế, Nhà trường vẫn trích tối thiểu 5% kinh phí từ nguồn thu hợp pháp khác để lập Quỹ đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động khoa học và công nghệ để đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích các hoạt động khoa học và công nghệ [H6.6.17.02.07].

Nhà trường khuyến khích và tạo điều kiện để các giảng viên đăng kí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ các cấp và thực hiện các ý tưởng khởi nghiệp, sáng tạo. Nhà trường trích nguồn kinh phí nghiên cứu khoa học trong từng năm học để khen thưởng cho giảng viên có bài báo đăng ở tạp chí quốc tế với những định mức khác nhau. Các loại hình sản phẩm và định mức khen thưởng cho cán bộ, viên chức có bài báo đăng ở tạp chí quốc tế đã được cụ thể hóa trong quy chế chi tiêu nội bộ [H6.6.17.02.08]. Với các giải pháp mạnh mẽ, từ năm 2017 - 2019, có 277 giảng viên được nhà trường khen thưởng khi bài báo đăng ở tạp chí nước ngoài và tạp chí khoa học quốc tế [H6.6.17.02.09]. Xuất bản được 82 giáo trình, sách tham khảo và chuyên khảo phục vụ công tác chuyên môn [H6.6.17.02.10]. Như vậy, việc xây dựng thương hiệu và uy tín của Nhà trường được thực hiện song song với việc hỗ trợ giảng viên tích lũy đủ điều kiện, tiêu chuẩn để dự thi (xét) thăng hạng và chức danh nghề nghiệp.

Trong xu thế của đổi mới giáo dục - đào tạo và bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0, Nhà trường chủ động mở rộng quan hệ hợp tác với các cơ sở đào tạo giáo viên của các nước thế giới thông qua các hoạt động trao đổi khoa học công nghệ, qua các dự án và các chương trình hợp tác về đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, giảng viên. Để tạo điều kiện cho giảng viên chủ động và tự tin trong hội nhập, trên cơ sở sử dụng có hiệu quả các nguồn kinh phí đầu tư cho đào tạo, bồi dưỡng từ các chương trình, đề án (*Chương trình ETEP, Đề án Ngoại ngữ*)... [H6.6.17.02.11]

Hàng năm, tại các Hội nghị Cán bộ, viên chức, Hội nghị tổng kết năm học, Hội nghị công tác Đảng, Nhà trường tổ chức tổng kết, đánh giá công tác cán bộ, công tác sử dụng đội ngũ giảng viên một cách chi tiết, cụ thể và đề ra phương hướng nhiệm vụ cho năm học tiếp theo [H6.6.17.02.12]. Trên cơ sở đánh giá thực trạng đội ngũ, Nhà trường tiếp tục bổ sung, điều chỉnh chính sách và cơ chế công nhận thành tích, đãi ngộ giảng viên nhằm nâng cao năng lực giảng dạy và nghiên cứu khoa học [H6.6.17.02.13]

2. Điểm mạnh

Nhà trường có chính sách đánh giá công khai, minh bạch, tạo điều kiện nâng cao chất lượng GV đáp ứng yêu cầu từng giai đoạn phát triển.

Trường có chính sách công nhận, đãi ngộ, khuyến khích GV giảng dạy và NCKH; chú trọng việc qui hoạch và bổ nhiệm cán bộ có năng lực đảm nhận các vị trí quản lí, lãnh đạo chủ chốt.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường cần thường xuyên rà soát, bổ sung điều chỉnh quy trình đánh giá GV.

Hệ thống theo dõi sự cải tiến của GV sau đánh giá cần sớm được hoàn thiện.

Nguồn kinh phí khuyến khích GV của Trường còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Rà soát, bổ sung điều chỉnh qui trình đánh giá GV	P. TCCB	2019	2020
		Xây dựng hệ thống theo dõi sự cải tiến của GV sau đánh giá	P. TCCB	2018	2020
	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường chính sách đánh giá công khai, minh bạch	P. TCCB	2017	Thường xuyên
2	Khắc phục tồn tại	Tăng chế độ khen thưởng GV đạt kết quả cao trong thực hiện nhiệm vụ giảng dạy và NCKH	P. TCCB	2018	2020
	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường chính sách công nhận, đãi ngộ, khuyến khích thành tích của GV	P. TCCB	2017	Thường xuyên

4. Tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 6.17.1				4			
Chỉ số 6.17.2				4			
Điểm tiêu chí 17	4.0						

TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHUẨN 6

TT	Tiêu chí	Mức đánh giá
1	Tiêu chí 16	4.0
2	Tiêu chí 17	4.0
ĐIỂM TIÊU CHUẨN		4.00

Tiêu chuẩn 7

HỖ TRỢ HỌC TẬP

Tiêu chí 18: Tuyển sinh và hỗ trợ người học

1. Mô tả

7.18.1. Chính sách, quy trình tuyển sinh cho các chương trình đào tạo và bồi dưỡng được thông báo công khai, được thực hiện công bằng và minh bạch.

Chính sách, quy trình tuyển sinh và chỉ tiêu tuyển sinh ngành sư phạm hằng năm của Nhà trường dựa vào số lượng cán bộ cơ hữu của các viện, khoa đào tạo giáo viên, CSVN, các điều kiện thiết yếu để xác định và trình Bộ GD-ĐT xét duyệt. Đề án tuyển sinh hằng năm được đăng tải công khai trên các trang Website của Bộ, của Trường. Công tác tuyển sinh ngành Sư phạm được thực hiện minh bạch, rõ ràng theo đúng đề án và tuân thủ tuyệt đối các qui định của Bộ GD-ĐT về chỉ tiêu, ngành học cũng như các chế độ ưu tiên trong tuyển sinh [H7.7.18.1.01].

Nhà trường thông báo công khai trên Website của Trường các chính sách tuyển sinh ngành Sư phạm và các chính sách đối với thí sinh trúng tuyển đạt điểm cao [H7.7.18.1.02], trao học bổng tài trợ, hỗ trợ chi phí học tập cho những sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn khi nhập học và trong quá trình học tập [H7.7.18.1.03].

Các hình thức thông báo chính sách, quy trình tuyển sinh của Nhà trường đảm bảo tính công khai, minh bạch [H7.7.18.1.04]. Cổng “Thông tin tuyển sinh” trên website của Trường công bố công khai thông tin tuyển sinh [H7.7.18.1.05]. Trường đã thành lập Ban Truyền thông, tổ chức các đoàn tư vấn tuyển sinh về các Trường THPT [H7.7.18.1.06]; thiết lập đường dây nóng tư vấn tuyển sinh trực tuyến cho người học có nhu cầu [H7.7.18.1.07]. Trường tổ chức lấy ý kiến của sinh viên để nắm bắt tính hiệu quả của hoạt động quảng bá tuyển sinh [H7.7.18.1.08].

Nhà trường đã thành lập Trung tâm bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, quy định chức năng nhiệm vụ và tổ chức các hoạt động tuyển sinh cho các chương trình bồi dưỡng; công tác tổ chức bồi dưỡng của Nhà trường được thực hiện theo đúng quy định, công khai, minh bạch; kế hoạch bồi dưỡng được xây dựng cụ thể, chi tiết, có chương trình, lịch thực hiện và có tổ chức kiểm tra, giám sát, phỏng vấn, phát phiếu điều tra về kết quả thực hiện [H7.7.18.1.09].

Kết quả tuyển sinh các ngành Sư phạm được công bố công khai trên Website của Nhà trường [H7.7.18.1.10]. Giấy báo trúng tuyển ghi đầy đủ thông tin kết quả thi và hướng dẫn qui trình nhập học [H7.7.18.1.11]. Công tác đón tiếp sinh viên nhập học có văn bản hướng dẫn, được tiến hành nhanh gọn, chính xác [H7.7.18.1.12].

Qui trình tuyển sinh sau đại học, VLVH, từ xa, bồi dưỡng cấp chứng chỉ thực hiện đúng qui định. Tuy nhiên, tuyển sinh sau đại học còn thực hiện 2 đợt/năm và hệ VLVH và ĐTTX tuyển nhiều đợt trong năm [H7.7.18.1.13].

7.18.2. Các thông tin về ngành học, chương trình đào tạo, chương trình bồi dưỡng, chương trình môn học và việc tổ chức thực hiện là rõ ràng, đầy đủ và dễ tiếp cận.

Các thông tin về ngành học, chương trình đào tạo, bồi dưỡng, chương trình môn học được cung cấp đầy đủ cho người học khi thực hiện quảng bá tuyển sinh, sau khi nhập học thông qua “Tuần sinh hoạt công dân - HSSV” của Trường, chương trình gặp mặt Tân sinh viên của các khoa, viện [H7.7.18.2.01]. Các thông tin này còn được trích dẫn trong cuốn “Cẩm nang HS, SV, HV” và đăng tải trên website của Trường, viện/khoa [H7.7.18.2.02]. Chương trình đào tạo, bồi dưỡng và các hướng dẫn tổ chức thực hiện còn được công bố rõ ràng, đầy đủ, liên tục trong phần Đăng kí học (tài khoản cá nhân) của từng trang cá nhân người học [H7.7.18.2.03]. Căn cứ các văn bản qui định về đào tạo của Bộ GD-ĐT, Nhà trường đã xây dựng khung chương trình, đề cương chi tiết các học phần và ban hành các văn bản cụ thể hóa về đào tạo để hướng dẫn, tổ chức thực hiện [H7.7.18.2.04]. GV có trách nhiệm cung cấp đề cương chi tiết trước mỗi môn học và đây là tiêu chí để SV đánh giá GV [H7.7.18.2.05].

Nhà trường tổ chức các chương trình đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ các bậc học, bồi dưỡng thường xuyên cấp chứng chỉ cho người học là giáo viên các cấp tiểu học, THCS, THPT [H7.7.18.2.06].

Kế hoạch thực hiện chương trình đào tạo, chương trình bồi dưỡng, chương trình môn học được xây dựng chi tiết, rõ ràng, đầy đủ [H7.7.18.2.07].

7.18.3. Trường có các chương trình hỗ trợ và tư vấn cho những người học có vấn đề khó khăn trong học tập, chậm tiến bộ, người học thuộc các nhóm thiệt thòi, dân tộc thiểu số, vùng khó khăn và người nước ngoài.

Nhà trường có Phòng Công tác chính trị và HSSV, Phòng Đào tạo, Trung tâm Dịch vụ, Hỗ trợ sinh viên và quan hệ doanh nghiệp làm đầu mối để thực hiện các chức năng, nhiệm vụ tổ chức các chương trình hỗ trợ và tư vấn cho người học ở cấp trường; đồng thời, cử cố vấn học tập, trợ lý đào tạo, trợ lý quản lý sinh viên để hỗ trợ, tư vấn cho người học cấp khoa, viện và có các giải pháp để hỗ trợ người học có vấn đề về học chậm tiến bộ [H7.7.18.3.01].

Đầu mỗi năm học, Nhà trường tổ chức khảo sát các đối tượng người học gặp khó khăn trong học tập, chậm tiến bộ, người học thuộc các nhóm thiệt thòi, dân tộc thiểu số, vùng khó khăn [H7.7.18.3.02]. Thông tin về chế độ chính sách cho các đối tượng người học được ghi rõ trong cuốn Cẩm nang SV và được thực hiện bằng các

quyết định trao học bổng, trợ cấp xã hội, hỗ trợ chi phí học tập; học bổng tài trợ, hỗ trợ đột xuất, tặng quà cho người học thuộc các nhóm thiệt thòi, dân tộc thiểu số, vùng khó khăn [H7.7.18.3.03].

Những người học có hoàn cảnh khó khăn được Nhà trường quan tâm, hỗ trợ như: miễn phí ở kí túc xá cho người học khó khăn, giới thiệu việc làm thêm, giới thiệu dự xét và nhận các học bổng tài trợ, hỗ trợ chi phí học tập và làm các thủ tục để người học được vay vốn tín dụng đào tạo [H7.7.18.3.04]. Nhà trường thành lập Câu lạc bộ “Mái ấm Trường Vinh” để cứu trợ, giúp đỡ người học là con mồ côi cả cha lẫn mẹ [H7.7.18.3.05], tổ chức chương trình “Tết ấm cho sinh viên” để hỗ trợ, động viên người học khó khăn nhân dịp năm mới [H7.7.18.3.06].

SV nước ngoài được hỗ trợ Chương trình học tiếng Việt, được bố trí ở Kí túc xá riêng. Hằng năm, Nhà trường đã tổ chức các ngày lễ kỉ niệm truyền thống cho lưu HS; thi tiếng Việt và các chương trình giao lưu hữu nghị, tổ chức Câu lạc bộ Hoa Chăm-pa, cử Đội SV tình nguyện dạy tiếng Việt cho lưu HS. Nhà trường thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách, khen thưởng đối với lưu HS [H7.7.18.3.07].

Nhà trường có kế hoạch phân công cán bộ, giảng viên hỗ trợ, tư vấn sinh viên trong quá trình học tập và rèn luyện, xây dựng chương trình định hướng cho tân sinh viên mới nhập học và xây dựng chương trình hỗ trợ, giáo dục chính trị tư tưởng đối với người học [H7.7.18.3.08]. Hằng năm, Trường tổ chức Hội nghị dân chủ học sinh, SV và Hội nghị đối thoại giữa Hiệu trưởng với người học để lắng nghe ý kiến của SV và có những biện pháp điều chỉnh hỗ trợ học tập thích hợp [H7.7.18.3.09].

7.18.4. Trường công khai thông tin về lộ trình học tập, các chính sách chuyển đổi và công nhận tín chỉ trong đào tạo liên thông giữa các ngành học với nhau và giữa các trường đại học trong và ngoài nước.

Nhà trường có quy định về lộ trình học tập, chính sách chuyển đổi và công nhận tín chỉ trong đào tạo liên thông giữa các ngành học với nhau và các thông tin về ngành học, chương trình học, sự liên thông giữa các môn học, môn học tiên quyết, bắt buộc, tự chọn được cung cấp đầy đủ cho người học ngay từ khi nhập học thông qua “Tuần sinh hoạt công dân - HSSV”, Cẩm nang SV và hoạt động của đội ngũ cố vấn học tập, Trợ lý đào tạo [H7.7.18.4.01].

Ngoài việc cung cấp đầy đủ các văn bản, hướng dẫn cụ thể liên quan đến kế hoạch học tập và đăng kí tín chỉ cho người học, Nhà trường còn bố trí mỗi khoa, viện có các cố vấn học tập, trợ lý đào tạo, trợ lý QLSV và mỗi lớp cử một giảng viên phụ

trách đề tư vấn, hỗ trợ cho người học [H7.7.18.4.02]. Nhà trường đã nhiều năm kí kết đào tạo đại học chính qui, cao học thạc sĩ với các Sở Giáo dục - Thể thao của Lào và đào tạo lưu HS du học bán phần với các trường đại học của Thái Lan [H7.7.18.4.03].

7.18.5. Trường cung cấp các dịch vụ tư vấn về kế hoạch học tập, lựa chọn các học phần, hướng nghiệp và hỗ trợ sau tốt nghiệp cho người học.

Nhà trường thành lập đội ngũ Cố vấn học tập, Trợ lý đào tạo để thường xuyên tư vấn về kế hoạch học tập, lựa chọn các học phần cho người học. Ngoài ra, đầu mỗi năm học Nhà trường tổ chức quán triệt các nội dung về quy chế đào tạo, kế hoạch học tập cho toàn thể sinh viên thông qua Tuần sinh hoạt công dân [H7.7.18.5.01]. Tất cả các thông tin liên quan đến đào tạo được Nhà trường đăng tải trên website và trong trang cá nhân của người học [H7.7.18.5.02].

Nhà trường có đơn vị chuyên trách cung cấp các dịch vụ tư vấn cho người học là Trung tâm DV, HTSV & QHDN và ban hành quy chế phối hợp với các đơn vị liên quan để tổ chức các hoạt động tư vấn, đào tạo kỹ năng, kết nối người học với các cơ quan, trường học, đơn vị tuyển dụng lao động tổ chức Ngày hội việc làm nhằm giúp người học có cơ hội được tiếp xúc, trao đổi, tìm hiểu và tiếp cận tốt với thế giới việc làm [H7.7.18.5.03]. Nhà trường cũng đặc biệt quan tâm đến hoạt động rèn luyện NVSP, kiến tập, thực tập nghề nghiệp của các ngành sư phạm thông qua hệ thống các trường thực hành, thực tập vệ tinh trên địa bàn [H7.7.18.5.04]. Đồng thời, Nhà trường còn tổ chức nhiều hoạt động để hỗ trợ, tư vấn, rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng sống, khởi nghiệp, tìm kiếm việc làm cho người học [H7.7.18.5.05].

Ngoài ra, Nhà trường còn thường xuyên gửi các thông tin tuyển dụng, cập nhật các chương trình việc làm qua email, facebook, điện thoại và website nhằm giúp những cựu người học chưa có việc làm có thêm thông tin, cơ hội để tham gia ứng tuyển thành công các vị trí việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo và tiến hành khảo sát tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp [H7.7.18.5.06].

Nhà trường có hệ thống các trường thực hành sư phạm (từ bậc Mầm non đến THPT), không chỉ là nơi để người học rèn nghề mà còn là địa chỉ uy tín để người học tốt nghiệp muốn được vào công tác lâu dài [H7.7.18.5.07]. Tuy nhiên, công tác hỗ trợ việc làm cho SV ngành sư phạm sau tốt nghiệp chưa đáp ứng được hết yêu cầu.

Các dịch vụ hỗ trợ người học của Nhà trường đã nhận được sự tham gia, ủng hộ của đông đảo người học; được người học và các bên liên quan đánh giá cao về việc tổ chức các hoạt động hỗ trợ người học [H7.7.18.5.08].

2. Điểm mạnh

- Trường Đại học Vinh tổ chức tuyển sinh theo đúng qui định của Bộ GD-ĐT,

đảm bảo công khai minh bạch, khách quan, lựa chọn đúng những thí sinh có năng lực vào học các ngành sư phạm.

- Việc quảng bá tuyển sinh được thực hiện rộng rãi với nhiều hình thức giúp người học dễ dàng nắm bắt được thông tin tuyển sinh của Nhà trường.

- Công tác hỗ trợ người học được Nhà trường đặc biệt quan tâm. Các loại hình, chương trình hỗ trợ người học được tổ chức bài bản, đa dạng, phong phú, hiệu quả, có ý nghĩa thiết thực và đáp ứng được nhu cầu cơ bản của người học.

3. Điểm tồn tại

- Công tác hỗ trợ việc làm cho SV ngành sư phạm sau khi tốt nghiệp chưa đáp ứng tối đa nhu cầu.

- Chưa xây dựng quy định riêng về đào tạo liên thông các ngành sư phạm giữa các trường đại học trong và ngoài nước.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục khó khăn	Đẩy mạnh công tác hỗ trợ việc làm cho SV ngành sư phạm sau khi tốt nghiệp như: Hàng năm, khảo sát nhu cầu tuyển dụng giáo viên của các Sở Giáo dục và Đào tạo; liên hệ với các trường phổ thông, các cơ sở giáo dục đào tạo để giới thiệu SV tốt nghiệp đến công tác...	Trung tâm DV, HTSV & QHDN	2019	2021
2		Xây dựng quy định riêng về đào tạo liên thông các ngành sư phạm giữa các trường đại học trong và ngoài nước.	Phòng Đào tạo, Trung tâm ĐBCL	2019	2021
3	Phát huy điểm mạnh	Tổ chức tuyển sinh theo đúng qui định của Bộ GD-ĐT, đảm bảo công khai minh bạch, khách quan	Phòng Đào tạo	2019	2021

4	Tăng cường công tác quảng bá tuyển sinh bằng nhiều hình thức và mở rộng địa bàn quảng bá tuyển sinh.	Phòng Đào tạo, HCTH, Trung tâm DV, HTSV & QHDN	2019	2021
5	Tiếp tục tổ chức loại hình, chương trình hỗ trợ, phục vụ người học bài bản, đa dạng, phong phú, hiệu quả.	Phòng CTCT-HSSV, Trung tâm DV, HTSV & QHDN	2019	2021

5. Tự đánh giá

<i>Tiêu chí</i>	Thang đánh giá						
	1	2	3	4	5	6	7
Chỉ số 7.18.1.				4			
Chỉ số 7.18.2.				4			
Chỉ số 7.18.3.				4			
Chỉ số 7.18.4.				4			
Chỉ số 7.18.5.				4			
Điểm tiêu chí 18	4.0						

Tiêu chí 19: Đánh giá và công nhận kết quả học tập

1. Mô tả

7.19.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học đảm bảo tính chính xác, công bằng, minh bạch, phù hợp với mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra.

Trên cơ sở quy chế của Bộ GD - ĐT về kiểm tra, đánh giá, Nhà trường đã ban hành các văn bản quy định về phương pháp, cách thức đánh giá kết quả học tập cho các chương trình đào tạo [H7.7.19.1.01]. Nhà trường giao cho Trung tâm ĐBCL là đơn vị chuyên chuyên trách tổ chức thực hiện việc đánh giá kết quả học tập đối với người học [H7.07.19.1.02].

Nhà trường đã cụ thể hóa việc tổ chức thi, coi thi, chấm thi, thông báo kết quả kiểm tra và điều chỉnh kết quả điểm đánh giá học phần để đảm bảo tính chính xác, công bằng, minh bạch cho người học [H7.07.19.1.03].

Đối với Khóa 57 trở về trước kết quả học tập của người học được đánh giá qua 3 thành phần, gồm: đánh giá chuyên cần, thái độ (chiếm 10%), đánh giá giữa kỳ (chiếm 20%), đánh giá cuối kỳ (70%); các hình thức kiểm tra, đánh giá giá được đa dạng hóa: thảo luận, bài

tập nhóm, thi vấn đáp, trắc nghiệm, tự luận, thực hành... Khi thi kết thúc môn học, đề thi được sử dụng từ ngân hàng đề và được thiết kế theo chuẩn đầu ra của môn học [H7.07.19.1.04]. Đối với khóa 58 trở về sau được áp dụng hình thức kiểm tra, đánh giá theo hình thức đào tạo tiếp cận CDIO. Theo đó, kết quả học tập của người học được đánh giá thông qua 2 loại hình; đánh giá quá trình thông qua hồ sơ học phần (chiếm 50% gồm đánh giá tinh thần, thái độ học tập, quá trình làm bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thảo luận, thi giữa kỳ) và đánh giá tổng kết (chiếm 50%). Quá trình thiết kế các hình thức đánh giá này được xây dựng dựa vào các chuẩn đầu ra của môn học và phải đảm bảo đạt được các mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần [H7.07.19.1.05]. Đề thi để đánh giá kết quả giữa kỳ của quá trình học cũng như đánh giá tổng kết môn học được xây dựng thông qua ma trận đề thi để đảm bảo đạt được các chuẩn đầu ra của học phần. Đối với các hoạt động thảo luận, bài tập nhóm,... được thiết kế rõ ràng với các tiêu chí đánh giá cụ thể phù hợp với chuẩn đầu ra [H7.07.19.1.06]. Theo quy định, GV phải công bố công khai trước lớp điểm quá trình trước khi kết thúc môn học và điểm thi kết thúc học phần không quá 15 ngày sau khi thi [H7.07.19.1.07]. Sau khi có kết quả thi kết thúc học phần, người học có quyền làm thủ tục kiểm tra điểm nếu không thỏa mãn và có đầu mối là Bộ phận Một cửa [H7.7.19.1.08].

Hình thức, phương pháp, nội dung đánh giá kết quả học tập của người học được Nhà trường thực hiện phù hợp với mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra [H7.7.19.1.09].

7.19.2. Việc công nhận kết quả học tập phản ánh được năng lực của người học trong các chương trình đào tạo và chương trình bồi dưỡng thường xuyên, trong đó có năng lực giảng dạy và sử dụng công nghệ thông tin.

Hoạt động đào tạo của Nhà trường được thực hiện theo quy chế đào tạo hệ thống tín chỉ và Nhà trường đã ban hành văn bản quy định về năng lực người học trong các chương trình đào tạo. Người học phải tích lũy đủ số tín chỉ bắt buộc theo quy định cho từng mã ngành đào tạo (chưa tính điều kiện chứng chỉ GDQP, GDTC, ngoại ngữ) mới được công nhận đạt năng lực để tốt nghiệp. CTĐT của Nhà trường được thiết kế để mỗi học phần sẽ đáp ứng một hoặc một số chuẩn đầu ra của ngành đào tạo [H7.7.19.2.01].

Đối với các ngành sư phạm, năng lực giảng dạy là yếu tố đặc biệt quan trọng. Trong CTĐT các ngành sư phạm, các học phần về kiến thức và kỹ năng sư phạm chiếm tỉ trọng tín chỉ lớn. Các học phần rèn luyện kỹ năng sư phạm chú trọng sử dụng phương pháp thực hành để đánh giá năng lực giảng dạy của người học. Ngoài ra, người học còn được đánh giá bởi các giáo viên phổ thông, thông qua hoạt động kiến tập, thực tập sư phạm tại các trường phổ thông [H7.7.19.2.02].

Hàng năm, Trường tổ chức nhiều hoạt động nhằm tạo sân chơi để người học rèn

luyện kỹ năng nghề nghiệp, rèn luyện nghiệp vụ như: Tháng rèn nghề, Tháng rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, Hội thi nghiệp vụ sư phạm... [H7.7.19.2.03].

Ngoài các học phần ngoại ngữ trong chương trình đào tạo, điều kiện để người học tốt nghiệp là phải đạt chuẩn ngoại ngữ Tiếng Anh B1. Tin học là môn học bắt buộc đối với SV sư phạm, được thiết kế nội dung riêng phù hợp cho từng ngành học [H7.7.19.2.04]. Chương trình bồi dưỡng cấp chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm được thiết kế toàn diện nhiều học phần. Người học phải hoàn thành tất cả các học phần của chương trình, có bài thu hoạch đạt yêu cầu trở lên mới được công nhận hoàn thành khóa học và được cấp chứng chỉ [H7.7.19.2.05].

Nhà trường thường xuyên khảo sát ý kiến người học về chương trình đào tạo, năng lực giảng dạy của giảng viên; việc công nhận kết quả học tập của nhà trường đối với của người học; sự hài lòng của người học về kết quả học tập của bản thân; các kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp và khả năng đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp [H7.7.19.2.06].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập người học của Bộ GD - ĐT. Chuẩn đầu ra của các ngành đào tạo được công bố rộng rãi đến người học ngay từ khi nhập học.

- Nhà trường có bộ phận chuyên trách về hoạt động khảo thí phụ trách công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học. Các quy định về kiểm tra đánh giá được nhà trường ban hành và tổ chức thực hiện nghiêm túc, khách quan, công bằng.

- Kết quả đánh giá người học khách quan, công bằng, minh bạch, sát với năng lực người học; năng lực của người học về giảng dạy và sử dụng ngoại ngữ, công nghệ thông tin, phù hợp với kết quả đánh giá. Năng lực của người học đáp ứng được yêu cầu chuẩn đầu ra của ngành học.

- Hoạt động lấy ý kiến người học về đánh giá kết quả học tập đối với người học nói riêng và các hoạt động khác của Nhà trường nói chung (như: đánh giá giảng viên, chương trình đào tạo, các hoạt động hỗ trợ học tập, hoạt động phục vụ học tập...) đã được Nhà trường triển khai sâu rộng và được người học ủng hộ, đánh giá cao.

3. Điểm tồn tại

Chưa thường xuyên khảo sát đề bổ sung, điều chỉnh bộ ngân hàng đề thi.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Thường xuyên khảo sát để bổ sung, điều chỉnh bộ ngân hàng đề thi	Trung tâm ĐBCL; các khoa, viện	2019	2021
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện đầy đủ, đúng qui định về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập người học của Bộ GD - ĐT	Trung tâm ĐBCL, Phòng Đào tạo	2019	2021
3		Rà soát, bổ sung chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm Đảm bảo chất lượng và các văn bản quy định về kiểm tra, đánh giá người học.	Trung tâm ĐBCL	2019	2021
4		Tăng cường công tác đánh giá người học để đảm bảo tối đa tính khách quan, công bằng, minh bạch, sát với năng lực người học.	Trung tâm ĐBCL, Phòng Đào tạo	2019	2021
5		Tiếp tục lấy ý kiến người học về đánh giá kết quả học tập và các hoạt động của Nhà trường	Phòng CTCTHSSV	2019	2021

5. Tự đánh giá

Tiêu chí	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 7.19.1.				4			
Chỉ số 7.19.2.				4			
Điểm tiêu chí 19	4.0						

Tiêu chí 20: Các hoạt động ngoại khóa

1. Mô tả

7.20.1. Trường hỗ trợ người học thực hành, đi thực tế, tham gia vào các hoạt động văn hóa, xã hội, thể dục thể thao nhằm nâng cao chất lượng học tập.

Nhà trường có các chính sách khuyến khích cho người học tham gia vào các hoạt động văn hóa, thể thao và các hoạt động xã hội [H7.7.20.1.01]. Nhà trường quan tâm xây dựng, cung cấp đầy đủ CSVC, nguồn lực tài chính, con người để hỗ trợ và tổ chức các hoạt động đoàn thể cho người học [H7.7.20.1.02]. Nhà trường phân công chức năng, nhiệm vụ cụ thể cho các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch, chương trình và tổ chức thực hiện các hoạt động hỗ trợ người học [H7.7.20.1.03].

Hoạt động phong trào của Trường luôn được đánh giá là đơn vị xuất sắc đi đầu trong Phong trào thanh niên tỉnh Nghệ An. SV của trường luôn đạt thành tích cao trong các hội thi văn hóa, văn nghệ, TDTT của tỉnh Nghệ An và toàn quốc [H7.7.20.1.04]. Nhà trường được Bộ GD - ĐT đánh giá xuất sắc trong thực hiện chương trình công tác sinh viên của năm học [H7.7.20.1.05].

Nhà trường có chính sách khen thưởng kịp thời đối với cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong hoạt động ngoại khóa. Chính sách thi đua, khen thưởng được Nhà trường thực hiện dân chủ, công khai, công bằng nhằm khuyến khích hoạt động và tạo không khí phấn đấu thi đua trong toàn trường [H7.7.20.1.06].

Đoàn Thanh niên, Hội SV phối hợp, hỗ trợ lẫn nhau để thực hiện tốt các chương trình công tác Đoàn - Hội. Câu lạc bộ, đội, nhóm giúp cho người học có môi trường rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, khả năng làm việc nhóm, thuyết trình, thực hiện các hoạt động thực tế để phục vụ cho việc học tập [H7.7.20.1.07].

Hàng năm, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến người học về cơ sở vật chất và kết quả hoạt động của các đơn vị và các tổ chức Đoàn TN, HSV [H7.7.20.1.08].

7.20.2. Trường hỗ trợ việc thành lập ban liên lạc cựu sinh viên, các hoạt động của ban và việc tham gia của cựu sinh viên vào các hoạt động giáo dục của trường.

Nhận thức rõ vai trò của cựu SV đối với các hoạt động và sự phát triển của Nhà trường, Trường Đại học Vinh đã thành lập BLL cựu sinh viên cấp trường và chỉ đạo các khoa, viện quan tâm và thành lập các Ban liên lạc cựu SV cấp khoa/viện [H7.7.20.2.01]. Hiện tại, Nhà trường đã hình thành mạng lưới cựu sinh viên cấp trường và ban hành Quy chế hoạt động của Hội cựu sinh viên, đồng thời giao cho Trung tâm DV, HTSV & QHDN phụ trách công tác cựu SV, kết nối với cựu SV để tổ chức các hoạt động [H7.7.20.2.02].

Thời gian qua, cựu SV và ban liên lạc cựu SV đã có nhiều đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường như ủng hộ, đóng góp xây dựng Quỹ Hỗ trợ HSSV;

hỗ trợ các hoạt động NCKH của các viện, khoa, ngành đào tạo; tham gia đóng góp ý kiến xây dựng, phát triển nhà trường về công tác quản lí, điều hành, cải tiến nội dung, chương trình đào tạo; hỗ trợ nhà trường trong các hoạt động kết nối các cơ sở giáo dục, tiếp nhận người học kiến tập, thực tập, giới thiệu việc làm... [H7.7.20.2.03]. Định kì hằng năm, Nhà trường tiến hành khảo sát tình hình việc làm của SV sư phạm mới tốt nghiệp và tổ chức các hoạt động kết nối họ với các cơ sở giáo dục, các chương trình tuyển dụng, ngày hội việc làm để giúp SV có thêm thông tin về thế giới việc làm [H7.7.20.2.04].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường có các đơn vị chức năng và các tổ chức Đoàn Thanh niên, Hội SV, các CLB, đội, nhóm để triển khai tốt các hoạt động, phong trào văn hóa, văn nghệ, TDTT cho người học. SV của Trường tham gia tích cực các hoạt động phong trào của Trường.

- Nhà trường có nhiều chính sách để động viên, khuyến khích người học tham gia các hoạt động văn hóa, xã hội, TDTT từ đó hỗ trợ cải thiện chất lượng giáo dục và phát triển năng lực giảng dạy của người học.

3. Điểm tồn tại

- Kinh phí dành cho hoạt động kết nối cựu SV còn hạn chế.

- Hoạt động của ban liên lạc cựu SV ở khoa, viện đào tạo chưa đồng đều và hoạt động vẫn mang tính thời vụ.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Tăng nguồn kinh phí dành cho hoạt động kết nối cựu SV từ nguồn thu hợp pháp của Nhà trường	Phòng KHTC, TT HTSV và QHDN	2019	2021
2		Tăng cường hoạt động của ban liên lạc cựu SV ở khoa, viện đào tạo	Trung tâm DV, HTSV&QHDN và các Viện/Khoa	2019	2021
3	Phát huy điểm mạnh	Đa dạng các hoạt động, phong trào văn hóa, văn nghệ, TDTT cho người học	Trung tâm HTSV và QHDN, Đoàn TN; Hội SV	2019	2021
4		Ban hành các chính sách để động viên, khuyến khích người học tham gia các hoạt động văn hóa, xã hội, TDTT	Phòng CTCT-HSSV, Đoàn TN, Hội SV.	2019	2021

5. Tự đánh giá

<i>Tiêu chí</i>	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 7.20.1.				4			
Chỉ số 7.20.2.				4			
Điểm tiêu chí 20	4.0						

TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHUẨN 7

STT	Tiêu chí	Mức đánh giá
1	Tiêu chí 18	4.0
2	Tiêu chí 19	4.0
3	Tiêu chí 20	3.5
ĐIỂM TIÊU CHUẨN		3.83

Phần 3. TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

Tiêu chuẩn/Tiêu chí/Chỉ số	TĐG
Tiêu chuẩn 1: Tầm nhìn chiến lược, quản lý và đảm bảo chất lượng	
<i>Tiêu chí 1.1. Tầm nhìn chiến lược</i>	
Chỉ số 1.1.1.	4
Chỉ số 1.1.2.	4
<i>Điểm trung bình tiêu chí:</i>	4.0
<i>Tiêu chí 1.2. Quản lý</i>	
Chỉ số 1.2.1.	4
Chỉ số 1.2.2.	4
Chỉ số 1.2.3.	4
<i>Điểm trung bình tiêu chí:</i>	4.0
<i>Tiêu chí 1.3. Hệ thống đảm bảo chất lượng</i>	
Chỉ số 1.3.1.	4
Chỉ số 1.3.2.	4
Chỉ số 1.3.3.	4
Chỉ số 1.3.4.	4
<i>Điểm trung bình tiêu chí:</i>	4.0
<i>Điểm trung bình tiêu chuẩn:</i>	4.00
Tiêu chuẩn 2: Chương trình đào tạo	
<i>Tiêu chí 2.4. Phát triển chương trình</i>	4
Chỉ số 2.4.1.	4
Chỉ số 2.4.2.	4
Chỉ số 2.4.3.	4
<i>Điểm trung bình tiêu chí:</i>	4.0
<i>Tiêu chí 5. Nội dung chương trình và tổ chức thực hiện</i>	
Chỉ số 2.5.1.	4
Chỉ số 2.5.2.	4
Chỉ số 2.5.3.	4
Chỉ số 2.5.4.	4
Chỉ số 2.5.5.	4
Chỉ số 2.5.6.	4
<i>Điểm trung bình tiêu chí:</i>	4.0
<i>Điểm trung bình tiêu chuẩn:</i>	4.00

Tiêu chuẩn 3: Nghiên cứu, phát triển và đổi mới	
<i>Tiêu chí 3.6. Chính sách về nghiên cứu phát triển và đổi mới</i>	
Chỉ số 3.6.1.	4
Chỉ số 3.6.2.	4
Chỉ số 3.6.3.	4
Chỉ số 3.6.4.	4
<i>Điểm trung bình tiêu chí:</i>	4.0
<i>Tiêu chí 3.7. Hỗ trợ nghiên cứu, phát triển và đổi mới</i>	
Chỉ số 3.7.1.	4
Chỉ số 3.7.2.	4
Chỉ số 3.7.3.	4
<i>Điểm trung bình tiêu chí:</i>	4.0
<i>Điểm trung bình tiêu chuẩn:</i>	4.00
Tiêu chuẩn 4: Hoạt động đối ngoại	
<i>Tiêu chí 4.8. Hợp tác vùng/địa phương</i>	
Chỉ số 4.8.1.	4
Chỉ số 4.8.2.	4
<i>Điểm trung bình tiêu chí:</i>	4.0
<i>Tiêu chí 4.9. Hợp tác quốc tế</i>	
Chỉ số 4.9.1.	4
Chỉ số 4.9.2.	4
Chỉ số 4.9.3.	5
<i>Điểm trung bình tiêu chí:</i>	4.3
<i>Tiêu chí 4.10. Hợp tác với các tổ chức khác</i>	
Chỉ số 4.10.1.	4
Chỉ số 4.10.2.	4
Chỉ số 4.10.3.	4
Chỉ số 4.10.4.	4
<i>Điểm trung bình tiêu chí:</i>	4.0
<i>Tiêu chí 4.11. Thông tin và truyền thông</i>	
Chỉ số 4.11.1.	4
Chỉ số 4.11.2.	4
<i>Điểm trung bình tiêu chí:</i>	4.0

Điểm trung bình tiêu chuẩn:	4.08
Tiêu chuẩn 5: Môi trường sư phạm và các nguồn lực	
<i>Tiêu chí 5.12. Môi trường sư phạm</i>	
Chỉ số 5.12.1.	4
Chỉ số 5.12.2.	4
Điểm trung bình tiêu chí:	4.0
<i>Tiêu chí 13. Cơ sở vật chất, nguồn tài nguyên dạy và học</i>	
Chỉ số 5.13.1.	4
Chỉ số 5.13.2.	4
Chỉ số 5.13.3.	4
Chỉ số 5.13.4.	4
Điểm trung bình tiêu chí:	4.0
<i>Tiêu chí 5.14. Nguồn tài chính</i>	
Chỉ số 5.14.1.	5
Chỉ số 5.14.2.	5
Điểm trung bình tiêu chí:	5.0
<i>Tiêu chí 5.15. Nguồn nhân lực</i>	
Chỉ số 5.15.1.	4
Chỉ số 5.15.2.	4
Chỉ số 5.15.3.	4
Điểm trung bình tiêu chí:	4.0
Điểm trung bình tiêu chuẩn:	4.25
Tiêu chuẩn 6: Hỗ trợ dạy học	
<i>Tiêu chí 6.16. Hỗ trợ, bồi dưỡng giảng viên</i>	
Chỉ số 6.16.1.	4
Chỉ số 6.16.2.	4
Chỉ số 6.16.3.	4
Chỉ số 6.16.4.	4
Chỉ số 6.16.5.	4
Điểm trung bình tiêu chí:	4.0
<i>Tiêu chí 6.17. Đánh giá và công nhận giảng viên</i>	
Chỉ số 6.17.1.	4
Chỉ số 6.17.2.	4
Điểm trung bình tiêu chí:	4.0

Điểm trung bình tiêu chuẩn:	4.00
Tiêu chuẩn 6: Hỗ trợ học tập	
<i>Tiêu chí 7.18. Tuyển sinh và hỗ trợ người học</i>	
Chỉ số 7.18.1.	4
Chỉ số 7.18.2.	4
Chỉ số 7.18.3.	4
Chỉ số 7.18.4.	4
Chỉ số 7.18.5.	4
Điểm trung bình tiêu chí:	4.0
<i>Tiêu chí 7.19. Đánh giá và công nhận kết quả học tập</i>	
Chỉ số 7.19.1.	4
Chỉ số 7.19.2.	4
Điểm trung bình tiêu chí:	4.0
<i>Tiêu chí 7.20. Các hoạt động ngoại khóa</i>	
Chỉ số 7.20.1.	4
Chỉ số 7.20.2.	3
Điểm trung bình tiêu chí:	3.5
Điểm trung bình tiêu chuẩn:	3.83
ĐIỂM TRUNG BÌNH ĐÁNH GIÁ CSGD:	4.02

Nghệ An, ngày 31 tháng 12 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Đinh Xuân Khoa

Phần 4.

KẾT LUẬN

Thực hiện kế hoạch của chương trình ETEP, Trường Đại học Vinh đã triển khai Tự đánh giá theo bộ chỉ số phát triển các trường sư phạm TEIDI. Ý thức rõ tầm quan trọng của hoạt động này Nhà trường đã triển khai đồng bộ và có sự tham gia của tất cả thành viên trong trường. Mong muốn của Trường trong lần tự đánh giá này là có được một bức tranh toàn cảnh được đánh giá chân thực trên các lĩnh vực hoạt động của Nhà trường, từ đó xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng hướng tới đạt được yêu cầu đổi với một trường đại học trọng điểm, một trung tâm lớn của quốc gia về đào tạo và bồi dưỡng giáo viên, hoàn thành trọng trách đối với Đảng, Nhà nước, Bộ GD-ĐT và xã hội.

Trong quá trình thực hiện, Nhà trường đã nhận được sự đồng thuận cao từ cán bộ, HS, SV của Nhà trường cũng như tất cả các bên liên quan. Quá trình thực hiện tự đánh giá theo đúng hướng dẫn của Ban Quản lý ETEP và các chuyên gia tư vấn của Ngân hàng Thế giới và đã thu được những kết quả chân thực, khách quan trong các lĩnh vực:

- Tầm nhìn chiến lược, quản lý và đảm bảo chất lượng: Tầm nhìn và sứ mạng được Nhà trường xây dựng phù hợp và nhiều lần rà soát, sửa đổi, bổ sung điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn qua từng giai đoạn. Nhà trường có đầy đủ các chính sách, qui trình, qui định, công cụ để thực hiện sứ mạng và đảm bảo chất lượng.

- Chương trình đào tạo: CTĐT được xây dựng có hệ thống, đáp ứng chuẩn đầu ra phù hợp với sứ mạng, mục tiêu và chức năng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ phát triển Nhà trường.

- Nghiên cứu phát triển và đổi mới: Trường đã có chính sách và kế hoạch dài hạn về nghiên cứu, phát triển và đổi mới phù hợp với tầm nhìn, kế hoạch chiến lược và nhiệm vụ mà Nhà nước giao phó. Một số kết quả nghiên cứu của cán bộ, GV của Nhà trường đã được ứng dụng, góp phần nâng cao chất lượng dạy và học. Đồng thời, một số kết quả nghiên cứu đã góp phần hoạch định chính sách thúc đẩy sự phát triển, đổi mới khoa học giáo dục và được phổ biến trong phạm vi quốc gia, khu vực và quốc tế.

- Hoạt động đối ngoại: Trường đã mở rộng quan hệ hợp tác với nhiều đối tác trong và ngoài nước ở nhiều cấp độ và trên nhiều lĩnh vực. Nhà trường thường xuyên trao đổi, hợp tác với các địa phương ở trong nước; với các tổ chức, các cơ sở giáo dục trong và ngoài nước. Các lĩnh vực trao đổi hợp tác đa dạng, phong phú từ đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, trao đổi học thuật và phục vụ cộng đồng. Qua hoạt động đối ngoại, Nhà trường cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho các đối tác, phối hợp tổ chức

nhiều hội nghị, hội thảo cấp quốc gia và quốc tế, triển khai các hoạt động đào tạo, NCKH đạt chất lượng cao.

- Môi trường sư phạm và các nguồn lực: Cảnh quan, môi trường, khuôn viên của Nhà trường phù hợp với môi trường sư phạm. Trường có đủ số phòng học, giảng đường lớn, phòng thực hành, thí nghiệm với nhiều thiết bị thí nghiệm hiện đại, phù hợp với từng chuyên ngành, phục vụ cho việc giảng dạy, đáp ứng yêu cầu đào tạo và NCKH. Các nguồn tài chính của Nhà trường được quản lý chặt chẽ, hợp lý và tăng cường được các hoạt động tìm nguồn thu bên ngoài. Nhà trường có chiến lược về công tác cán bộ, và các chính sách để phát triển nguồn nhân lực.

- Hỗ trợ dạy học: Nhà trường đã có những chính sách hỗ trợ GV, công nhận, đãi ngộ thành tích, khuyến khích trong các hoạt động giảng dạy và NCKH của Nhà trường đã tạo động lực, khích lệ sự xuất sắc trong chuyên môn. Các hoạt động bồi dưỡng chuyên môn cũng được triển khai thường xuyên nhằm nâng cao năng lực chuyên môn và thực tế phổ thông cho cán bộ, giảng viên.

- Hỗ trợ học tập: Công tác hỗ trợ người học được Nhà trường đặc biệt quan tâm, các loại hình, chương trình hỗ trợ người học được tổ chức bài bản, đa dạng, phong phú, hiệu quả, có ý nghĩa thiết thực và đáp ứng được nhu cầu của người học. Nhà trường đã thực hiện đầy đủ, đảm bảo công khai, bình đẳng, minh bạch, đúng qui định về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập người học của Bộ GD-ĐT. Các hoạt động ngoại khóa được Nhà trường quan tâm và thường xuyên tổ chức.

Tuy nhiên, trong quá trình tự đánh giá bên cạnh những thành tựu đạt được, Trường tự nhận thấy vẫn còn một số tồn tại cần phải khắc phục, Nhà trường sẽ nghiêm túc nhìn nhận, thực hiện tốt các kế hoạch cải tiến nhằm không ngừng nâng cao chất lượng các hoạt động đào tạo cũng như các hoạt động khác của Nhà trường, xứng đáng là một trường đại học trọng điểm quốc gia trong tương lai không xa.

Nghệ An, ngày 11 tháng 11 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Đinh Xuân Khoa

PHỤ LỤC

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *MSS*/QĐ-ĐHV

Nghị An, ngày 17 tháng 5 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký, các nhóm chuyên trách viết báo cáo tự đánh giá sự phát triển năng lực của Trường Đại học Vinh theo Bộ chỉ số phát triển trường sư phạm (TEIDI)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

Căn cứ Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg ngày 25/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ về đổi tên Trường Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 959/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 07/3/2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc phân cấp quản lý cán bộ, viên chức các trường đại học trực thuộc Bộ;

Căn cứ Quyết định số 1822/QĐ-BGDĐT ngày 31/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc phê duyệt văn kiện chương trình ETEP;

Căn cứ Quyết định số 1336/QĐ-BGDĐT ngày 19/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc phê duyệt Sổ tay hướng dẫn thực hiện Chương trình ETEP;

Căn cứ Quyết định số 1016/QĐ-ĐHV ngày 22/10/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Thỏa thuận thực hiện Chương trình phát triển các trường sư phạm để nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông (ETEP) giữa Ban Quản lý Chương trình ETEP và Trường Đại học Vinh ngày 31/12/2018;

Căn cứ hồ sơ đề nghị của Ban Quản lý ETEP Trung ương và Ban Quản lý ETEP Trường Đại học Vinh;

Xét đề nghị của Trường Phòng Tổ chức Cán bộ và Giám đốc Trung tâm Đảm bảo chất lượng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký, các nhóm chuyên trách viết báo cáo tự đánh giá sự phát triển năng lực của Trường Đại học Vinh theo Bộ chỉ số phát triển trường sư phạm (TEIDI) gồm các thành viên có tên sau đây (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký, các nhóm chuyên trách viết báo cáo tự đánh giá sự phát triển năng lực của Trường Đại học Vinh theo Bộ chỉ số phát triển

trường sư phạm (TEIDP) có nhiệm vụ triển khai công tác tự đánh giá sự phát triển năng lực của Nhà trường năm 2019 theo Hướng dẫn đánh giá phát triển năng lực các trường sư phạm của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Ngân hàng Thế giới; tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trưởng các đơn vị: Hành chính Tổng hợp, Tổ chức Cán bộ, Đảm bảo chất lượng, Kế hoạch - Tài chính; Trưởng các đơn vị, các cá nhân có liên quan và các thành viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi gửi:

- Như Điều 3;
- Ban Giám hiệu (để b/c);
- Lưu: HCTH, ĐBCL, BQL ETEP.



GS.TS Đinh Xuân Khoa



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH

**Hội đồng tự đánh giá sự phát triển năng lực
của Trường Đại học Vinh năm 2019 theo TEIDI**

*(Kèm theo Quyết định số 115/QĐ-ĐHV, ngày 14 tháng 5 năm 2019
của Hiệu Trường Trường Đại học Vinh)*

TT	Họ và tên	Chức vụ/Đơn vị	Nhiệm vụ
1.	Đình Xuân Khoa	Hiệu trưởng	Chủ tịch
2.	Nguyễn Ngọc Hiền	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch
3.	Nguyễn Huy Bằng	Phó Hiệu trưởng	Ủy viên
4.	Nguyễn Hoa Du	Chủ tịch Hội đồng trường	Ủy viên
5.	Phạm Lê Cường	Trưởng khoa Giáo dục	Ủy viên trực
6.	Nguyễn Ngọc Hiếu	Giám đốc TT ĐBCL	Ủy viên
7.	Nguyễn Anh Dũng	Trưởng phòng TCCB	Ủy viên
8.	Nguyễn Hồng Sơn	Trưởng phòng HCTH	Ủy viên
9.	Nguyễn Thành Vinh	Phó Trưởng phòng Đào tạo	Ủy viên
10.	Đình Đức Tài	Phó TP phụ trách phòng KH&HTQT	Ủy viên
11.	Đặng Thị Thu	Phó TP phụ trách phòng CTCT-HSSV	Ủy viên
12.	Đào Đăng Tuấn	Quyển Trưởng phòng KH-TC	Ủy viên
13.	Nguyễn Hữu Sáng	Trưởng phòng QT&ĐT	Ủy viên
14.	Vũ Duy Hiệp	Giám đốc Thư viện	Ủy viên
15.	Lê Đức Giang	Phó VT Viện Sư phạm Tự nhiên	Ủy viên
16.	Trần Vũ Tài	Viện trưởng Viện Sư phạm Xã hội	Ủy viên
17.	Trần Việt Quang	Phó VT phụ trách Viện KHXH&NV	Ủy viên
18.	Nguyễn Thị Kim Anh	Trưởng khoa Sư phạm Ngoại ngữ	Ủy viên
19.	Nguyễn Ngọc Việt	Trưởng khoa GD Thể chất	Ủy viên
20.	Tăng Thị Thanh Sang	Giám đốc TT BDNVSP	Ủy viên
21.	Lê Công Đức	Giám đốc TT DV, HTSV&QHĐN	Ủy viên
22.	Lê Quang Vượng	Phó Trường BQL ETEP	Ủy viên

Ấn định danh sách này có 22 người.



DANH SÁCH

Các nhóm chuyên trách viết báo cáo Tự đánh giá sự phát triển năng lực của Trường Đại học Vinh năm 2019 theo TEIDI

(Kèm theo Quyết định số 111/QĐ-ĐHV, ngày 29 tháng 5 năm 2019 của Hiệu Trường Trường Đại học Vinh)

Nhóm	Họ và tên	Đơn vị	Nhiệm vụ
Nhóm 1	Thái Thị Kim Oanh	Trung tâm ĐBCL (Trưởng nhóm)	Tiêu chuẩn 1
	Nguyễn Quang Tuấn	Tổ Chuyên trách	
	Nguyễn Quốc Dũng	Phòng HCTH	
	Phạm Thị Thanh Vân	Phòng TCCB	
	Đinh Thị Nga	Trung tâm ĐBCL	
Nhóm 2	Nguyễn Thành Vinh	Phòng Đào tạo (Trưởng nhóm)	Tiêu chuẩn 2
	Nguyễn Thanh Mỹ	Phòng Đào tạo	
	Lê Khắc Phong	Phòng Đào tạo	
	Đào Quang Thắng	Phòng Đào tạo	
	Trần Thị Huyền	Trung tâm ĐBCL	
Nhóm 3	Đinh Đức Tài	Phòng KH&HTQT (Trưởng nhóm)	Tiêu chuẩn 3
	Trần Thị Thái	Phòng KH&HTQT	
	Nguyễn Anh Lương	Phòng HCTH	
	Lê Minh Giang	Phòng HCTH	
	Nguyễn Huy Hằng	Trung tâm ĐBCL	
Nhóm 4	Nguyễn Hồng Sòa	Phòng HCTH (Trưởng nhóm)	Tiêu chuẩn 4
	Hoàng Iả Nam	Phòng HCTH	
	Nguyễn Văn Hải	Phòng KH&HTQT	
	Phan Thế Hòa	Phòng KH&HTQT	
	Trần Thị Huyền	Trung tâm ĐBCL	
Nhóm 5	Trần Đình Luận	Phòng QT&ĐT (Trưởng nhóm)	Tiêu chuẩn 5
	Hoàng Thị Nga	Thư viện	
	Chu Thị Ngọc Diệp	Trung tâm TH-TN	
	Trần Thu Liên	Phòng KH-TC	
	Phạm Đình Mạnh	Phòng TCCB	
Nhóm 6	Nguyễn Thị Xuân Lộc	Phòng TCCB (Trưởng nhóm)	Tiêu chuẩn 6
	Hà Văn Ba	Phòng TCCB	
	Phạm Thị Thanh Vân	Phòng TCCB	
	Phan Hùng Thư	Phòng Đào tạo	
	Đinh Thị Nga	Trung tâm ĐBCL	
Nhóm 7	Đặng Thị Thơ	Phòng CTCT-HSSV (Trưởng nhóm)	Tiêu chuẩn 7
	Hoàng Ngọc Diệp	Phòng CTCT-HSSV	
	Nguyễn Lê Quang	Phòng CTCT-HSSV	
	Phan Anh Hùng	Phòng Đào tạo	
	Nguyễn Thái Dũng	Tổ Chuyên trách	

Án định danh sách này có 33 người. ✓

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH

Ban thư ký Hội đồng tự đánh giá sự phát triển năng lực
của Trường Đại học Vinh năm 2019 theo TEIDI

(Kèm theo Quyết định số 155/QĐ-ĐHV, ngày 14 tháng 5 năm 2019
của Hiệu Trường Trường Đại học Vinh)

TT	Họ và tên	Chức vụ/Đơn vị	Nhiệm vụ
1.	Phạm Lê Cường	Trưởng khoa Giáo dục	Trưởng ban
2.	Lê Quang Vượng	Phó Trưởng BQL ETEP	Phó ban
3.	Lê Thế Cường	Phó Viện trưởng Viện SPXH	Ủy viên
4.	Nguyễn Thành Vinh	Phó Trưởng phòng Đào tạo	Ủy viên
5.	Thái Thị Kim Oanh	Phó Giám đốc TT ĐBCL	Ủy viên
6.	Bùi Thanh Thùy	Chuyên viên VP BQL ETEP	Ủy viên
7.	Nguyễn Thị Minh Ngọc	Chuyên viên VP BQL ĐA NN	Ủy viên

Ấn định danh sách này có 7 người. ✓